**CHUYÊN ĐỀ 6: TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY**

**I. Những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay**

- Chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước trở thành một hệ thống. Trong nhiều thập niên nửa sau của thế kỉ XX, các nước xã hội chủ nghĩa trở thành một lực lượng hùng mạnh về mọi mặt. Nhưng vì đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng trong đường lối, chính sách, sự chống phá của các thế lực đế quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

- Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh đã giành được những thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử làm sụp đổ hệ thống thuộc địa và chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác- thai), đưa đến sự ra đời của hơn một trăm quốc gia độc lập.

- Các nước tư bản chủ nghĩa đã có sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, khoa học – kĩ thuật, tiêu biểu là Nhật Bản và Cộng hòa Liên bang Đức. Các nước tư bản ngày càng có xu hướng liên kết kinh tế khu vực như khối Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC), ngày nay là Liên minh châu Âu (EU).

- Về quan hệ quốc tế, từ sau năm 1945 là sự xác lập trật tự hai cực do hai siêu cường Liên Xô và Mĩ đứng đầu. Đến nay về cơ bản, nguy cơ chiến tranh được đẩy lùi, thế giới chuyển dần sang xu thế hòa hoãn và đối thoại.

- Trong nửa đầu thế kỉ XX đã diễn ra cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật với những tiến bộ phi thường và những thành tự kì diệu.

**II. Các xu thế phát triển của thế giới ngày nay**

1. Sự hình thành trật tự thế giới mới (đang trong quá trình xác định).

2. Xu thế hòa hoãn, thỏa hiệp giữa các nước lớn. Xu thế đối thoại, hợp tác cùng tồn tại hòa bình.

3. Các nước điều chỉnh chiến lược, trong đó lấy việc phát triển kinh tế làm trọng điểm.

4. Nguy cơ biến thành xung đột nội chiến, đe dọa nghiêm trọng hòa bình ở nhiều khu vực.

Xu hướng chung của thế giới ngày nay là hòa bình, ổn định hợp tác và phát triển.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1:** Đặc điểm của lịch sử thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, với chiến thắng của Liên Xô và các lực lượng cách mạng trên thế giới, thế giới đã chia thành hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, do Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe. Đây là đặc điểm chủ yếu, bao trùm suốt bốn thập niên (1945 - 1992), chi phối mạnh mẽ và tác động sâu sắc tình hình chính trị thế giới.

- Trong giai đoạn này, quan hệ giữa hai siêu cường quốc luôn trong tình trạng đối đầu, căng thẳng và mục tiêu đấu tranh của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng, dân chủ tiến bộ là hòa bình, độc lập và tiến bộ xã hội.

**Câu 2:** Phân tích những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới và trở thành một lực lượng hùng mạnh về chính trị, quân sự, kinh tế trong nhiều thập niên của nửa sau thế kỉ XX. Do sai lầm nghiêm trọng và sự chống phá của các thế lực thù địch, chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu.

- Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc nổ ra mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh, làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phân biệt chủng tộc làm xuất hiện hơn 100 quốc gia độc lập. Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị thế giới; nhiều nước đạt được thành tựu to lớn trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội như Trung Quốc, Ấn Độ, các nước ASEAN… - Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, mưu đồ làm bá chủ thế giới, những cũng phải chịu những thất bại nặng nề, nhất là trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954 – 1975). Sau khi khôi phục nền kinh tế, các nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng về kinh tế (tiêu biểu là Nhật Bản và Cộng hòa Liên bang Đức) và ngày càng có xu hướng liên kết khu vực, tiêu biểu là sự ra đời của Cộng đồng kinh tế châu Âu. Thế giới hình thành ba trung tâm kinh tế - tài chính là Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản.

- Trật tự thế giới hai cực được thiết lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai do liên Xô và Mĩ đứng đầu mỗi cực. Thế giới chia thành hai phe đối đầu căng thẳng, đỉnh cao là “chiến tranh lạnh”. Đến năm 1989, Liên Xô và Mĩ tuyên bố chấm dứt “chiến tranh lạnh”, nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi.

- Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật với nhứng tiến bộ phi thường và những thành tựu kì diệu là nhân tố quyết định đối với sự tăng trưởng kinh tế nâng cao mức sống và chất lượng sống của con người.

**Câu 3:** Tại sao nói “Hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển” vừa là thời cơ, vừa là thách thức với các dân tộc?

- “Hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc vì: Từ sau “chiến tranh lạnh”, bối cảnh chung của thế giới là ổn định nên các nước có cơ hội thuận lợi trong việc xây dựng và phát triển đất nước, tăng cường hợp tác và tham gia các liên minh kinh tế khu vực. Bên cạnh đó, các nước đang phát triển có thể tiếp thu những tiến bộ khoa học – kĩ thuật của thế giới và khai thác nguồn vốn đầu tư nước ngoài để rút ngắn thời gian xây dựng và phát triển đất nước.

- Đây cũng là thách thức vì phần lớn các nước đang phát triển đều có điểm xuất phát thấp về kinh tế, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế; sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường thế giới; việc sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay bên ngoài; việc giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc và sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại… Nếu nắm bắt được thời cơ thì kinh tế - xã hội của đất nước phát triển. Nếu nắm bắt được thời cơ nhưng không có đường lối chính sách đúng đắn, phù hợp thì sẽ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

Vì vậy mỗi dân tộc đều có những chính sách, đường lối phù hợp để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhứng chính sách đường lối phù hợp, nhờ đó, đất nước ta từng bước phát triển hòa nhập dần vào đời sống khu vực và thế giới.

**Phần 2: LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY**

**Chuyên đề 1: VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 – 1930**

**A. VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT**

**I. Chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp**

\* Nguyên nhân:

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp là nước thắng trận nhưng lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra, một mặt Pháp tăng cường bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động chính quốc, mặt khác đẩy mạnh khai thác thuộc địa, trong đó có Đông Dương và Việt Nam.

\* Nội dung: So với cuộc khai thác lần thứ nhất thì đây là cuộc khai thác triệt để với quy mô và mức độ lớn hơn.

Pháp tăng cường đầu tư vốn tăng gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

- Các ngành kinh tế của tư bản Pháp ở Đông Dương sau chiến tranh đều có bước phát triển mới. Nổi bật là sự tăng cường đầu tư và đẩy mạnh khai thác, chủ yếu ở hai ngành - nông nghiệp và khai mỏ.

- Nông nghiệp: tiến hành cướp ruộng đất để phát triển các đồn diền cao su.

- Khai thác mỏ: chủ yếu là mỏ than, vì ở Việt Nam có trữ lượng than nhiều và than có giá trị kinh tế rất cao.

- Công nghiệp: chú ý tới công nghiệp chế biến (mở nhiều nhà máy sợi, nhà máy rượu, nhà máy điện, nhà máy đường, nhà máy xay xát gạo).

- Thương nghiệp: đánh thuế nặng hàng ngoại nhập vào Việt Nam, nhưng nhập nhiều hàng Pháp miễn thuế.

- Giao thống vận tải: được mở mang để phục vụ khai thác.

- Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy các ngành kinh tế ở Dông Dương. Như vậy, so với chương trình khai thác lần thứ nhất, chương trình khai thác lần thứ hai có điểm mới là Pháp tăng cường đầu tư vốn, kĩ thuật vào mở rộng sản xuất để kiếm lởi. Vì vậy, sau chiến tranh, các ngành kinh tế của tư bản Pháp ở Đông Dương đều có bước phát triển mới. Song về cơ bản, thực dân Pháp hạn chế nền công nghiệp thuộc địa phát triển, buộc nền kinh tế thuộc địa phải phụ thuộc vào chính quốc.

**II. Các chính sách về chính trị, văn hoá, giáo dục**

Mọi chính sách được thực thi ráo riết, với những bổ sung, điều chỉnh có lợi cho tư bản Pháp:

- Chính sách chuyên chế triệt để, thâu tóm mọi quyền hành về tay người Pháp, vua quan Nam triều chỉ là bù nhìn, tay sai.

+ Chính sách “chia để trị", chia Việt Nam thành ba xứ với ba chế độ khác nhau, chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo.

+ Triệt để lợi dụng bộ máy địa chủ, cường hào ở nông thôn.

- Chính sách văn hoá - giáo dục nô dịch.

+ Thi hành chính sách văn hoá nô dịch.

+ Lợi dụng sách báo công khai để tuyên truyền chính sách “khai hoá" và gieo ảo tưởng hoà bình.

**III. Xã hội Việt Nam phân hoá**

- Do tác động của chính sách khai thác lần thứ hai và chế độ cai trị hà khắc, thủ đoạn chính trị lừa bịp của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam đã phân hoá sâu sắc.

- Giai cấp địa chủ phong kiến: chiếm nhiều diện tích ruộng đất, được thực dân Pháp ủng hộ nên ra sức bóc lột nông dân. Tuy nhiên cũng có một số bộ phận địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước, tham gia các phong trào yêu nước khi có điều kiện.

- Tầng lớp tư sản: ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, số lượng ít; phân hoá làm hai bộ phận:

+ Tư sản mại bản: Có quyền lợi gắn chặt với đế quốc nên câu kết chặt chẽ về chính trị với đế quốc.

+ Tư sản dân tộc: có khuynh hướng kinh doanh độc lập nên có tinh thần dân tộc, dân chủ, nhưng thái độ không kiên định.

- Tầng lớp tiểu tư sản: tăng nhanh về số lượng sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, bị Pháp chèn ép, bạc đãi nên có đời sông bấp bênh. Bộ phận trí thức có tinh thần hăng hái cách mạng. Đó là lực lượng quan trọng của cách mạng dân tộc, dân chủ.

- Giai cấp nông dân: chiếm hơn 90% số dân, bị để quốc, phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, bị bần cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn. Đây là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

- Giai cấp công nhân: ra đời từ cuộc khai thác lần thứ nhất của Pháp (trước chiến tranh) và phát triển nhanh trong cuộc khai thác lần thứ hai. Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng:

+ Bị ba tầng áp bức bóc lột (đế quốc, phong kiến, tư sản người Việt);

+ Có quan hệ tự nhiên gắn bó với nông dân;

+ Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc.

+ Đặc biệt, giai cấp công nhân Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã tiếp thu ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới sau chiến tranh, nhất là của chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga.

Do đó, giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành một lực lượng chính trị độc lập, đi đầu trên mặt trận chống để quốc phong kiến, nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta.

**B. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1919 – 1925)**

**1. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới** - Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ.

- Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917) đã thức tỉnh nhân dân Việt Nam, có ý nghĩa lịch sử quốc tế to lớn, làm cho phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân các nước tư bản gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa để quốc.

- Trong cao trào cách mạng 1918 – 1923, giai cấp vô sản thế giới bắt đầu bước lên võ đài chính trị.

Tháng 3 – 1919, Đệ tam quốc tế (Quốc tế cộng sản) ra đời. Nhiều đảng cộng sản được thành lập: Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921)...

- Đánh dấu một giai đoạn mới của phong trào cách mạng thế giới.

- Phong trào cách mạng thế giới có ảnh hưởng tích cực tới phong trào cách mạng Việt Nam, thúc đẩy cách mạng Việt Nam chuyển sang một thời kì mới: tạo điều kiện cho việc truyền bá tư tưởng Mác - Lênin vào Việt Nam.

**2. Phong trào dân tộc, dân chủ công khai (1919 – 1925)**

- Giai cấp tư sản dân tộc đã dấy lên phong trào chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hoá (1919) và tổ chức Đảng Lập hiến (muốn lợi dụng sự ủng hộ của quần chúng làm áp lực với Pháp, khi Pháp nhượng bộ thì sẵn sàng thoả hiệp với Pháp).

- Tầng lớp tiểu tư sản tri thức: Tập hợp trong những tổ chức chính trị như Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Việt Nam nghĩa đoàn, Đảng Thanh niên... với nhiều hoạt động phong phú, sôi nổi: + Mít tinh, biểu tình, bãi khoá....

+ Xuất bản những tờ báo tiến bộ để cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

+ Tiếng bom của Phạm Hồng Thái ở Sa Điện (Quảng Châu - Trung Quốc tháng 6 -1924) mở màn cho thời kì đấu tranh mới của dân tộc.

+ Đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bôi Châu (1125) và đám tang Phan Chu Trinh (1926) v.v… 3. Phong trào công nhân (1919 - 1925) - Do bị áp bức bóc lột nặng nề, lại được sự cổ vũ của các cuộc đấu tranh công nhân, thuỷ thủ Pháp và Trung Quốc ở Hải Phòng, Sài Gòn, Hương Cảng, Thượng Hải...., phong trào công nhân có bước phát triển mới.

- Cuộc đấu tranh của công nhân thời kì này tuy còn lẻ tẻ, tự phát, nhưng ý thức giai cấp phát triển nhanh chóng làm cho các cơ sở tổ chức và phong trào chính trị cao hơn về sau.

- Đáng kể nhất là cuộc bãi công của thợ máy xưởng Ba Son (Sài Gòn 1925). Với cuộc bãi công này, giai cấp công nhân Việt Nam bước đầu đi vào đấu tranh tự giác và đã đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam - Giai cấp công nhân nước ta từ đây bước đầu đi vào đấu tranh có tổ chức và có mục đích chính trị rõ ràng.

**C. HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NGOÀI TRONG NHỮNG NĂM 1919 – 1925**

**I. Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917 - 1923)**

- Ngày 5 - 6 - 1911, từ Cảng Nhà Rồng, Nguyễn Ái Quốc làm phụ bếp trên tàu Đô Đốc Latut Trêvin và bắt đầu cuộc hành trình vạn dặm, hoà mình vào cuộc sống lao động, đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động Pháp để tìm đường cứu nước. Từ 1911 - 1917, Người đã đến nhiều nước ở châu Âu, châu Phi và châu Mĩ. Cuối năm 1917, Người trở lại nước Pháp.

- Tháng 6 - 1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước sống ở Pháp gửi tới Hội nghị Véc-xai bản yêu sách đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

- Tháng 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Từ đó Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn tin theo Lê-nin và đứng về Quốc tế thứ ba.

- Tháng 12 - 1920, tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước: Kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Hội liên hiệp thuộc địa để tuyên truyền, tập hợp lực lượng chống chủ nghĩa đế quốc.

- Năm 1922, ra báo "Le Paria" (Người cùng khổ) - vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc, góp phần thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc.

- Nguyễn Ái Quốc còn viết nhiều bài cho các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân và viết cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp. Những sách báo này đã được bí mật chuyển về Việt Nam.

**II. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 - 1924)**

- Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân, sau đó ở lại Liên Xô vừa nghiên cứu vừa học tập.

- Năm 1924, tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V, Nguyễn Ái Quốc đã đọc tham luận về nhiệm vụ cách mạng ở các nước thuộc địa và mối quan hệ giữa cách mạng các nước thuộc địa với phong trào công nhân ở các nước đế quốc.

- Những quan điểm cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận được dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin là bước chuẩn bị về chính trị và tư tưởng cho sự thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

**III. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924 - 1925)**

- Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên: + Đến năm 1925, phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam có bước phát triển mới.

+ Sau thời gian hoạt động ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc). Người đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam và thanh niên yêu nước mới sang để thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6 -1925), trong đó có tổ chức Cộng sản đoàn làm nòng cốt.

+ Mục đích của Hội: đào tạo cán bộ cách mạng đem chủ nghĩa Mác - Lênin truyền bá về Việt Nam, chuẩn bị điều kiện để thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam

+ Hoạt động của Hội: Người đã sáng lập ra báo Thanh niên, trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ cách mạng. Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc đã được tập hợp và in thành sách Đường kách mệnh (1927) nêu ra phương hướng cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam.

Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã tiến hành "vô sản hóa", góp phần thực hiện việc kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, thúc đẩy nhanh sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

\* Tác dụng và ý nghĩa của những hoạt động trên: Thúc đẩy phong trào công nhân phát triển về chất.

Bước chuẩn bị về tổ chức cho thành lập chính đảng của giai cấp vô sản Việt Nam.

**D. CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI**

**I. Các tổ chức yêu nước cách mạng ra đời ở trong nước**

\* Hoàn cảnh chung - Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời và hoạt động có tác dụng to lớn đến phong trào cách mạng Việt Nam.

- Những điểm mới trong phong trào cách mạng Việt Nam (1926 - 1927): Phong trào công nhân, nông dân và tiểu tư sản phát triển đã kết thành một làn sóng cách mạng dân tộc dân chủ khắp cả nước, trong đó giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập biểu hiện ở đấu tranh mang tính thống nhất, trình độ giác ngộ của công nhân được nâng lên rõ rệt.

**II. Tân Việt Cách mạng Đảng (7 - 1928)**

- Hoàn cảnh: Tiền thân của Tân Việt là Hội Phục Việt ra đời vào ngày 14 - 7 - 1925, do nhóm sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương và nhóm tù chính trị Trung Kì thành lập. Sau nhiều lần đổi tên, đến tháng 7 - 1928, Hội Phục Việt chính thức lấy tên là Tân Việt Cách mạng đảng.

- Thành phần: là những trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước.

- Hoạt động:

+ Khi mới thành lập, là một tổ chức yêu nước, chưa có lập trường giai cấp rõ rệt.

+ Do ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện và vận động hợp nhất với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

+ Nội bộ Tân Việt đã phân hoá thành hai khuynh hướng: khuynh hướng cải lương (đứng trên lập trường quốc gia tư sản) và khuynh hướng vô sản.

+ Những đảng viên tích cực nhất của Tân Việt đã họp lại, chuẩn bị thành lập một đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác-lênin.

- Sự ra đời và hoạt động của Tân Việt chứng tỏ tinh thần yêu nước và nguyện vọng cứu nước của thanh niên trí thức tiểu tư sản Việt Nam.

**III. Việt Nam Quốc dân đảng (1927) và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930)**

**1. Việt Nam Quốc dân đảng**

- Sự ra đời:

+ Thành lập ngày 25 - 12 - 1927. Hạt nhân đầu tiên của đảng là Nam đồng thư xã.

+ Những người sáng lập: Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu...

+ Đây là tổ chức đại diện cho tư sản dân tộc theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.

- Hoạt động:

+ Địa bàn chủ yếu ở một số địa phương Bắc Kì.

+ Lúc mới thành lập chưa có cương lĩnh rõ ràng.

+ Năm 1928 và năm 1929, hai lần thay đổi chủ nghĩa, + Tổ chức ám sát tên trùm mộ phu Badanh (2 - 1929) nhưng không thành, bị thực dân Pháp khủng bố trắng.

**2. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái**

- Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức ám sát tên trùm mộ phu Ba-danh vào ngày 2 - 9 - 1929 ở Hà Nội.

Thực dân Pháp đã tổ chức đàn áp. Việt Nam Quốc dân đảng bị tổn thất nặng nề. Cơ sở đang bị phá vỡ nhiều nơi, cán bộ từ trung ương đến địa phương hầu hết bị sa lưới giặc. Trước tình thế ấy, một số người lãnh đạo còn lại quyết định khởi nghĩa.

- Cuộc khởi nghĩa nổ ra vào ngày 9 - 2 - 1930 tại Yên Bái, sau đó lan đến Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình nhưng nhanh chóng bị thất bại.

**3. Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Yên Bái.**

- Nguyên nhân.

+ Khách quan: Thực dân Pháp còn mạnh và chúng đàn áp tàn bạo.

+ Chủ quan: Do sự non yếu về chính trị và tổ chức, không đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

- Ý nghĩa lịch sử: Cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù giặc của nhân dân ta đối với thực dân và phong kiến.

**IV. Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929**

**1. Hoàn cảnh lịch sử**

- Năm 1929, phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác phát triển, kết thành một làn sóng dân tộc dân chủ ngày càng sâu rộng.

- Cuối tháng 3 - 1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc Kì họp tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội), lập ra Chi bộ cộng sản đầu tiên.

- Tháng 5 - 1929, Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đoàn đại biểu Bắc Kì đặt vấn đề thành lập Đảng Cộng sản, song không được chấp nhận.

**2. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản**

- Ngày 17 - 6 - 1929, đại biểu các tổ chức Bắc Kì họp, quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản đảng.

- Khoảng tháng 8 - 1929, các cán bộ lãnh đạo tiên tiến trong Tổng bộ và Kì bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Kì cùng đã quyết định lập An Nam Cộng sản đảng.

- Một số đảng viên tiên tiến của Đảng Tân Việt cũng tích cực vận động lập các chi bộ cộng sản và xúc tiến việc chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản. Tháng 9 - 1929, những người cộng sản trong Tân Việt tuyên bố thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

**3. Ý nghĩa lịch sử**

- Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản lúc bây giờ là một xu thế khách quan của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

- Các tổ chức cộng sản trên đã nhanh chóng phát triển tổ chức cơ sở Đảng và quần chúng trong nhiều địa phương, tiếp tục tổ chức và lãnh đạo các cuộc đấu tranh của quần chúng.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam có gì mới? Tác động của nó đối với nền kinh tế Việt Nam như thế nào?

\* Những điểm mới:

- Hoàn cảnh mới: Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp bắt tay ngay vào cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai để bù đắp vào những thiệt hại do chiến tranh gây ra.

- Nội dung khai thác mới:

+ Quy mô khai thác lớn hơn gấp nhiều lần so với cuộc khai thác lần thứ nhất. Tăng vốn đầu tư lên 4 tỉ phrăng.

+ Đẩy mạnh hơn nữa việc cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền, coi đây là lĩnh vực trọng tâm của việc khai thác.

+ Đẩy mạnh khai thác mỏ, nhất là mỏ than.

+ Đẩy mạnh phát triển thương nghiệp bằng cách độc chiếm thị trường Việt Nam, đóng thuế nặng vào hàng hoá nhập khẩu của Trung Quốc và Nhật Bản.

- Hậu quả mới:

+ Càng làm cho kinh tế Việt Nam bị cột chặt vào kinh tế Pháp. Đông Dương trở thành thị trường độc chiếm của Pháp.

+ Xã hội Việt Nam có sự phân hoá sâu sắc về giai cấp.

\* Tác động về kinh tế:

- Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa một chừng mực nhất định đã được du nhập vào Việt Nam, xen kẽ với quan hệ sản xuất phong kiến, tuy có làm cho nền kinh tế Việt Nam phát triển thêm một bước nhưng về cơ bản, nền kinh tế Việt Nam vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, lệ thuộc vào Pháp.

**Câu 2.** Thực dân Pháp đầu tư khai thác nhiều nhất vào lĩnh vực nào? Vì sao? Hậu quả của việc khai thác đó?

- Các ngành kinh tế của tư bản Pháp ở Đông Dương sau chiến tranh đều có bước phát triển mới. Nổi bật là sự tăng cường đầu tư và đẩy mạnh khai thác, chủ yếu ở hai ngành - nông nghiệp và khai mỏ.

- Vì:

+ Đối với lĩnh vực nông nghiệp: Nước ta vốn dĩ là một nước nông nghiệp, diện tích đất đai sản xuất nông nghiệp nhiều, Pháp đầu tư khai thác nông nghiệp trước hết là tước đoạt ruộng đất của nông dân để lập các đồn điền trồng các loại cây công nghiệp.

Vì nước ta là một nước nông nghiệp nên nông dân chiếm đa số trong dân tộc, khi Pháp tước đoạt ruộng đất của nông dân làm cho nông dân trở thành lao động tay trắng, phải làm thuê cho chúng. Lúc này Pháp khai thác được nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ cho công cuộc cướp bóc của chúng.

+ Đối với lĩnh vực khai thác mỏ, chủ yếu là mỏ than.

Nước ta có trữ lượng than rất lớn, than lại có giá trị kinh tế rất cao. Khai thác than Pháp cướp bóc được nguồn nguyên liệu thu lợi nhuận cao hơn so với các ngành khác.

- Hậu quả: Làm cho đời sống của nông dân bị bần cùng, công nhân bị khốn khổ. Mâu thuẫn giữa nông dân và công nhân với thực dân Pháp ngày càng gay gắt.

**Câu 3.** Trong quá trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam, thực dân Pháp thực hiện những thủ đoạn về chính trị và văn hoá như thế nào? Mục đích của thủ đoạn đó là gì?

\* Thủ đoạn chính trị:

- Mọi quyền hành nằm trong tay người Pháp, vua quan Nam triều chỉ là bù nhìn tay sai. Nhân dân ta không được hưởng một chút quyền tự do cho dân chủ nào, mọi hành động yêu nước đều bị đàn áp khủng bố.

- Thi hành chính sách “chia để trị": chia nước ta thành ba kì với ba chế độ khác nhau, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo.

- Triệt để lợi dụng bộ máy địa chủ cường hào ở nông thôn về bảo vệ quyền uy và sự thống trị của Pháp.

\* Thủ đoạn về văn hoá:

- Pháp triệt để thi hành chính sách văn hóa nổ dịch nhằm gây cho nhân dân ta tâm lí tự ti; ra sức khuyên khích các hoạt động mê tín, dị đoan, các tệ nạn xã hội như cở bạc, rượu chè. v.v…

- Trường học được mở rất hạn chế chủ yếu là các trường tiểu học, các trường trung học chỉ mở ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Các trường đại học và cao đẳng ở Hà Nội thực chất chỉ là trường chuyên nghiệp.

- Sách, báo xuất bản công khai được lợi dụng triệt để vào việc tuyên truyền chính sách "khai hóa" của thực dân và gieo rắc ảo tưởng hòa bình hợp tác với thực dân cướp nước và vua quan bù nhìn bán nước.

\* Mục đích của thủ đoạn đó: để phục vụ cho công cuộc đẩy mạnh khai thác, bóc lột và củng cố bộ máy chính trị của thực dân Pháp ở thuộc địa.

**Câu 4.** Hãy phân tích thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Vì sao giai cấp công nhân Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

\* Phân tích:

- Giai cấp địa chủ phong kiến: + Bộ phận nhỏ là đại địa chủ, giàu có lên do dựa vào Pháp, chống lại cách mạng, chúng trở thành đối tượng của cách mạng.

+ Bộ phận lớn là trung nông và tiểu địa chủ, bị Pháp chèn ép đụng chạm tới quyền lợi, nên ít nhiều có tinh thần chống đế quốc, tham gia phong trào yêu nước khi có điều kiện.

- Giai cấp nông dân: Do bị áp bức, bóc lột nặng nề bởi thực dân và phong kiến nên nông dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, có tinh thần chống đế quốc và phong kiến, là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

- Giai cấp tư sản: có hai bộ phận:

+ Tư sản mại bản có quyền lợi gắn với đế quốc, nên cấu kết chặt chẽ về chính trị với chúng.

+ Tư sản dân tộc có khuynh hướng kinh doanh, phát triển kinh tê'độc lập, nên ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ chống đế quốc, phong kiến, nhưng lập trường của họ không kiên định, dễ dàng thỏa hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.

- Tầng lớp tiểu tư sản: nhạy bén với tình hình chính trị, có tinh thần cách mạng, hăng hái đấu tranh và là một lực lượng quan trọng trong cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta.

- Giai cấp công nhân: là giai cấp yêu nước, cách mạng, cùng với giai cấp nông dân họ trở thành hai lực lượng chính của cách mạng và họ là giai cấp lãnh đạo cách mạng.

\* Vì sao giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng: - Giai cấp công nhân Việt Nam bị ba tầng áp bức bóc lột (đế quốc, phong kiến, tư sản người Việt); họ có quan hệ tự nhiên gắn bó với nông dân; kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc.

- Đặc biệt, giai cấp công nhân Việt Nam ngay từ khi mới ra đời đã tiếp thu ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới sau chiến tranh, nhất là của chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga.

- Do đó, giai cấp công nhân Việt Nam sớm trở thành một lực lượng chính trị độc lập, đi đầu trên mặt trận chống để quốc phong kiến, nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta.

**Câu 5.** Lập bảng so sánh cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929) của thực dân Pháp ở Việt Nam (hoàn cảnh lịch sử, mục đích, quy mô, hệ quả và tác động đến kinh tế, xã hội Việt Nam).

Cuộc khai thác lần thứ nhất Cuộc khai thác lần thứ hai Hoàn cảnh lịch sử Sau khi thực hiện xong việc bình định về quân sự, thực dân Pháp bắt đầu khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914).

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), thực dân Pháp tiếp tục khai thác thuộc địa lần thứ hai ở v^ệt Nam.

Mục đích - Khai thác nguồn tài nguyên phong phú.

- Bóc lột nguồn nhân công rẻ mạt.

- Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Pháp.

Giống như cuộc khai thác lần thứ nhất.

Nội dung Pháp đầu tư vào các ngành kinh tế: - Nông nghiệp: Tiến hành cướp ruộng đất của nông dân để lập đồn điền.

- Công nghiệp: Chủ yếu khai thác mỏ, Quy mô khai thác gấp nhiều lần so với lần thứ nhất, đầu tư vào các ngành: - Nông nghiệp: Vốn đầu tư cho nông nghiệp tính đến năm 1927 là 64 triệu nhất là mỏ than. Ngoài ra, bắt đầu hình thành những cơ sở công nghiệp hàng tiêu dùng.

- Giao thống vận tải: Chú ý phát triển để phục vụ cho công cuộc khai thác và mục đích quân sự.

- Thương nghiệp: Độc quyền xuất nhập khẩu. Hàng hoá Pháp ở thị trường Viêt Nam chiấm 37% số lượng hàng nhập khẩu. Tổng số vốn của Pháp đầu tư vào Việt Nam gần 1 tỉ đồng.

france. Đẩy mạnh cướp đoạt ruộng đất, tính đến 1930, Pháp chiếm 850.000 ha để lập đồn điền cao su.

- Công nghiệp: chủ yếu là khai thác mỏ than sản lượng khai thác than tăng gấp nhiều lần so với trước chiến tranh. Ngoài ra Pháp còn chú ý đến công nghiệp tiêu dùng, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến.

- Thương nghiệp: Độc chiếm thị trường Việt Nam, đóng thuế nặng vào các mặt hàng nhập từ Nhật Bản và Trung Quốc.

Lập ngân hàng Đông Dương. Tăng thuế đôi với hàng hóa nội địa.

Hệ quả Làm cho kinh tế Việt Nam bị què quặt, ngày càng lệ thuộc vào chính quốc.

Càng làm cho kinh tế nước ta bị cột chặt vào kinh tế nước Pháp. Đông Dương trở thành thị trường độc chiếm của Pháp.

Tác động - Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt đầu du nhập vào Việt Nam tồn tại cùng với phương thức sản xuất phong kiến.

- Xã hội Việt Nam bắt đầu phân chia giai cấp.

- Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa tiếp tục du nhập vào Việt Nam. Hình thái kinh tế chuyển đổi rõ rệt từ hình thái phong kiến chuyển sang hình thái tư bản chủ nghĩa.

- Xã hội Việt Nam có sự phân hoá giai cấp rõ rệt.

**Câu 6.** Tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam như thế nào? Vì sao tình hình thế giới đó có tác động đưa cách mạng Việt Nam theo con đường vô sản?

\* Tình hình thế giới: Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã làm cho phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước tư bản đế quốc phương Tây gắn bó mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

- Tháng 3 - 1919, Quốc tế thứ ba (Quốc tế Cộng sản) thành lập.

- Tháng 12 - 1920, Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời.

- Tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã ảnh hưởng thuận lợi đến phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam: tác động đến sự lựa chọn con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá tư tưởng Mác - Lênin vào Việt Nam.

\* Nguyên nhân: Những biến chuyển của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có tác động rất lớn đối với cách mạng thuộc địa nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng. Đặc biệt, làm cho cách mạng Việt Nam chuyển hướng theo con đường cách mạng vô sản, bởi vì: Cách mạng tháng Mười Nga là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới giành được thắng lợi; Quốc tế thứ ba là tổ chức quốc tế bảo vệ quyền lợi cho giai cấp vô sản thế giới; các Đảng Cộng sản các nước thành lập để lãnh đạo phong trào đấu tranh của các nước theo con đường vô sản.

**Câu 7.** Vì sao trong những năm 1919 - 1925, giai cấp tư sản và tiểu tư sản Việt Nam tổ chức các cuộc đấu tranh chống Pháp và họ đã đấu tranh như thế nào?

\* Nguyên nhân:

- Lúc này chủ nghĩa Mác - Lênin chưa được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam, cách mạng Việt Nam đang chịu sự tác động mạnh mẽ của hệ tư tưởng dân chủ tư sản, nhất là hệ tư tưởng tam dân của Tôn Trung Sơn ở Trung Quốc.

- Giai cấp tư sản Việt Nam nhân đà làm ăn thuận lợi muốn vươn lên giành vị trí khá hơn trong nền kinh tế Việt Nam.

\* Các cuộc đấu tranh: - Giai cấp tư sản dân tộc đã tổ chức phong trào chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hoá (1919); chống độc quyền cảng Sài Gòn, chống độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kì... Ngoài ra, họ còn tổ chức thành lập Đảng Lập hiến để tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng làm áp lực với Pháp.

- Tầng lớp tiểu tư sản tri thức: Tập hợp trong những tổ chức chính trị như Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Việt Nam Nghĩa đoàn, Đảng Thanh niên... với nhiều hoạt động phong phú, sôi nổi: + Mít tinh, biểu tình, bãi khoá....

+ Xuất bản những tờ báo tiến bộ để cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

+ Tiếng bom của Phạm Hồng Thái ở Sa Điện (Quảng Châu -Trung Quốc tháng 6 - 1924) mở màn cho thời kì đấu tranh mới của dân tộc.

+ Đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925) và đám tang Phan Chu Trinh (1926) v.v...

**Câu 8.** Các hình thức đấu tranh của tiểu tư sản Việt Nam trong thời kì này là gì? So sánh phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản và của tiểu tư sản. Rút ra nhận xét chung về phong trào đấu tranh này.

\* Các hình thức đấu tranh:

- Đấu tranh chính trị:

+ Thành lập các tổ chức chính trị cua mình như Hội Phục Việt, Hưng Nam và Đảng Thanh niên.

+ Đòi nhà cầm quyền Pháp thả tự do cho cụ Phan Bội Châu (1925) và đưa tang cụ Phan Châu Trinh (1926).

- Đấu tranh báo chí: lập ra những nhà xuất bản tiến bộ như Cường học thư xã, Nam Đồng thư xã ...và xuất bản những tờ báo tiến bộ như Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê...

- Đấu tranh bạo lực: tháng 6 - 1924, Tâm tâm xã giao cho Phạm Hồng Thái mưu sát tên toàn quyền Méc-lanh tại Quảng Châu (Trung Quốc). Cuộc mưu sát không thành nhưng đã gây nên tiếng vang lớn trong và ngoài nước.

\* So sánh: Tiêu chí so sánh Phong trào tư sản Phong trào tiểu tư sản

1) Mục tiêu đấu tranh Đòi tự do dân chủ, đòi quyền lợi về kinh tế.

Chống cường quyền, áp bức, đòi các quyền tự do dân chủ.

2) Tính chất Yêu nước, dân chủ. Yêu nước, dân chủ.

3) Tích cực Mang tính chất dân chủ, yêu nước, tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng gây áp lực với thực dân Pháp, chống sự cạnh tranh, chèn ép của tư sản nước ngoài.

Thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng tự do, dân chủ trong nhân dân, tư tưởng cách mạng mới.

4) Hạn chế Giai cấp tư sản sẵn sàng thỏa hiệp với thực dân Pháp khi được chúng cho một số quyền lợi.

Chưa tổ chức được chính đảng, đấu tranh mang tính xốc nổi, ấu trĩ.

\* Nhận xét: - Phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc tuy thể hiện lòng yêu nước nhưng mang tính chất thỏa hiệp, cải lương và ngày càng xa rời quần chúng, vì họ yếu về thế lực chính trị và bạc nhược về kinh tế.

- Tiếng nói và hoạt động của tiểu tư sản mạnh mẽ hơn nhiều, chứa đựng nhiều yếu tố tiến bộ, được quần chúng ủng hộ, song cũng không thể đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi, do thiếu đường lối chính trị đúng đắn.

**Câu 9.** Hoàn cảnh thế giới và trong nước tác động đến phong trào công nhân Việt Nam những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Vì sao phong trào công nhân Ba Son mở ra bước ngoặt cho cuộc đấu tranh của công nhân?

\* Hoàn cảnh:

- Thế giới:

+ Ảnh hưởng của các cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ Pháp, cuộc đấu tranh của công nhân và thủy thủ Trung Quốc ở Hương Cảng, Áo Môn, Thượng Hải... đã cổ vũ, động viên công nhân Việt Nam đứng dậy đấu tranh.

+ Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917); sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919); sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở Pháp (1920), của Trung Quốc (1921)...

- Trong nước:

+ Phong trào tuy còn tự phát nhưng ý thức giai cấp cao hơn, tạo điều kiện cho các tổ chức và phong trào chính trị sau này.

+ Năm 1920, tổ chức công hội bí mật ở Sài Gòn ra đời do Tôn Đức Thắng đứng đầu lãnh đạo phong trào đấu tranh.

\* Nguyên nhân:

- Tháng 8 - 1925, công nhân xưởng Ba Son ở Sài Gòn đã bãi công ngăn cản tàu chiến Pháp chở lính sang đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và thủy thủ Trung Quốc.

- Nếu như các cuộc đấu tranh của công nhân trước cuộc bãi công Ba Son chủ yếu vì mục đích kinh tế, thiếu tổ chức lãnh đạo, mang tính tự phát thì cuộc bãi công Ba Son (tháng 8 - 1925) là cuộc đấu tranh đầu tiên có tổ chức, lãnh đạo thể hiện tinh thần quốc tế vô sản, đấu tranh không chỉ nhằm mục đích kinh tế mà còn vì mục tiêu chính trị. Họ đã tỏ rõ sức mạnh giai cấp và tinh thần quốc tế vô sản.

- Từ cuộc bãi công Ba Son (tháng 8 - 1925), giai cấp công nhân Việt Nam bước vào đấu tranh tự giác.

**Câu 10.** Tóm tắt quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp từ năm 1911 đến năm 1923. Mục đích và tác dụng của những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp.

\* Tóm tắt:

- Ngày 5 – 6 - 1911, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước. Đầu tiên Người đến nước Pháp, sau đó Người đã đến nhiều nước ở châu Âu, châu Phi và châu Mĩ. Cuối năm 1917, Người trở lại nước Pháp.

- Tháng 6 - 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Véc-xai bản yêu sách đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.

- Tháng 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Từ đó Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn tin theo Lê-nin và đứng về Quốc tế thứ ba.

- Tháng 12 - 1920, tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

- Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Hội liên hiệp thuộc địa để tuyên truyền, tập hợp lực lượng chống chủ nghĩa để quốc.

- Năm 1922, ra báo "Le Paria" (Người cùng khổ) - vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa để quốc, góp phần thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giải phóng.

- Nguyễn Ái Quốc còn viết nhiều bài cho các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân và viết cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp. Những sách báo này đã được bí mật chuyển về Việt Nam.

\* Mục đích và tác dụng:

- Những hoạt động ban đầu của Nguyễn Ái Quốc như các yêu sách đòi quyền lợi cho dân tộc Việt Nam, tuy không được chấp nhận nhưng việc làm của Người đã có tiếng vang lớn đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các thuộc địa Pháp.

- Việc gia nhập Quốc tế III, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp đã đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin và đi theo con đường cách mạng vô sản.

- Bằng những bài báo, những tác phẩm, những quan điểm cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng giải phóng thuộc địa được bí mật chuyển về nước, đến với các tầng lớp nhân dân, có tác dụng kích thích phong trào dân tộc phát triển, chuyển biến theo xu hướng cách mạng mới.

**Câu 11.** Tại sao Nguyễn Ái Quốc chọn con đường đi sang phương Tây? Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì độc đáo so với các bậc tiền bối?

\* Nguyên nhân:

- Nguyễn Ái Quốc rất mẫn cảm về chính trị, Người trân trọng, khâm phục các bậc tiền bối, nhưng Người không tán thành con đường của các cụ đã đi.

- Nguyễn Ái Quốc hiểu rằng: Chân lí cách mạng không phải ở phương Đông mà ở phương Tây, các nước phương Tây giàu lên, mạnh lên là nhờ con đường tư bản chủ nghĩa - con đường triển vọng (trước Cách mạng tháng Mười Nga 1917, xã hội tư bản là xã hội tiến bộ hơn tất cả các xã hội trước đó), có khoa học - kĩ thuật, có văn minh phát triển.

- Người nhận thức rõ muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp. Người sang Pháp để tìm hiểu: nước Pháp có thực sự: "tự do, bình đẳng, bác ái" hay không? Nhân dân Pháp sống thế nào? Sau đó Người sang Anh, Mĩ đi vòng quanh thế giới tìm hiểu, tìm ra con đường cách mạng chân chính cho dân tộc.

\* Những nét độc đáo: - Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc là quá trình khảo sát, quá trình lựa chọn.

- Người đi ra nước ngoài không phải để cầu viện mà với mục đích xem các nước trên thế giới làm như thế nào, rồi trở về giúp đồng bào.

- Người thấy rằng cách mạng Mĩ, cách mạng Pháp nêu cao ngọn cở bình đẳng nhưng không đưa lại tự do, bình đẳng thực sự cho quần chúng lao động.

- Cuộc cách mạng tới nơi mà Nguyễn Ái Quốc tìm kiếm là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Đó là lí do khẳng định rằng, Việt Nam phải đi theo Cách mạng tháng Mười Nga, khi mà Người đọc sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa năm 1920.

- Khi tìm đến chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cách mạng vô sản, Nguyễn Ái Quốc vận dụng vào hoàn cảnh của Việt Nam để cứu nước, cứu dân. Nhờ vậy, cách mạng Việt Nam chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối.

**Câu 12.** Những nét chính về quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô từ năm 1923 đến năm 1924. Bản tham luận của Nguyễn Ái Quốc đọc tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924) đề cập đến vấn đề gì và ý nghĩa của nó?

\* Những nét chính:

- Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân, sau đó ở lại Liên Xô vừa nghiên cứu vừa học tập.

- Năm 1924, tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V, Nguyễn Ái Quốc đã đọc tham luận về nhiệm vụ cách mạng ở các nước thuộc địa và mối quan hệ giữa cách mạng các nước thuộc địa với phong trào công nhân ở các nước đế quốc.

- Những quan điểm cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa và cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận được dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin là bước chuẩn bị về chính trị và tư tưởng cho sự thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

\* Bản tham luận: - Bản tham luận của Nguyễn Ái Quốc đã trình bày quan điểm của Người về vị trí, chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa; về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa; về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa.

Những quan điểm trên đã được truyền bá vào Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Đây là một bước chuẩn bị quan trọng về chính trị và tư tưởng cho sự thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam trong giai đaạn sau này.

**Câu 13.** Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc từ năm 1924 đến năm 1925 như thế nào? Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên nhằm mục đích gì?

\* Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc:

- Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc). Người đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam và thanh niên yêu nước mới sang để thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trong đó có tổ chức Cộng sản đoàn làm nòng cốt.

- Người đã sáng lập ra báo Thanh niên, trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ cách mạng. Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc đã được tập hợp và in thành sách Đường kách mệnh (1927) nêu ra phương hướng cơ bản của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam.

\* Chủ trương thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên: - Chủ trương thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên của Nguyễn Ái Quốc nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ cách mạng đưa họ về nước hoạt động, xuất bản báo chí để tuyên truyền đường lối của Hội, giáo dục lòng yêu nước, kêu gọi đoàn kết... chuẩn bị điều kiện thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam.

**Câu 14.** Nêu những cống hiến to lớn của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình hoạt động cứu nước, cứu dân từ năm 1911 đến năm 1930. Phân tích một cống hiến to lớn nhất.

\* Những cống hiến:

- Từ năm 1911 đến năm 1920, ra đi tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

- Từ năm 1920 đêh năm 1925, chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản từ ngày 6 - 1 đến ngày 7 - 2 - 1930 để đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2 - 1930).

- Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, vạch ra đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

\* Phân tích cống hiến lớn nhất: - Cống hiến to lớn nhất trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đó là đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn - con đường cách mạng vô sản.

- Sau một thời gian bôn ba ở hải ngoại, Người vừa khảo sát thực tiễn cách mạng các nước vừa đi tìm con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Đến tháng 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Đến đây Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam, đó là con đường cách mạng vô sản. Người quyết tâm đưa cách mạng Việt Nam đi theo con đường này. Người khẳng định: "Muốn cứu nước, muốn giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản".

- Từ việc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn và xác định cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản để rồi Nguyễn Ái Quốc tiếp tục hoạt động truyền bá con đường này vào Việt Nam, trên cơ sở đó chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng, rồi tiến đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đúng quỹ đạo của cuộc cách mạng vô sản.

Như vậy, việc tìm ra con đường cách mạng đúng đắn nó có tác dụng quyết định đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, đây là công hiến lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với dân tộc Việt Nam trong quá trình hoạt động cứu nước của mình.

**Câu 15.** Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành 1ập chính đảng vô sản Việt Nam như thế nào?

\* Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng:

- Năm 1921, Người sáng lập ra "Hội liên hiệp thuộc địa"; năm 1922, ra báo Người cùng khổ.

- Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân, sau đó ở lại Liên Xô vừa nghiên cứu vừa học tập, viết bài cho Báo Sự thật và Tạp chí Thư tín Quốc tế.

- Năm 1924, tại Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V, Nguyễn Ái Quốc đã đọc tham luận về nhiệm vụ cách mạng ở các nước thuộc địa và mối quan hệ giữa cách mạng các nước thuộc địa với phong trào công nhân ở các nước đế quốc.

- Cùng với sự hình thành quan điểm cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng giải phóng thuộc địa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, Người đã chuẩn bị về chính trị, tư tưởng cho sự thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam.

\* Chuẩn bị về tổ chức: Khi rời Liên Xô đến Quảng Châu (Trung Quốc), Người đã tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam ở Trung Quốc trong tổ chức Tâm tâm xã, mở các lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ. Tháng 6 - 1925, Người lập ra Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nòng cốt là Cộng sản đoàn, chuẩn bị điều kiện cho sự thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam.

**Câu 16.** Trong những năm 1926 - 1927, phong trào công nhân Việt Nam diễn ra như thế nào? Nêu những điểm mới của phong trào.

\* Phong trào công nhân:

- Trong hai năm 1926 - 1927, nhiều cuộc bãi công của công nhân viên chức, học sinh học nghề liên tiếp nổ ra. Lớn nhất là các cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định. Công nhân hai đồn điền cao su Cam Tiêm và Phú Riềng, công nhân đồn điền cà phê Ray-na (Thái Nguyên).

- Trên đà đó, phong trào công nhân mang tính thống nhất trong toàn quốc. Có tới 40 cuộc đấu tranh nổ ra từ Bắc chí Nam, lớn nhất là cuộc bãi công của công nhân Xi măng Hải Phòng, nhà máy sợi Hải Phòng, sợi Nam Định, diêm cưa Bên Thủy, đồn điền Phú Riềng.

- Các cuộc đấu tranh đều mang tính chất chính trị, vượt ra ngoài phạm vi một xưởng, bước đầu liên kết nhiều ngành, nhiều địa phương, chứng tỏ trình độ giác ngộ của giai cấp công nhân đã được nâng lên rõ rệt, tuy chưa được đều khắp.

\* Những điểm mới: - Phong trào công nhân, nông dân tiểu tư sản phát triển đã kết thành một làn sóng cách mạng dân tộc, dân chủ khắp cả nước, trong đó giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập.

- Tính thống nhất, trình độ giác ngộ của công nhân nâng lên rõ rệt.

**Câu 17.** Tân Việt Cách mạng đảng ra đời và hoạt động như thế nào? Sự phân hóa của Tân Việt Cách mạng đảng.

\* Sự ra đời và hoạt động:

- Tiền thân của Tân Việt là Hội Phục Việt ra đời vào ngày 14 - 7 - 1925, do nhóm sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương và nhóm tù chính trị Trung Kì thành lập. Sau nhiều lần đổi tên, đến tháng 7 - 1928, Hội Phục Việt chính thức lấy tên là Tân Việt Cách mạng đảng.

- Khi mới thành lập, là một tổ chức yêu nước, chưa có lập trường giai cấp rõ rệt.

- Chủ trương của Tân Việt là lãnh đạo nông dân, công nhân, binh lính ở trong nước, liên lạc với các dân tộc trên thế giới đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, thiết lập một xã hội bình đẳng, bác ái.

- Tân Việt tập hợp các trí thức nhỏ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước. Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

\* Sự phân hóa: - Do ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện và vận động hợp nhất với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

- Nội bộ Tân Việt đã phân hoá thành hai khuynh hướng: khuynh hướng cải lương (đứng trên lập trường quốc gia tư sản) và khuynh hướng vô sản. Cuối cùng, khuynh hướng cách mạng theo quan điểm vô sản chiêm ưu thế. Một số đảng viên tiên tiên của Tân Việt đã chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Những đảng viên tích cực nhất của Tân Việt đã họp lại, chuẩn bị thành lập môt đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác-Lênin.

**Câu 18.** Việt Nam Quốc dân đảng ra đời như thê nào? Nhận xét về thành phần của tổ chức này.

\* Sự ra đời:

- Việt Nam Quốc dân Đảng ra đời vào ngày 25 - 12 - 1927 với cơ sở hạt nhân là Nam Đồng thư xã - một nhà xuất bản tiến bộ, tập hợp một nhóm thanh niên yêu nước song chưa có đường lối chính trị rõ rệt.

- Trong sự phát triển mạnh mẽ của phong trào dân tộc, dân chủ, cộng với ảnh hưởng của các trào lưu mới từ bên ngoài dội vào, đặc biệt là ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc với "chủ nghĩa tam dân" của Tôn Trung Sơn (một trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản hình thành ở Trung Quốc bây giờ), đã dẫn tới sự ra đời của Việt Nam Quốc dân đảng.

\* Nhận xét: - Thành phần của Việt Nam Quốc dân đảng gồm tư sản, học sinh, sinh viên, công chức, thân hào, binh lính, hạ sĩ quan.

- Thành phần của Việt Nam Quốc dân Đảng phức tạp, là một tổ chức hoạt động bí mật nhưng tổ chức lỏng lẻo, kĩ luật thiếu nghiêm minh, kết nạp đảng viên bừa bãi, thực dân Pháp lợi dụng sơ hở này theo dõi mọi hoạt động của Đảng và chờ dịp ra tay đàn áp.

**Câu 19.** Nền tảng tư tưởng, tôn chỉ mục đích, tổ chức, phương thức hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng như thế nào? - Nền tảng tư tưởng là một đảng chính trị theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, tiêu biểu cho tư sản dân tộc Việt Nam.

- Mục tiêu: nhằm đánh đuổi giặc Pháp, giành độc lập dân tộc, thiết lập dân quyền, phát triển theo con đường cách mạng dân chủ tư sản.

- Tổ chức: Lực lượng cách mạng bao gồm sinh viên, học sinh, công chức, tư sản lớp dưới, người làm nghề tự do, một số nông dân khá giả, thân hào, địa chủ ở nông thôn, binh lính, hạ sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp.

- Hoạt động: chủ trương bạo động vũ trang. Việt Nam Quốc dân Đảng thiên về hành động quân sự (vụ ám sát Ba-danh và khởi nghĩa Yên Bái), xem nhẹ công tác lí luận, tuyên truyền, vận động và huấn luyện.

**Câu 20.** So sánh giữa Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên với Tân Việt cách mạng đảng và Việt Nam Quốc dân đảng về chủ trương, tổ chức và phương thức hành động.

Chủ trương Tổ chức Phương thức hành động Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Đào tạo những hạt giống đỏ cách mạng, đem chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, góp phần kết hợp với Đây là một tổ chức trung gian để tiến tới thành lập Đảng công sản. Hội có tổ chức Mở nhiều lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ. Xuất bản sách, báo để tuyên phong trào công nhân và phong trào yêu nước, tạo ra điều kiện cho Việt Nam thành lập Đảng Cộng sản.

Hội chủ trương "vô sản hóa", đưa hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để cùng sống và lao động với công nhân.

cơ sở hầu khắp trong cả nước.

truyền, cử hội viên đi học các lóp chính trị và các trường đại học ở nước ngoài (Liên Xô).

Tân Việt Cách mạng đảng Tập hợp những tri thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước, lúc đầu chưa có lập trường giai cấp rõ rệt, nhưng sau chịu ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Nội bộ Tân Việt đã diễn ra một cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hương tư tưởng: vô sản và tư sản. Cuối cùng, xu hướng cách mạng theo quan điểm vô sản chiếm ưu thế.

Một số Đảng viên ưu tú chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Tích cực hoạt động chuẩn bị tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác- Lênin.

Việt Nam Quốc dân đảng Hoạt động theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, tiêu biểu cho bộ phận tư sản dân tộc Việt Nam nhằm đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền.

Bao gồm sinh viên, học sinh, công chức, tư sản lớp dưới, người làm nghề tự do, nông dân khá giả, thân hào, địa chủ, hạ sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp Bạo động khởi nghĩa.

**Câu 21. Nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Yên Bái.**

**\* Nguyên nhân:** - Ngày 9 – 2 - 1929, ở Hà Nội xảy ra vụ giết tên trùm mộ phu Ba-danh. Thực dân Pháp liền tổ chức nhiều cuộc vây ráp và bắt gần 1000 đảng viên Quôc dân Đảng; nhiều cơ sở bị phá vỡ, các nhân vật chủ yếu còn lại của Quốc dân Đảng quyết định khởi nghĩa.

\* Diễn biến: - Cuộc khởi nghĩa nổ ra đêm 9 - 2 - 1930 ở Yên Bái, sau đó là Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình. Ở Hà Nội đã tổ chức ném bom vào Sở Mật thám, Sở Cảnh sát.

- Tại Yên Bái, quân khởi nghĩa chiếm được trại lính, giết và làm bị thương một số sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp. Ở các nơi khác, nghĩa quân làm chủ được một số huyện lị. Nhưng sau đó bị thực dân Pháp phản công và đàn áp. Nguyễn Thái Học cùng 12 đồng chí của ông bị kẻ thù đưa lên máy chém. Cuộc khởi nghĩa thất bại.

\* Ý nghĩa: - Khởi nghĩa Yên Bái tuy thất bại nhưng đã góp phần cổ vũ lòng yêu nước và chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và tay sai, nhưng đồng thời cũng đánh dấu sự tan rã của phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng tư sản dưới ngọn cờ của Việt Nam Quốc dân đảng.

**Câu 22.** Sự phát triển mạnh của phong trào dân tộc, dân chủ Việt Nam trong những năm 1928 - 1929 đã đặt ra cho cách mạng Việt Nam yêu cầu gì? Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản năm 1929.

\* Những yêu cầu: Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào dân tộc, dân chủ, đặc biệt là phong trào của công nhân và nông dân theo con đường cách mạng vô sản đòi hỏi phải có một Đảng Cộng sản để tổ chức và lãnh đạo phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, nông dân cùng các lực lượng yêu nước cách mạng khác chống đế quốc và phong kiến tay sai, giành độc lập dân tộc.

\* Ba tổ chức cộng sản ra đời: Do sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Việt Nam cuối năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ sức lãnh đạo nữa, vì vậy dẫn đến tình trạng phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên: Một số hội viên ở Bắc Kì đề nghị thành lập Đảng cộng sản nhưng không được chấp thuận, họ đứng ra thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng (6 - 1929). Bộ phận còn lại thành lập An Nam Cộng sản Đảng (7 -1929).

Trước tình hình đó các đảng viên tiên tiến của Tân Việt cũng tách ra thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9 - 1929).

**Phần 2: LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY**

**Chuyên đề 2: VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 - 1939**

**A. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI**

**I. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**

\* Bối cảnh lịch sử: - Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản đã thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng dân tộc, dân chủ phát triển.

- Hoạt động của ba tổ chức cộng sản mang tính riêng rẽ, công kích lẫn nhau, tranh giành ảnh hưởng của nhau đã gây trở ngại lớn cho phong trào cách mạng.

- Yêu cầu bức thiết lúc này là phải có một đảng cộng sản thống nhất trong cả nước.

- Quốc tế cộng sản chỉ thị cho những người cộng sản Đông Dương thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất. Thực hiện chỉ thị của Quốc tế cộng sản và theo yêu cầu của những người cộng sản Đông Dương, cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản duy nhất.

\* Nội dung hội nghị: - Hội nghị họp từ ngày 3 đến ngày 7 - 2 - 1930 tại Cửu Long (Hương Cảng- Trung Quốc) - Hội nghị đã nhất trí: thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng cộng sản duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Được xem là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh của Đảng nêu là: - Việt Nam trước tiên làm cách mạng tư sản dân quyền (sau này gọi là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân), sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn cách mạng đó kế tiếp nhau.

- Nhiệm vụ cách mạng: đánh đổ ách thống trị của đế quốc Pháp và bọn vua quan phong kiến, tư sản phản cách mạng.

- Mục tiêu cách mạng: làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng nên chính phủ công - nông - binh, tổ chức ra quân đội công - nông, tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc, lấy lại ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo.

- Lực lượng cách mạng là công nhân và nông dân. Công nông là gốc cách mạng. Cách mạng đồng thời đoàn kết tiểu tư sản, tư sản dân tộc và trung tiểu địa chủ chưa lộ rõ phản cách mạng.

- Vai trò lãnh đạo cách mạng là Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp vô sản Việt Nam. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, đứng về phía mặt trận cách mạng gồm các dân tộc thuộc địa và giai cấp công nhân trên thế giới.

+ Đây là Cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng. Cương lĩnh Chính trị đầu tiên này thể hiện sự đúng đắn, sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và tính nhân văn, với tư tưởng cốt lõi là độc lập dân tộc và tự do dân chủ.

- Nhân dịp này Nguyễn Ái Quốc đã ra lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng. Sau hội nghị thống nhất, Đông Dương Cộng sản liên đoàn xin gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 23 – 2 - 1930, yêu cầu đó được chấp nhận. Đến đây Đảng Cộng sản Việt Nam mới là đảng thống nhất của ba tổ chức cộng sản.

**II. Luận cương chính trị (10 - 1930)**

- Giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, diễn ra quyết liệt, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất họp tại Hương Cảng (Trung Quốc) tháng 10 - 1930.

+ Hội nghị quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Bầu Ban chấp hành Trung ương chính thức và bầu Trần Phú làm Tổng Bí thư. Hội nghị còn thông qua Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương do Trần Phú soạn thảo.

\* Luận cương chính trị của Đảng nêu rõ: - Tính chất cách mạng Đông Dương là cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng dự bị cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi thì bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa.

- Nhiệm vụ cách mạng là đánh đổ ách thống trị của chế độ phong kiến và chủ nghĩa đế quốc Pháp. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau.

- Mục tiêu cách mạng là làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập, dựng nên chính phủ công nông, thực hành cách mạng ruộng đất triệt để đem chia cho dân cày.

- Lực lượng cách mạng là công nhân và nông dân, trong đó giai cấp vô sản lãnh đạo.

- Vai trò lãnh đạo là Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng lấy chủ nghĩa Mac - Lênin làm nền tảng tư tưởng, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Đông Dương.

- Phương pháp đấu tranh: tập hợp, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, võ trang bạo động, đánh đổ chính quyền của giai cấp thống trị.

- Vị trí của cách mạng Việt Nam: Quan hệ mật thiết với cách mạng thế giới.

- Đảng vận động, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi trước mắt rồi đưa dần quần chúng lên trận tuyến cách mạng: khi tình thế cách mạng xuất hiện thì phát động quần chúng vũ trang bạo động, đánh đổ chính quyền giai cấp thống trị, giành chính quyền cho công nông.

- Điều cốt yêu cho sự thắng lợi của cách mạng: đó là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

- Luận cương chính trị đã xác định được nhiều vấn đề chiến lược cách mạng, nhưng cũng bộc lộ những nhược điểm và hạn chế nhất định.

+ Chưa vạch rõ được mâu thuẫn chủ yếu của một xã hội thuộc địa nên không nêu cao vấn đề dân tộc lên hàng đầu (trong lúc nêu cao vấn đề đấu tranh giai cấp, vấn đề cách mạng ruộng đất).

+ Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của giai cấp tiểu tư sản và khả năng liên minh có điều kiện với giai cấp tư sản dân tộc.

+ Không thấy được khả năng phân hoá và lôi kéo một bộ phận giai cấp địa chủ trong cách mạng giải phóng dân tộc.

+ Những nhược điểm này mang tính "tả khuynh", giáo điều. Phải trải qua quá trình đấu tranh thực tiễn cách mạng, những nhược điểm trên mới dần dần được khắc phục.

**III. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng**

- Đảng ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.

Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

- Việc thành lập Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và của cách mạng Việt Nam: chấm dứt thời kì khủng hoảng về vai trò lãnh đạo và đường lối giải phóng dân tộc.

- Cách mạng Việt Nam đã trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

- Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định đến những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam.

**B. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 - 1935**

**I. Việt Nam trong thời kì khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933)**

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thếgiới (1929 - 1933) là cuộc khủng hoảng thừa, từ các nước tư bản lan nhanh sang các nước thuộc địa.

+ Kinh tế: nền kinh tế Việt Nam, vốn đã phụ thuộc hoàn toàn kinh tế Pháp, nay gánh thêm hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933), kinh tế suy sụp.

+ Xã hội: nhân dân lao động, trước tiên là công nhân và nông dân, chịu nhiều tai hoạ nhất. Số công nhân mất việc ngày càng tăng, số còn việc thì tiền lương giảm đáng kể, nông dân tiếp tục bị bần cùng hoá, bị mất đất, chịu sưu thuế ngày càng tăng, các tầng lớp khác cũng lâm vào tình cảnh điêu đứng.

+ Chính trị: nhất là từ sau khởi nghĩa Yên Bái thất bại – đế quốc Pháp đẩy mạnh chiến dịch đàn áp, khủng bố hòng dập tắt phong trào cách mạng của quần chúng.

- Tác động của khủng hoảng cùng với chính sách khủng bố trắng của đế quốc Pháp càng nung nấu lòng căm thù chúng, nâng cao tinh thần cách mạng của nhân dân ta.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động cả nước đứng lên đấu tranh chống đế quốc Pháp và phong kiến tay sai giành độc lập tự do.

**II. Phong trào cách mạng 1930 -1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh**

**a. Phong trào trên toàn quốc:**

- Sau khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng (9 - 2 - 1930) là phong trào đấu tranh của quần chúng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, bùng lên mạnh mẽ khắp ba miền Bắc - Trung - Nam, nổi lên là phong trào của công nhân và nông dân.

- Tiêu biểu là ngày 1 - 5 - 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nhân và nông dân cả nước đã tổ chức kỉ niệm ngày Quốc tế lao động dưới nhiều hình thức để biểu dương lực lượng và tỏ rõ sự đoàn kết với vô sản thế giới.

**b. Phong trào ở Nghệ - Tĩnh:**

- Nghệ-Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh mẽ nhất. Mở đầu là cuộc đấu tranh ngày Quốc tế lao động 1 - 5 -1930.

- Phong trào phát triển lên bước mới với cuộc tổng bãi công của toàn thể công nhân khu công nghiệp Vinh-Bến Thuỷ nhân ngày Quốc tế chống chiến tranh đế quốc 1 - 8 - 1930. Cuộc tổng bãi công đánh dấu “một thời kì mới, thời kì đấu tranh kịch liệt đã đến".

- Từ sau 1 - 5 đến tháng 9 - 1930, ở nhiều vùng nông thôn thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh nổ ra hàng loạt cuộc đấu tranh quy mô lớn của nông dân dưới hình thức biểu tình có vũ trang tự vệ.

- Phong trào phát triển tới đỉnh cao trong tháng 9 - 1930. Phong trào quần chúng tập hợp dưới khẩu hiệu chính trị kết hợp với khẩu hiệu kinh tế diễn ra dưới hình thức đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang tự vệ, tiến công vào cơ quan chính quyền địch ở địa phương.

- Ngày 12 - 9 - 1930: hai vạn nông dân ở Hưng Nguyên (Nghệ An) đã biểu tình phản đối chính sách khủng bố của Pháp và tay sai.

- Trong suốt hai tháng 9 và 10 - 1930, nông dân ở Nghệ - Tĩnh đã vũ trang khởi nghĩa, công nhân đã phối hợp với nông dân, phản đối chính sách khủng bố của địch. Hệ thống chính quyền của đế quốc, phong kiến ở nhiều nơi tan rã.

- Để thay thế chính quyền cũ, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ đảng, các Ban Chấp hành nông hội xã đã đứng ra quản lí mọi mặt đời sống chính trị và xã hội ở nông thôn. Đây là một hình thức chính quyền nhân dân theo kiểu Xô viết.

- Chính quyền Xô viết ở các làng, xã đã thực hiện một số chính sách: Bãi bỏ sưu thuế, mở lớp học chữ Quốc ngữ, thành lập Nông hội, Công hội, hội Phụ nữ giải phóng. Mỗi làng có đội tự vệ vũ trang...

- Xô viết Nghệ-Tĩnh diễn ra được 4-5 tháng thì bị đế quốc phong kiến tay sai đàn áp. Từ giữa năm 1931, phong trào tạm thời lắng xuống.

**c. Ý nghĩa của phong trào:**

- Lần đầu tiên, liên minh công nông được thiết lập để chống đế quốc, phong kiến và đã giáng một đòn mạnh vào nền thống trị của đế quốc phong kiến.

- Chứng tỏ sức mạnh của công nhân và nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, có khả năng đánh đổ chính quyền của thực dân phong kiến, xây dựng xã hội mới.

- Đây là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng để chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám.

**III. Lực lượng cách mạng được phục hồi**

- Cuối năm 1931, cách mạng Việt Nam bước vào thời kì khó khăn và bị nhiều tổn thất.

- Địch khủng bố tàn bạo, các cơ quan lãnh đạo của Đảng đã bị phá vỡ, hàng vạn cán bộ đảng viên bị bắt bớ, tù đày, giết hại. Phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống.

- Các đảng viên cộng sản và những người yêu nước vẫn tiếp tục đấu tranh để khôi phục phong trào.

+ Ở trong tù, các đảng viên cộng sản đã kiên cường đấu tranh bất khuất, biến nhà tù thành trường học cách mạng.

+ Những đảng viên bên ngoài tìm mọi cách gây dựng lại cơ sở và phong trào quần chúng.

- Tháng 3 năm 1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc) đưa cách mạng Việt Nam sang giai đoạn mới.

**C. CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ TRONG NHỮNG NĂM 1936 – 1939**

**I. Tình hình thế giới và trong nước**

**1. Tình hình thế giới:**

- Chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền ở một số nước (Đức-Italia-Nhật) đe doạ nền dân chủ và hoà bình thế giới.

- Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản chỉ ra kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới và vận động thành lập ở mỗi nước Mặt trận nhân dân, tập hợp các lực lượng tiến bộ để chống phát-xít.

- Mặt trận Nhân dân Pháp lên nắm chính quyền ở Pháp, ban bố những chính sách tiến bộ áp dụng cho cả thuộc địa.

**2. Tình hình trong nước:**

- Hậu quả nặng nề của khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 tác động sâu sắc không chỉ đến đời sống của các tầng lớp lao động mà đến cả những nhà tư sản, địa chủ vừa và nhỏ. Trong khi đó, bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương tiếp tục chính sách bóc lột, khủng bố phong trào đấu tranh của quần chúng.

- Do có những thay đổi ở Pháp, nhất là trong chính phủ cầm quyền, bọn cầm quyền ở Đông Dương buộc phải có những thay đổi trong chính sách cai trị, chịu thả một số tù chính trị. Những tù chính trị được thả ra đã nhanh chóng tìm cách hoạt động trở lại. Lực lượng cách mạng lúc này cũng đã được phục hồi.

Cách mạng có thêm điều kiện thuận lợi để chuyển sang thời kì đấu tranh mới.

**3. Chủ trương của Đảng:**

- Căn cứ vào tình hình trên và tiếp thu đường lối của Quốc tế cộng sản, Hội nghị trung ương lần thứ nhất (7 - 1936) của Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược mới.

- Xác định kẻ thù cụ thể trước mắt là bọn phản động Pháp và tay sai.

- Xác định nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, đòi tự do dân chủ, cơm áo hoà bình.

- Thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (sau đổi là Mặt trận Dân chủ Đông Dương).

- Hình thức phương pháp đấu tranh: hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai, nửa công khai.

**II. Mặt trận Dân chủ Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ**

- Chủ trương mới của Đảng đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng bức thiết của quần chúng, đã dấy lên trong cả nước phong trào đấu tranh sôi nổi, mạnh mẽ nhằm vào mục tiêu trước mắt là tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình.

- Giữa năm 1936, Đảng chủ trương phát động phong trào đấu tranh công khai, vận động thành lập “ủy ban trù bị Đại hội Đông Dương" nhằm thu thập nguyện vọng của quần chúng, tiến tới Đại hội Đông Dương (5 - 1936). Hưởng ứng chủ trương trên, các “ủy ban hành động" nối tiếp nhau ra đời ở nhiều địa phương trong cả nước.

- Đầu năm 1937, nhân việc đón phái viên Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp và viên toàn quyền mới xứ Đông Dương là Gôđa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng khắp nơi trong nước, đông đảo hăng hái nhất là công nhân và nông dân, biểu dương lực lượng qua các cuộc mít tinh, biểu tình , đưa “dân nguyện".

- Những cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, nhân dân lao động ở thành phố:

+ Tổng bãi công của công nhân Công ty than Hòn Gai (với sự tham gia của 2,5 vạn người) + Cuộc mít tinh ngày 1 - 5 - 1938 tại khu Đấu Xảo-Hà Nội (với sự tham gia của 2,5 vạn người)...

- Xuất bản sách báo công khai của Đảng, của Mặt trận Dân chủ Đông Dương và các đoàn thể (Tiền phong, Dân chủ, Lao động, Bạn dân, Tin tức..) - Một số cuốn sách phổ thông giới thiệu về chủ nghĩa Mác-Lênin và chính sách của Đảng cũng được lưu hành rộng rãi (cuốn “Vấn đề dân cày” của Qua Ninh và Vân Đình).

**III. Ý nghĩa của phong trào**

- Phong trào đấu tranh công khai hợp pháp 1936 - 1939 là phong trào dân tộc dân chủ rộng lớn. Nhờ đó, Đảng đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục sâu rộng tư tưởng Mác-Lênin, đường lối chính sách của Đảng, tập hợp đông đảo quần chúng trong Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tổ chức thành đội quân chính trị của quần chúng gồm hàng triệu người ở thành thị và nông thôn.

- Qua lãnh đạo phong trào quần chúng, uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng, trình độ chính trị và khả năng công tác của cán bộ, đảng viên được nâng lên, đội ngũ cán bộ cách mạng dày dạn kinh nghiệm càng dông đảo, tổ chức của Đảng được củng cố và phát triển. Đó là cuộc diễn tập thứ hai của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, chuẩn bị cho thắng lợi Cách mạng tháng Tám sau này.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1. Tại sao Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản? Nội dung của Hội nghị và ý nghĩa của sụ thành lập Đảng.**

**\* Tại sao:** - Ba tổ chức cộng sản ra đời và hoạt động đã thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng dân tộc dân chủ phát triển mạnh mẽ.

- Ba tổ chức hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau, nếu kéo dài có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ lớn.

- Tình trạng ấy sẽ gây tác hại đến lợi ích chung của cách mạng. Vì vậy, đòi hỏi cấp bách của phong trào Việt Nam là phải có một đảng cộng sản thống nhất mới có thể đương đầu được với đế quốc, phong kiến và đưa cách mạng tiến lên.

- Nguyễn Ái Quốc với tư cách là phái viên của Quốc tế cộng sản đã triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) từ ngày 3 đến 7 - 2 - 1930.

\* Nội dung của Hội nghị hợp nhất: - Hội nghị họp từ ngày 6 - 1 đến 7 - 2 - 1930 tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). Nguyễn Ái Quốc với tư cách là phái viên của Quốc tế cộng sản đã chủ trì Hội nghị.

- Nội dung của Hội nghị: Hợp nhất ba tổ chức cộng sản để thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo, và Người đã ra lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng.

\* Ý nghĩa: - Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp của nhân dân Việt Nam. Là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong thời đại mới.

- Mở ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam - Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt tiếp theo trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

**Câu 2. Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đẩu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Nêu va phân tích tính đúng đắn và sáng tạo của Cương lĩnh.**

**\* Nội dung cơ bản:** - Cương lĩnh xác định đường lối chiến lược cách mạng Đảng là tiến hành cuộc "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".

- Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam được độc lập tự do; lập chính phủ công, nông binh; tổ chức quân đội công nông, tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản động cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất v.v… - Lực lượng cách mạng là công nông tiểu tư sản, trí thức. Còn phú nông, trung tiểu địa chu và tư bản thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản hoá thế giới.

- Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo tuy còn vắn tắt song đây là một cựơng lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, sớm kết hợp đúng đắn về vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

\* Nêu và phân tích: - Cương lĩnh vạch rõ cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn này nối tiếp nhau. Như vậy, ngay từ đầu Đảng ta đã thấu suốt con đường phát triển của cách mạng nước ta là kết hợp và giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Cương lĩnh đề ra nhiệm vụ cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là đánh đổ đế quốc, phong kiến và tư sản phản cách mạng... Đó là nội dung bao trùm cả nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, nhưng nổi bật nhất là nội dung dân tộc. Đặt nhiệm vụ dân tộc lên trên nhiệm vụ dân chủ là đúng đắn và phù hợp với hoàn cảnh của nước ta: một nước thuộc địa nửa phong kiến.

- Cương lĩnh xác định rõ lực lượng nòng cốt của cách mạng nước ta là công - nông, đồng thời thấy được các giai cấp và tầng lớp khác cũng là lực lượng cách mạng cần phải liên minh hoặc lôi kéo hay trung lập.

- Cương lĩnh khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Điều này hoàn toàn phù hợp với cách mạng nước ta, vì phải có chính đảng của giai cấp vô sản với đường lối cách mạng đúng đắn mới lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành thắng lợi.

- Cương lĩnh xác định: cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Điều này vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, vừa phù hợp với thực tiễn của cách mạng nước ta.

**Câu 3. Tại sao nói Đảng Cộng sản Việt Nam ra đòi là một tất yếu lịch sử? Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị thành lập Đảng như thế nào?**

**\* Tại sao:**

- Trước năm 1930, phong trào yêu nước ở Việt Nam nổ ra mạnh mẽ nhưng đều bị thất bại, do bị khủng hoảng về đường lối cách mạng. Tình hình đang đặt ra yêu cầu phải có đảng của giai cấp tiên tiến nhất với đường lối đúng đắn để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Từ năm 1919 đến 1929, thông qua hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng. Nguyễn Ái Quốc đã ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để thông qua tổ chức này truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

- Những năm 1928 -1929, chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam, đưa phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ. Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Đáp ứng yêu cầu đó, ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản. Sự hoạt động riêng rẽ của ba tổ chức cộng sản gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình cách mạng Việt Nam, cần phải hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất.

- Trước tình đó, được sự ủy nhiệm của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc về Hương Cảng (Trung Quốc) chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2- 1930).

\* Vai trò của Nguyễn Ái Quốc: - Trực tiếp tổ chức và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam tại Hương Cảng - Trung Quốc vào ngày 6 -1 - 1930.

- Phê phán những hành động thiêu thống nhất của các tổ chức cộng sản trong nước trong việc tranh giành quyền lãnh đạo, tranh giành quần chúng, tranh giành đảng viên.

- Đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hợp nhất các tổ chức cộng sản để đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Viết và thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt. Đó chính là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh đã vạch ra những nét cơ bản về đường lối chiến lược và sách lược cho cách mạng Việt Nam.

Đề ra kế hoạch để các tổ chức cộng sản về nước xúc tiến việc hợp nhất, rồi đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 4. Sự giống nhau và khác nhau của Cương lĩnh đầu tiên của Đảng với Luận cương chính trị năm 1930?**

\* Giống nhau:

- Xác định hai giai đoạn của cách mạng Việt Nam: Làm cách mạng dân tộc dân chủ sau chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với phong trào cách mạng Việt Nam.

\* Khác nhau: - Cương lĩnh đặt nhiệm vụ đánh đổ đế quốc lên trên nhiệm vụ đánh đổ phong kiến, Luận cương đặt nhiệm vụ đánh đổ phong kiến lên trên nhiệm vụ đánh đổ đế quốc, tức là chưa thấy được mâu thuẫn chủ yếu của một xã hội thuộc địa nửa phong kiến là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp.

- Cương lĩnh xác định lực lượng cách mạng là công nông và liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... Luận cương xác định cách mạng chủ yếu của công nông. Như vậy là không đánh giá được khả năng cách mạng của các giai cấp, tầng lớp khác ngoài công nông.

- Những điểm mà Luận cương khác với Cương lĩnh chính là những hạn chế của Luận cương.

**Câu 5. Nguyên nhân bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931. Tạỉ sao phong trào lên cao ở Nghệ - Tĩnh?**

**\* Nguyên nhân bùng nổ:**

- Về kinh tế: Thực dân Pháp tìm cách trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng lên đầu nhân dân Việt Nam, làm cho đời sống của nhân dân ta vốn đã khốn khổ lại càng thêm khốn khổ.

- Về chính trị: Đầu năm 1930, sau khi cuộc khởi nghĩa Yên Bái bị thất bại, thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng những người yêu nước Việt Nam, làm tăng thêm mâu thuẫn và tình trạng bất ổn định trong xã hội.

- Trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng kinh tế và phong trào cách mạng dâng cao, ngay sau khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng công - nông khắp cả nước. Đây là nguyên nhân quyết định nhất.

\* Tại sao phong trào ở Nghệ - Tĩnh lên cao: Bên cạnh những nét chung, Nghệ - Tĩnh có những nét riêng: - Chịu ách thống trị của đế quốc và phong kiến rất nặng nề và lại vùng đất nghèo.

- Nhân dân Nghệ - Tĩnh có truyền thống cách mạng.

- Cơ sở công nghiệp Vinh – Bến Thủy là trung tâm kĩ nghệ lón nhất Trung Kì, là điều kiện thuận lợi cho liên minh công nông.

- Các tổ chức Cộng sản và cơ sở Đảng ở đây khá mạnh.

**Câu 6. Lập bảng thống kê tóm tắt phong trào cách mạng 1930 – 1931 theo yêu cầu sau đây và nêu nhận xét về phong trào này.**

**Thời gian Sự kiện 1) Tháng 2 – 1930 ……………………………………………………………….**

**……………………………………………………………….**

**2) Tháng 3,4 – 1930 ……………………………………………………………….**

**……………………………………………………………….**

**3) Tháng 5 đến 8 – 1930 ……………………………………………………………….**

**……………………………………………………………….**

**4) Tháng 9,10 – 1930 ……………………………………………………………….**

**……………………………………………………………….**

**Thời gian Sự kiện 1) Tháng 2 - 1930 Nổ ra cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác. Tiêu biểu là cuộc bãi công của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng, Dầu Tiếng.**

**2) Tháng 3, 4 - 1930 Diễn ra cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm Bến Thuỷ.**

**3) Tháng 5 đến 8 - 1930 Trên phạm vi cả nước bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động 1 - 5. Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1930, cả nước có 121 cuộc đấu tranh, trong đó công nhân có 22 cuộc, nông dân có 95 cuộc, các tầng lớp khác có 4 cuộc.**

**4) Tháng 9,10 – 1930 Phong trào đạt đến đỉnh cao, nhất là ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Nông dân đã tự vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền ở một số địa phương. Hệ thống chính quyền thực dân, phong kiến bị tê liệt, tan rã ở nhiều huyện, xã. Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh được thành lập.**

**\* Nhận xét:** Phong trào cách mạng 1930 - 1931 diễn ra với quy mô rộng khắp, mang tính chất cách mạng triệt để và sử dụng hình thức đấu tranh quyết liệt.

**Câu 7. Căn cứ vào đâu để khẳng định rằng Xô viết Nghệ - Tĩnh là hình thức sơ khai của chính quyền công - nông ở nước ta, và đó thực sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng? Mặc dầu chỉ tồn tại trong thời gian ngắn nhưng chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình. Đó là chính quyền của dân, do dân, vì dân. Bản chất cách mạng đó được thể hiện:**

- Về chính trị, quần chúng được tự do tham gia hoạt động trong các đoàn thể cách mạng, tự do hội họp.

Các đội tự vệ đỏ và tòa án nhân dân được thành lập.

- Về kinh tế, thi hành các biện pháp tịch thu ruộng đất công, tiền lúa công chia cho dân cày nghèo; bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối, xoá nợ cho người nghèo, chú trọng đắp đê phòng lụt, tu sửa cầu cống, đường giao thông; thành lập các hình thức tổ chức sản xuất để nông dân giúp đỡ nhau.

- Về văn hoá - xã hội, xóa bỏ các tệ nạn xã hội cũ như mê tín. dị đoan, tệ rượu chè, cò bạc, trộm cắp.

Trật tự trị an được giữ vững. Tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong nhân dân được xây dựng.

Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 - 1931 và là nguồn cổ vũ mạnh mẽ quần chúng nhân dân trong cả nước.

**Câu 8. Những bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh.**

Phong trào cách mạng 1930 - 1931 đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về công tác tư tưởng, về xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất, về tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh..v.v…

- Bài học về công tác tư tưởng: vừa mới ra đời, Đảng đã giáo dục và tập hợp được một lực lượng cách mạng đông đảo của quần chúng, nhất là quần chúng công nông đứng lên làm cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

- Bài học về xây dựng liên minh công nông: qua phong trào khối liên minh công nông được hình thành. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nông đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác có khả năng lật đổ ách thống trị của đế quôc, phong kiến xây dựng một cuộc sống mới.

- Bài học về phương pháp giành chính quyền và giữ chính quyền bằng bạo lực cách mạng: Phong trào cho thấy rằng, khi quần chúng đã sục sôi căm thù đế quốc và phong kiến sẽ đứng lên dùng bạo lực cách mạng để đấu tranh giành chính quyền.

- Bài học về xây dựng chính quyền nhân dân, một hình thức chính quyền kiểu mới: sau khi đấu tranh giành thắng lợi ở một số địa phương thuộc Nghệ An và Hà Tĩnh đã xây dựng chính quyền theo kiểu Xô – Viết ở Nga.

- Bài học về xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất: Trong thời kì này chưa có mặt trận dân tộc thống nhất nên chưa tập hợp được đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân nhằm đấu tranh chống thực dân và phong kiến. Đây là bài học mà Đảng ta rút ra để sau này đến thời kì cách mạng 1916 - 1939 chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất Nhân dân phản đế Đông Duơng.

- Bài học về tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh: qua phong trào, giai cấp vô sản Việt Nam mà đại biểu là Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo của mình.

Thực tiễn cho thấy tính chất đúng đắn của đường lối chiến lược mà Đảng đề ra.

**Câu 9. Tại sao nói phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945?**

- Phong trào đã khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng. Qua phong trào này, uy tín của Đảng được xác lập trong quần chúng. Phong trào chứng tỏ đường lối cách mạng của Đảng là đúng đắn, đáp ứng được nguyện vọng cơ bản của quần chúng nhân dân đó "Độc lập dân tộc" và " Ruộng đất dân cày".

- Một kết quả to lớn nữa là, phong trào đã xây dựng được trong thực tế khối liên minh công nông.

- Qua phong trào, lần đầu tiên quần chúng đã sáng tạo ra một hình thức chính quyền mới, một mô hình xã hội mới ở nước ta.

- Phong trào đã để lại những bài học kinh nghiệm quý giá: bài học về công tác tư tưởng, về xây dựng khối liên minh công - nông và mặt trận dân tộc thống nhất, về tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

v.v...

Chính vì những lẽ trên, phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

**Câu 10. Các nước tư bản chủ nghĩa Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản tìm cách thoát khỏi khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 như thế nào? Trước tình hình đó, Quốc tế Cộng sản có những chủ trương gì?**

\* Các nước tư bản chủ nghĩa Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản:

- Giai cấp tư sản lũng đoạn ở Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản tìm lối thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng bằng cách thiết lập chê' độ phát xít, một chế độ độc tài tàn bạo nhất của tư bản tài chính, chúng ra sức xoá bỏ mọi quyền tự do dân chủ của nhân dân, ráo riết chuẩn bị chiến tranh mới để chia lại thị trường thế giới, chúng mưu đồ tấn công Liên Xô, hi vọng đẩy lùi phong trào cách mạng vô sản thế giới.

- Bọn phát xít lên nắm quyền ở Đức, Nhật Bản, I-ta-li-a trở thành mối nguy cơ đe doạ nền dân chủ, hoà bình và an ninh thế giới.

\* Chủ trương của Quốc tế Cộng sản: - Đứng trước nguy cơ đó, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII chỉ ra kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít và vận động thành lập ở mỗi nước Mặt trận Nhân dân, tập hợp các lực lượng dân chủ tiến bộ để chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

**Câu 11. Trước những biến đổi của tình hình thế giới và trong nước, Đảng ta đã đề ra những chủ trương gì?**

\* Chủ trương của Đảng:

- Căn cứ vào tình hình trên và tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị trung ương lần thứ nhất (7 - 1936) của Đảng Cộng sản Đông Dương để ra chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược mới.

- Đảng đã xác định được kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này là bọn phản động Pháp cùng bè lũ tay sai không chịu thi hành các chính sách của Mặt trận Nhân dân Pháp ở thuộc địa.

- Tạm hoãn khẩu hiệu “Đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập" và "Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân nghèo". Nêu nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là: Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình.

- Thành lập Mặt trân Nhân dân phản đế Đông Dưcng nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước, dân chủ tiến bộ, đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và bảo vệ hoà bình thế giới.

- Hình thức và phương pháp đấu tranh: Tận dụng mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai để lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

**Câu 12. Liệt kê một số sự kiện tiêu biểu của phong trào cách mạng 1936 - 1939. Nêu nhận xét chung về phong trào này.**

**\* Liệt kê các sự kiện:** Những sự kiện tiêu biểu nhất trong Cao trào dân chủ 1936 -1939: - Phong trào Đông Dương đại hội (giữa năm 1936).

- Tổng bãi công của công nhân công ti than Hòn Gai (11 - 1936) và cuộc bãi công của công nhân xe lửa Trường Thi-Vinh (7 - 1937).

- Phong trào đón phái viên chính phủ Pháp và toàn quyền mới Đông Dương (đầu năm 1937).

- Cuộc mít tinh ngày 1 - 5 - 1938 tại khu Đấu Xảo - Hà Nội với hai vạn rưỡi người tham gia.

- Phong trào báo chí: Giới thiệu chủ nghĩa Mác - Lênin và tuyên truyền chính sách của Đảng.

- Đấu tranh nghị trường.

\* Nhận xét chung: Phong trào cách mạng 1936 - 1939 là phong trào quần chúng rộng rãi, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia cả ở nông thôn và thành thị trên phạm vi cả nước, hình thức đấu tranh phong phú với muc đích tự do dân chủ.

**Câu 13.** So với thời kì 1930 - 1931, chủ trương sách lược cách mạng của Đảng và hình thức đấu tranh trong thời kì 1936-1936 có gì khác? Vì sao?

NỘI DUNG 1930 - 1931 1936 - 1939 Kẻ thù Đế quốc, phong kiến Phản động Pháp và tay sai Nhiệm vụ Chống đế quốc, giành độc lập dân tộc. Chống phong kiên, giành ruộng đất cho dân cày.

Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, phản động tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình.

Mặt trận Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương, sau đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Hình thức phương pháp cách mạng Bí mật, bất hợp pháp. Bạo động vũ trang.

Hợp pháp, công khai, bán công khai.

Như vậy, so với thời kì 1930 -1931, chủ trương, sách lược và hình thức đấu tranh trong thòi kì này đều có nét khác. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là do hoàn cảnh lịch sử thay đổi so với trước. Đặc biệt, Mặt trận Nhân dân Pháp đã ban hành các chính sách về tự do dân chủ và ân xá tù chính trị cho các nước thuộc địa. Lợi dụng cơ hội này Đảng ta chủ trương đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ.

**Câu 14.** Phân tích và làm sáng tỏ: phong trào cách mạng 1936 - 1939 là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945?

- Thông qua phong trào này Đảng đã trưởng thành thêm về tư tưởng và tổ chức. Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin càng ngày càng thêm thấm nhuần trong tư tưởng, hành động của các đảng viên cộng sản và ăn sâu, toả rộng trong các tầng lớp nhân dân. Đảng đã xây dựng và phát triển được một đội ngũ cán bộ có năng lực và giàu kinh nghiệm, đồng thời phát triển thêm các tổ chức cơ sở, tăng cường mối dây liên hệ với quần chúng. Qua phong trào, nghệ thuật chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng, trình độ giác ngộ của đảng viên và uy tín của Đảng nâng lên một bước rõ rệt.

- Cùng với sự trưởng thành của Đảng, lực lượng cách mạng cũng lớn mạnh không ngừng. Qua thực tiễn đấu tranh, Đảng đã xây dựng một đội quân chính trị hùng hậu gồm hàng triệu người ở cả thành thị và nông thôn, tập hợp trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Cũng qua đấu tranh mà quần chúng cách mạng được tôi luyện và thử thách dày dạn.

- Phong trào cách mạng 1936 - 1939 còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá cho giai đoạn cách mạng sau. Đó là bài học về tổ chức, tập hợp quần chúng đấu tranh; bài học về sử dụng hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú.

- Phong trào cách mạng 1936 - 1939 đã chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đưa Đảng và quần chúng cách mạng bước vào thời kì đấu tranh trực tiếp giành chính quyền. Vì vậy, đây là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

**Chuyên đề 3: CUỘC VẬN ĐỘNG TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945**

**A. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 - 1945**

**I. Tình hình thế giới và Đông Dương**

- Tháng 9 – 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở châu Âu, quân đội phát xít Đức tấn công nước Pháp, Chính phủ phản động Pháp đầu hàng làm tay sai cho Đức (6 – 1940).

- Ở Viễn Đông, quân đội phát xít Nhật đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc và cho quân tiến sát biên giới Việt-Trung.

- Tháng 9 – 1940, Nhật xâm lược Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật rồi cấu kết với Nhật để cùng áp bức bóc lột nhân dân Đông Dương.

+ Thủ đoạn gian xảo của Pháp: Thi hành chính sách “kinh tế chỉ huy”, tăng các loại thuế.

+ Thủ đoạn thâm độc của Nhật: Thu mua lương thực (chủ yếu là gạo, lúa) theo lối cưỡng bức.

- Dưới hai tầng lớp áp bức, bóc lột của Pháp – Nhật, đời sống của các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là nông dân bị đẩy đến tình trạng cực khổ, điêu đứng.

- Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Đông Dương triệu tập Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1939 để chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, tập trung giải quyết nhiệm vụ chống đế quốc Pháp và phát xít Nhật, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

- Hội nghị xác định nhiệm vụ, mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và bọn tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

- Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi của dân tộc, chống tô cao, lãi nặng. Khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công – nông – binh được thay thế bằng khẩu hiệu Chính quyền Dân chủ Cộng hòa.

- Về phương pháp đấu tranh, Đảng chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp.

- Đảng chủ chương thành lập Mặt trận thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

- Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần tháng 11 – 1939 “đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng về chỉ đạo chiến lược”, thể hiện sự nhạy bén về chính trị và năng lực sáng tạo của Đảng.

**II. Những cuộc nổi dậy đầu tiên**

**1. Khởi nghĩa Bắc Sơn (27 – 9 – 1940)**

- Đêm 22 – 9 – 1940, quân Nhật tiến đánh Lạng Sơn, quân Pháp thua bỏ chạy qua châu Bắc Sơn.

Thừa cơ đó, nhân dân Bắc Sơn nổi dậy tước khí giới của quân Pháp để tự võ trang cho mình, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng (27 – 9 – 1940). Nhưng mấy hôm sau, Nhật thỏa hiệp để Pháp quay trở lại đàn áp, tập trung dân, bắn giết nghĩa quân, đốt phá nhà cửa, cướp đoạt của cải.

- Lực lượng vũ trang Bắc Sơn rút vào rừng, bảo toàn lực lượng, thành lập đội du kích Bắc Sơn.

**2. Khởi nghĩa Nam Kì (23 – 11 – 1940)**

- Quân Xiêm (Thái Lan) với sự giúp đỡ của Nhật - lợi dụng cơ hội quân Pháp bại trận ở châu Âu và yếu thế ở Đông Dương, tiên hành khiêu khích, xung đột dọc biên giới với Lào và Cam-pu-chia. Để chống lại, thực dân Pháp bắt lính người Việt ra trận chết thay cho chúng (11 - 1910). Nhân dân, nhất là binh lính người Việt, rất bất bình và sôi sục khí thế đấu tranh.

- Tình thế cấp bách nên Đảng bộ Nam Kì phải quyết định khởi nghĩa tuy chưa có sự chuẩn y của Trung ương, lệnh đình chỉ khởi nghĩa của Đảng ngoài Bắc vào chậm. Trước ngày khởi sự, một số cán bộ chỉ huy bị bắt, kế hoạch khởi nghĩa bị lộ, thực dân Pháp tìm cách đối phó.

- Tuy vậy, cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra theo dự kiến vào đêm 22 rạng sáng 23 - 11 - 1940 ở hầu khắp các tỉnh Nam Kì. Nghĩa quân triệt hạ nhiều đồn bốt của giặc, phá tan nhiều chính quyền địch, thành lập chính quyền nhân dân và toà án cách mạng ở địa phương. Cờ đỏ sao vàng lần đầu xuất hiện từ trong khởi nghĩa quần chúng.

- Thực dân Pháp tập trung lực lượng, dùng nhiều thủ đoạn đàn áp cuộc khởi nghĩa. Cách mạng bị tổn thất nặng nề, nhưng một số cán bộ và nghĩa quân rút vào rừng, chờ thời cơ để hoạt động trở lại.

**3. Binh biến Đô Lương (13 -1 - 1941)**

- Binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp (ở Nghệ An) bị Pháp đẩy đi làm bia đỡ đạn cho chúng ở biên giới Lào - Thái Lan.

- Ngày 13-1 -1941, binh lính ở Chợ Rạng nổi dậy chiếm đồn Đô Lương, sau đó lên ô tô kéo về Vinh, định phối hợp với binh lính ở đây giết giặc chiếm thành, song kế hoạch không thành.

- Binh biến Đô Lương nhanh chóng bị Pháp dập tắt.

\* Ý nghĩa và bài học ba sự kiện trên: - Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương nổ ra vào lúc kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức và chuẩn bị kĩ lưỡng nên trước sau đều thất bại.

- Các sự kiện oanh liệt đó đã "gây ảnh hưởng rộng lớn trong toàn quốc", nêu cao tinh thần anh hùng bất khuất của nhân dân ta, giáng đòn chí tử vào thực dân Pháp, cảnh báo nghiêm khắc phát xít Nhật vừa mới đặt chân vào nước ta. "Đó là những tiếng súng báo hiệu của cuộc khởi nghĩa toàn quốc".

- Các cuộc khởi nghĩa và binh biến trên, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, đã để lại cho Đảng Cộng sản Đông Dương những bài học bổ ích về khởi nghĩa vũ trang, xây dựng lực lượng vũ trang và chiến tranh du kích, trực tiếp chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám về sau.

**B. CAO TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945**

**I. Mặt trận Việt Minh ra đời (19 – 5 – 1941)**

**1. Bối cảnh lịch sử**

\* Thế giới: - Chiến tranh thế giới thứ hai bước sang năm thứ ba. Tháng 6 - 1941, phát xít Đức mở cuộc tấn công Liên Xô.

- Trên thế giới hình thành hai trận tuyến, một bên là các lực lượng dân chủ do Liên Xô dẫn đầu, một bên là khối phát xít Đức - I-ta-li-a - Nhật. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta là một phần trong cuộc đấu tranh của lực lượng dân chủ.

\* Trong nước: - Nhật vào Đông Dương, Pháp - Nhật câu kết với nhau để gây áp bức, thống trị nhân dân Đông Dương, vận mệnh của dân tộc nguy vong hơn bao giờ hết.

- Ngày 28 - 1 - 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, tại Pắc Bó - Cao Bằng, Người trực tiếp tổ chức và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.

+ Hội nghị diễn ra từ ngày 10 đến ngày 19 - 5 -1941) đã chủ trương: + Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết.

+ Chủ trương thành lập "Việt Nam độc lập đồng minh" gọi tắt là Việt Minh.

**2. Hoạt động của Mặt trận Việt Minh**

- Xây dựng lực lượng cách mạng:

+ Ở căn cứ Bắc Sơn- Vũ Nhai: Các đội du kích đã thống nhất thành đội Cứu quốc quân và phát động chiến tranh du kích, sau phân tán nhỏ để gây cơ sở trong quần chúng.

+ Ở các nơi khác: Đảng tranh thủ tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân như học sinh, sinh viên, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu quốc.

+ Đảng và Mặt trận Việt Minh đã xuất bản một số tờ báo để tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng.

-Tiến lên đấu tranh vũ trang: + Tháng 5 - 1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa.

+ Ngày 22 - 12 - 1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập.

+ Lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị phát triển mạnh, hỗ trợ cho nhau, góp phần mở rộng căn cứ cách mạng trong cả nước.

**II. Cao trào kháng Nhật, cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945**

**1. Nhật đảo chính Pháp (9 – 3 – 1945)**

- Cuối 1944 đầu 1945, chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn kết thúc. Trên chiến trường châu Âu , phát xít Đức bị quét khỏi lãnh thổ Liên Xô, nhiều nước Đông Âu được giải phóng, Béc-lin sắp thất thủ. Nước Pháp được giải phóng.

- Ở Mặt trận Thái Bình Dương, phát xít Nhật khốn đốn vì những đòn tấn công của Anh, Mĩ.

- Ở Đông Dương: Thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị chờ quân đồng minh vào.

- Đêm 9 - 3 - 1945, khi tình thế thất bại của phát xít Nhật gần kề, buộc Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương.

**2. Tiến tới khởi nghĩa tháng Tám 1945**

- Ngay khi Nhật đảo chính Pháp, Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng đã họp: + Ra bản chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

+ Xác định kẻ thù cụ thể lúc này là: Phát xít Nhật. Thay khẩu hiệu “đánh đổ phát xít Pháp

-Nhật” bằng khẩu hiệu “đánh đổ phát xít Nhật”, đưa ra khẩu hiệu “thành lập chính phủ cách mạng” để chống lại chính quyền bù nhìn Nhật.

+ Hội nghị Ban thường vụ quyết định phát động một cao trào "kháng Nhật cứu nước" mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa. Tiếp đó Mặt trận Việt Minh ra "hịch" kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh cao trào kháng Nhật cứu nước.

-Những hoạt động tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

+ Phong trào đấu tranh, khởi nghĩa từng phần phát triển mạnh ở thượng du và trung du miền Bắc.

+ Ngày 15 - 4 - 1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kì quyết định thông nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân.

+ Khu giải phóng Việt Bắc ra đời (4 - 6 -1945).

+ Phong trào "phá kho thóc, giải quyết nạn đói".

Một bầu không khí tiền khởi nghĩa lan rộng khắp cả nước, báo trước giờ hành động quyết định sắp tới.

**C. TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA**

**I. Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố**

**1. Hoàn cảnh lịch sử**

- Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đang đến những ngày cuối. Tháng 5 -1945, phát xít Đức bị đánh bại ở mặt trận châu Âu.

- Tháng 8 - 1945, Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương cũng bị tê liệt, Chính phủ tay sai thân Nhật hoang mang cực độ. Đây là điều kiện thuận lợi cho cách mạng nước ta nổ ra và giành thắng lợi.

**2. Chớp thời cơ, tiến tới Tổng khởi nghĩa**

- Trước hoàn cảnh thuận lợi ấy, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Điều đó được thể hiện:

+ Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào từ ngày 14 đến 15 - 8 - 1945, quyết định: Phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước trước khi quân Đồng minh vào. Thành lập Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc. Ra quân lệnh số một kêu gọi toàn dân nổi dậy.

+ Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào ngày 16 - 8 - 1945: Thông qua 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh. Lập ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ Lâm thời sau này) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, qui định Quốc kì, Quốc ca.

- Đại hội vừa bế mạc, Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

- Từ ngày 14 đến ngày 18-8, bốn tỉnh lị giành chính quyền sớm nhất trong cả nước là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

- Chiều 16 - 8 - 1945, theo mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đơn vị quân giải phóng do Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát từ Tân Trào tiến về thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc Tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước.

**II. Giành chính quyền ở Hà Nội**

- Ngày 15 - 8 - 1945, lệnh khởi nghĩa về đến Hà Nội.

- Đội tuyên truyền xung phong của Việt Minh đã tổ chức diễn thuyết, rải truyền đơn, biểu ngữ, kêu gọi tổng khởi nghĩa khắp Hà Nội.

- Sáng 19 - 8 - 1945, nhân dân Hà Nội đã kéo tới quảng trường Nhà hát lớn dự mít tinh do Mặt trận Việt Minh tổ chức, sau đó đoàn người đã chia nhau chiếm các công sở quan trọng của Chính quyền bù nhìn, quân Nhật không dám chống lại. Chiều ngày 19 - 8, khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn ở Hà Nội.

Cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi ở Hà Nội có tác dụng cổ vũ nhân dân cả nước đứng lên khởi nghĩa và càng làm cho kẻ thù hoang mang, dao động.

**III. Giành chính quyền trong cả nước**

- Ngày 23 - 8 - 1945, Huế giành chính quyền.

- Ngày 25 - 8 -1945, Sài Gòn giành chính quyền.

- Ngày 28 - 8 -1945, cả nước giành được chính quyền.

Như vậy, chỉ trong 15 ngày (từ ngày 14 đến ngày 28 - 8 - 1945) cuộc Tổng khởi nghĩa thành công hoàn toàn trong cả nước.

-Ngày 2 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

**IV. Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám 1. Ý nghĩa lịch sử**

- Đối với dân tộc:

+ Là một sự kiện lịch sử vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, bởi nó đã phá tan hai tầng xiềng xích Pháp - Nhật, lật nhào ngai vàng phong kiến trên đất nước ta; đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập dưới chế độ Dân chủ Cộng hoà, đưa nhân dân từ thân phận nô lệ trở thành người dân của một nước độc lập, tự do, làm chủ nước nhà.

+ Mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

-Đối với thế giới: Thắng lợi đầu tiên ở một nước thuộc địa trong đấu tranh tự giải phóng, cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa.

**2. Nguyên nhân thắng lợi**

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thông yêu nước sâu sắc, đã đấu tranh kiên cường bất khuất từ ngàn xưa cho độc lập tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dưong và Mặt trận Việt Minh phất cao ngọn cờ cứu nước thì mọi người đều hăng hái hưởng ứng.

+ Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo.

-Nguyên nhân khách quan: Lực lượng đồng minh và quân đội Xô Viết đánh bại phát xít Nhật, tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng giành thắng lợi.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1:** Những nét chính về tình hình thế giới và Đông Dương khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ? Nội tình ở Đông Dương như thế nào?

\*Những nét chính: - Tình hình thế giới: Tháng 9 - 1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, sau đó Đức tấn công nước Pháp.

- Tháng 6 - 1940, Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức không điều kiện. Ở Viễn Đông, quân phiệt Nhật đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc, tiến sát biên giới Việt- Trung.

- Ở Đông Dương: tháng 9 - 1940, Nhật đưa quân vào xâm lược, Pháp đầu hàng Nhật. Nhật lấn dần từng bước để biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ của chúng.

- Thực dân Pháp đứng trước hai nguy cơ: một là, phong trào cách mạng của nhân dân Đông Dương đang ngày càng lớn mạnh; hai là, phát xít Đức đang lăm le hất cẳng Pháp. Vì vậy, Pháp đã cấu kết với Nhật để áp bức, bóc lột nhân dân Đông Dương

\* Nội tình ở Đông Dương: - Thực dân Pháp thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng và thỏa hiệp với phát xít Nhật - Phát xít Nhật lôi kéo, tập hợp, tay sai, tuyên truyền lừa bịp để dọn đường hất cẳng Pháp.

**Câu 2:** Vì sao thực dân Pháp và phát xít Nhật thỏa hiệp với nhau để cùng thống trị nhân dân Đông Dương? Sự thống trị đó diễn ra như thế nào?

\*Nguyên nhân:

- Pháp - Nhật đã thỏa hiệp rồi câu kết với nhau để thống trị nhân dân Đông Dương, vì thực dân Pháp lúc này không đủ sức chống lại Nhật, buộc phải chấp nhận các yêu sách của Nhật, mặt khác chúng muốn dựa vào Nhật để chống phá cách mạng Đông Dương.

- Còn phát xít Nhật lại muốn lợi dụng Pháp để kiếm lời và cùng chống lại cách mạng Đông Dương, vơ vét sức người sức của đế phục vụ cuộc chiến tranh của Nhật. Vì vậy, nhân dân Việt Nam phải chịu cảnh một cổ hai tròng và đất nước Việt Nam trở thành thuộc địa của Nhật - Pháp.

\*Sự thông trị:

- Thủ đoạn gian xảo của thực dân Pháp: thi hành chính sách kinh tế chỉ huy:

+ Lợi dụng thời chiến để nắm độc quyền toàn bộ nền kinh tế Đông Dương và tăng cường đầu cơ tích trữ để bóc lột, vơ vét của cải của nhân dân ta nhiều hơn.

+ Tăng cường các loại thuế, đặc biệt là thuế muối, rượu và thuốc phiện -Thủ đoạn thâm độc của Nhật: buộc thực dân Pháp phải cung cấp các nhu yếu phẩm, bắt nhân dân ta nhô lúa trồng đay, thu mua lương thực, chủ yếu là lúa gạo theo lối cưỡng bức với giá rẻ mạt để cung cấp cho Nhật và tích trữ chuẩn bị chiến tranh.

Dưới hai tầng áp bức, bóc lột nặng nề của Pháp - Nhật, các tầng lớp nhân dân Việt Nam, chủ yếu là nông dân bị đẩy đến tình trạng cực khổ và chết đói.

**Câu 3:** Vì sao nhân dân Bắc Sơn đứng lên khởi nghĩa chống Pháp? Cuộc khởi nghĩa diễn ra như thế nào?

\*Nguyên nhân:

- Khi Nhật tiên sát biên giới Việt - Trung, Nhật buộc Pháp phải nhượng bộ một số quyền lợi ở Đông Dương, Pháp chấp nhận.

- Mặc dầu vậy, ngày 22 - 9 - 1940, quân Nhật vẫn bất ngờ đánh vào Lạng Sơn, quân Pháp thua chạy qua Bắc Sơn, Đảng bộ Bắc Sơn lãnh đạo nhân dân nổi dậy.

\*Cuộc khởi nghĩa diễn ra:

- Quân Nhật đánh vào Lạng Sơn, Pháp thua, chạy qua Bắc Sơn. Nhân cơ hội đó, nhân dân Bắc Sơn nổi dậy tước khí giới của quân Pháp, tự vũ trang cho mình, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng (27 - 9 -1940). Nhưng mấy hôm sau, Nhật, Pháp thỏa hiệp với nhau, Pháp quay trở lại đàn áp dã man.

- Dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương, nhân dân Bắc Sơn đấu tranh chống khủng bố, tổ chức các toán vũ trang, trừng trị bọn tay sai của địch. Nhờ đó cơ sở của cuộc khởi nghĩa vẫn được duy trì, quân khởi nghĩa tiến lên lập căn cứ quân sự, thành lập Ủy ban chỉ huy. Tài sản của đế quốc Việt gian bị tịch thu chia cho dân nghèo và các gia đình bị thiệt hại. Quần chúng phấn khởi gia nhập đội quân cách mạng ngày một đông. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập.

**Câu 4:** Lập bảng thống kê về nguyên nhân bùng nổ, diễn biến và ý nghĩa của khởi nghĩa Nam Kì, Binh biến Đô Lương theo yêu cầu dưới đây: Tên sự kiện Nguyên nhân bùng nổ Diễn biến Ý nghĩa 1) Khởi nghĩa Nam Kì …………………………… …………………………… …………………………… ……...

………………………… ………………………… ………………………… ………...

………………………… ………………………… ………………………… ……..

2) Binh biến Đô Lương …………………………… …………………………… …………………………… ……….

………………………… ………………………… ………………………… ………..

………………………… ………………………… ………………………… ……..

Tên sự Nguyên nhân bùng nổ Diễn biến Ý nghĩa kiện 1) Khởi nghĩ a Nam Kì Thực dân Pháp bắt binh lính Việt Nam làm bia đỡ đạn chống lại quân phiệt Xiêm, nhân dân, binh lính bất bình liên lạc với Đảng, Đảng bộ Nam Kì quyết định khởi nghĩa.

Khởi nghĩa vẫn nổ ra vào đêm 22 rạng ngày 23-11-1940 ở hầu hết các tỉnh Nam Kì. Nghĩa quân triệt hạ đồn bốt, phá đường giao thông, thành lập chính quyền nhân dân và tòa án cách mạng ở nhiều nơi. Lần đầu tiên lá cờ đỏ sao vàng năm cánh xuất hiện.

Thực dân Pháp đàn áp dã man, khởi nghĩa thất bại, Đảng bị tổn thất nặng.

- Chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

-Để lại những bài học kinh nghiệm quý báu về khởi nghĩa vũ trang...

2) Binh biến Đô Lươn =g Binh lính người Việt trong quân đội Pháp tại Nghệ An hết sức bất bình vì bị đưa sang biên giới Lào - Thái Lan làm bia đỡ đạn cho Pháp, họ đã nổi dậy.

Ngày 13 - 01 - 1941, dưới sự chỉ huy của Đội Cung binh lính đồn chợ Rạng nổi dậy, đánh chiếm đồn Đô Lương rồi lên ô tô định kéo về Vinh phối hợp với anh em binh lính ở đây chiếm thành. Kế hoạch không thực hiện được, Đội Cung bị bắt và xử tử cùng 10 đồng chí của ông.

Chứng tỏ tình thần yêu nước của binh lính người Việt trong quân đội Pháp và khả năng cách mạng của họ nếu được giác ngộ.

**Câu 5:** Nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho các cuộc khởi nghĩa sau này.

\*Nguyên nhân thất bại:

-Khởi nghĩa Bắc Sơn:

+ Do thực dân Pháp còn mạnh lại cấu kết với Nhật để đàn áp khởi nghĩa.

+ Khởi nghĩa nổ ra trong điều kiện chưa chín muồi, thời cơ khởi nghĩa chưa đến.

-Cuộc khởi nghĩa Nam Kì:

+ Do khởi nghĩa chưa có những điều kiện chín muồi, kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ nên địch đã kịp thời đối phó.

-Cuộc binh biến Đô Lương:

+ Do cuộc nổi dậy tự phát của binh lính người Việt trong quân đội Pháp, chưa có lực lượng quần chúng tham gia.

+ Cuộc nổi dậy không có sự lãnh đạo của Đảng và không có sự phối hợp của quần chúng nhân dân.

\*Bài học kinh nghiệm:

-Bài học về thời cơ khởi nghĩa.

-Bài học về xây dựng lực lượng tham gia khởi nghĩa.

**Câu 6:** Nêu những nét chính về tình hình thế giới và trong nước năm 1941. Những chủ trương mới của Đảng ta trong Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 -1941).

\*Tình hình: -Thế giới: Phát xít Đức tấn công Liên Xô, trên thế giới hình thành hai trận tuyến: một bên là các lực lượng dân chủ do Liên Xô đứng đầu, một bên là khối phát xít Đức - Ý- Nhật, cuộc đấu tranh của nhân dân ta là một bộ phận của cuộc đấu tranh của các lực lượng dân chủ.

-Trong nước: Nhân dân ta rên xiết dưới hai tầng áp bức Pháp - Nhật. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với đế quốc phát xít Pháp - Nhật vô cùng sâu sắc, vận mạng dân tộc bị nguy vong không lúc nào bằng. Trước tình hình đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước (28 - 01 - 1941) và triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII tại Pắc Bó (Cao Bằng) \*Những chủ trương mới: - Đặt lên hàng đầu nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đánh đuổi Nhật - Pháp.

- Tạm gác khẩu hiệu “Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”.

- Thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh).

**Câu 7.** Vì sao tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5 - 1941) Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết? Chủ trương đó được thể hiện như thế nào?

**\* Vì sao:** - Đến năm 1941, Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bước sang năm thứ ba, sau khi chiếm phần lớn châu Âu, phát xít Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô, Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc, chuẩn bị chiến tranh Thái Bình Dương.

- Lúc này, Nhật đã nhảy vào Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lấn từng bước để biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của chúng.

- Nhân dân Đông Dương phải chịu hai tầng áp bức, bóc lột của Pháp - Nhật, mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc, phát xít Pháp - Nhật phát triển gay gắt, vận mệnh các dân tộc Đông Dương nguy vong hơn bao giờ hết.

- Nhân dân Đông Dương ngày càng cách mạng hóa, nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9 - 1940) Nam Kì (11 - 1940) và cuộc binh biến Đô Lương (1 -1941).

- Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương, ngày 28 -1 -1941, Nguyễn Ái Quốc về nước và triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, họp từ ngày 10 đến 19 - 5 - 1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng) chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết.

\* Thể hiện: - Quyết định giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc để đánh đuổi đế quốc, phát xít Pháp - Nhật.

- Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất", chỉ tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian, chia lại ruộng đất công, giảm địa tô.

- Khẳng định: Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ của toàn Đảng và toàn dân ta.

- Quyết định đặt vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, song các dân tộc phải đoàn kết, cùng nhau chống kẻ thù chung là Pháp - Nhật. Ở mỗi nước thành lập một mặt trận đoàn kết dân tộc. Ở Việt Nam là Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Mặt trận Việt Minh.

**Câu 8. Ý nghĩa và tầm quan trọng của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tháng 5 năm 1941?**

**\*Ý nghĩa:** Hội nghị Trung lần thứ 8 có ý nghĩa lịch sử to lớn - đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng đề ra từ Hội nghị Trung ương tháng 11 -1939: - Kiên quyết giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp thiết hơn bao giờ hết.

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và phong kiến.

- Đề ra phương pháp cách mạng cụ thể: tích cực chuẩn bị lực lượng để khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, đi từ khởi nghĩa từng phần tiên lên Tổng khởi nghĩa.

\* Tầm quan trọng của Hội nghị: - Động viên toàn Đảng, toàn dân tích cực chuẩn bị tiến tới Cách mạng tháng Tám.

- Với chủ trương của Hội nghị, Mặt trận Việt Minh ra đời, qua đó Đảng xây dựng được khối đoàn kết toàn dân vững chắc. Tiếp đó lực lượng vũ trang lần lượt ra đời, căn cứ địa cách mạng thành lập, phong trào đấu tranh phát triển mạnh mẽ chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

**Câu 9.** Từ khi Mặt trận Việt Minh ra đời, các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta phát triển như thế nào?

-Các tổ chức đoàn thể của Việt Minh được thành lập ở khắp nơi trong nước, như Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Nhi đồng cứu quốc..., phát triển mạnh nhất ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn. Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng, Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng được thành lập.

-Lực lượng vũ trang lớn mạnh dần, đội du kích Bắc Sơn phát triển thành đội Cứu quốc quân, đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập ở Cao Bằng ngày 22 - 12 - 1944. Ngay sau khi ra đời, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã đánh thắng hai trận liên tiếp ở Phay Khắt, Nà Ngần (Cao Bằng).

-Báo chí của Đảng và của Mặt trận Việt Minh thời kì này khá phong phú, đã góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, đấu tranh chống mọi thủ đoạn chính trị, văn hóa của địch, thu hút đông đảo quần chúng vào hàng ngũ cách mạng.

**Câu 10.** Tại sao Nhật đảo chính Pháp? Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những chủ trương gì khỉ Nhật đảo chính Pháp?

\*Nguyên nhân Nhật đảo chính Pháp: - Ngày 22 - 9 - 1940, Nhật chính thức nhảy vào Đông Dương, thực dân Pháp đã câu kết với Nhật để đàn áp nhân dân Đông Dương nhưng sự cấu kết này chỉ là tạm thời. Càng về sau mâu thuẫn Nhật - Pháp càng sâu sắc vì hai tên đế quốc không thể ăn chung một miếng mồi béo bỡ.

-Đầu năm 1945, Hồng quân Liên Xô tiến đánh Béc-lin, sào huyệt cuối cùng của phát xít Đức. Một loạt nước Đông Âu được giải phóng.

-Ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, quân đồng minh giáng cho Nhật những đòn nặng nề.

-Ở Đông Dương, lực lượng Pháp theo phái Đờ Gôn ráo riết hoạt động, chờ thời cơ phản công quân Nhật, mâu thuẫn Nhật - Pháp trở nên gay gắt. Để trừ hậu họa về sau, Nhật bất ngờ làm cuộc đảo chính vào đêm 9 - 3 -1945.

\*Chủ trương của Đảng: -Đang lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Đình Bảng (Từ Sơn - Bắc Ninh), ngày 12 - 3 - 1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Bản chỉ thị nhận định: cuộc đảo chính đã tạo nên sự khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng những điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi. Phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương. Khẩu hiệu "Đánh đuổi Pháp-Nhật" được thay bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật".

-Hình thức đấu tranh từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị đến biểu tình, thị uy, vũ trang, du kích và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.

-Hội nghị chủ trương phát động "Cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa".

**Câu 11.** Hãy nêu những nét chính về tình hình thế giới và Việt Nam trong những ngày đầu tháng Tám năm 1945. Đảng ta và Hồ Chí Minh đã làm gì trước những thay đổi mau lẹ của tình hình đó?

\* Những nét chính**:**

-Về tình hình thế giới:

+ Sau khi phát xít Đức bị đánh bại ở mặt trận châu Âu vào tháng 5 - 1945, ngày 8 - 8 - 1945, Hồng quân Liên Xô mang quân đánh bại 1 triệu quân Quan Đông của Nhật ở châu Á - Thái Bình Dương.

+ Đêm ngày 14 - 8 -1945, phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại và sau đó, ngày 15 - 8 -1945, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

-Ở Việt Nam: + Sau khi quần Nhật bị Đồng minh đánh bại, bọn Nhật và bọn tay sai của Nhật ở Việt Nam hoang mang cực độ, mất hết tinh thần chiến đấu.

+ Quần chúng cách mạng ở Việt Nam đã chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức, chỉ chờ thời cơ đến là đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

\* Đảng ta và Hồ Chí Minh: - Trước những biến đổi mau lẹ của tình hình thế giới và Việt Nam, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Điều đó được thể hiện: + Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào từ ngày 14 đến 15 - 8 - 1945, quyết định: Phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước trước khi quân Đồng minh vào. Thành lập Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc. Ra quân lệnh số một kêu gọi toàn dân nổi dậy.

+ Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào ngày 16 - 8 - 1945: Thông qua 10 chính sách của mặt trận Việt Minh. Lập ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ Lâm thời sau này) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, qui định Quốc kì, Quốc ca.

-Đại hội vừa bế mạc, Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 12.** Ghi sự kiện lịch sử vào bảng thống kê dưới đây cho phù hợp với thời gian diễn ra cuộc Tổng nghĩa tháng Tám năm 1945.

Thời gian Sự kiện lịch sử Ngày 14 – 8 - 1945 ………………………………………………………………………… ………………………………………………………………………… Chiều 16 – 8 - 1945 ………………………………………………………………………… ………………………………………………………………………… Từ ngày 14 đến 18 – 8 -1945 ………………………………………………………………………… ………………………………………………………………………… Ngày 19 – 8 – 1945. ………………………………………………………………………… ………………………………………………………………………… Ngày 23 – 8 - 1945 ………………………………………………………………………… ………………………………………………………………………… Ngày 25 - 8 - 1945 ………………………………………………………………………… ………………………………………………………………………… Ngày 28 – 8 - 1945 ………………………………………………………………………… ………………………………………………………………………… Thời gian Sự kiện lịch sử Ngày 14 – 8 - 1945 Quảng Ngãi khởi nghĩa giành thắng lợi ở tỉnh lị.

Chiều 16 – 8 - 1945 Một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước.

Từ ngày 14 đến 18 - 8 -1945 Nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lị Ngày 19 – 8 – 1945. Hàng chục vạn nhân dân nội ngoại thành xuống đường biểu dương lực lượng. Quần chúng cách mạng có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu, lần lượt chiếm các cơ quan đầu não của địch: Phủ Khâm sai Bắc Bộ, Sở Cảnh Sát Trung ương, Sở Bưu điện, Trại Bảo an binh... Tối 19-8, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi.

Ngày 23-8- 1945 Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế.

Ngày 25 - 8 -1945 Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn.

Ngày 28-8-1945 Khởi nghĩa giành thắng lợi trong toàn quốc.

**Câu 13.** Vì sao nói: Cách mạng tháng Tám thành công đã tạo ra một biến cố lịch sử trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam?

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã phá tan hai tầng xiềng xích Pháp - Nhật, lật nhào ngai vàng phong kiến trên đất nước ta; đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập dưới chế độ dân chủ Cộng hoà, đưa nhân dân từ thân phận nô lệ trở thành người Dân của một nước độc lập, tự do, làm chủ nước nhà.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là thắng lợi đầu tiên ở một nước thuộc địa trong đấu tranh tự giải phóng, cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa.

**Câu 14.** Từ thực tiễn Cách mạng tháng Tám năm 1945, hãy rút ra những bài học kinh nghiệm cho cách mạng Việt Nam.

- Bài học về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, nắm bắt được tình hình thế giới và cách mạng trong nước để thay đổi chủ trương chỉ đạo chiến lược cho phù hợp.

- Bài học về việc giải quyết đúng đắn giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đề cao vấn đề dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

- Bài học về tập hợp, tổ chức đoàn kết lực lượng cách mạng trong Mặt trận dân tộc thông nhất rộng rãi, trên cơ sở liên minh công nông, tạo nên sức mạnh toàn dân, phân hoá và cô lập cao độ kẻ thù rồi tiến lên đánh bại chúng.

- Bài học về sự linh hoạt kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp với chiến tranh du kích, đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần, khởi nghĩa ở nông thôn và thành thị tiến tới Tổng khởi nghĩa.

- Bài học về việc kết hợp giữa đấu tranh và xây dựng để ngày càng vững mạnh về tổ chức, tư tưởng chính trị.

**Câu 15.** Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1941 đến năm 1945 để đưa đến thắng lợi Cách mạng tháng Tám như thế nào?

-Ngày 28 - 1 - 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Sau một thời gian chuẩn bị, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tại Pắc Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến 19 - 5 - 1941. Nghị quyết Hội nghị nêurõ: Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc. Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất. Chủ trương thành lập Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh. Xác định hình thái cuộc khởi nghĩa ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và kết luận: chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn hiện tại.

-Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh được đề ra từ Hội nghị Trung ương 11 - 1939, nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương sáng tạo thực hiện mục tiêu ấy. Đến Hội nghị Trung ương lần thứ 8, sự chuẩn bị về đường lối của Đảng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đã hoàn thành.

-Đến khi thời cơ cách mạng xuất hiện, Đảng họp Hội nghị toàn quốc (từ 13 đến 15 - 8 - 1945) và Đại hội Quốc dân tại Tân Trào (từ 16 đến 17 - 8 - 1945) để phát động quần chúng Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 16.** Trong Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng ta đã vận dụng những bài học kinh nghiệm gì từ phong trào cách mạng 1930 - 1931 và phong trào dân chủ 1936 -1939?

-Vận dụng bài học kinh nghiệm trong phong trào cách mạng 1930 - 1931: + Bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng.

+ Bài học về thực hiện liên minh công - nông.

+ Bài học về sử dụng bạo lực để giành chính quyền.

+ Bài học về xây dựng chính quyền nhà nước.

+ Bài học về công tác mặt trận.

-Vận dụng bài học kinh nghiệm từ phong trào dân chủ 1936 - 1939: + Bài học về tập hợp lực lượng chính trị của đông đảo quần chúng.

+ Bài học về sử dụng hình thức và phương pháp đấuu tranh phong phú.

**Chuyên đề 4: VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 – 1946)**

**I. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám**

1. Thuận lợi: - Nhân dân đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng tự do, nên rất phấn khởi, gắn bó với chế độ.

- Cách mạng nước ta có Đảng lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm, có lãnh tụ sáng suốt là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành, phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển ở nhiều nước tư bản.

2. Khó khăn:

\*Về đối ngoại: - Quân đội các nước Đồng minh, dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật, đã lũ lượt kéo vào nước ta.

+ Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc đóng ở Hà Nội và hầu hết các tỉnh. Chúng kéo theo bọn tay chân từ các tổ chức phản động như Việt Nam Quốc dân đảng (Việt quốc), Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt cách).

+ Từ vĩ tuyên 16 trở vào Nam, quân đội Anh tạo điều kiện cho quân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta. Lợi dụng tình hình đó, bọn phản động ngóc đầu dậy, làm tay sai cho Pháp, chống phá cách mạng.

\*Về đối nội: - Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, chưa được củng cố; lực lượng vũ trang còn non yếu.

- Nền kinh tế nước ta vốn đã lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hậu quả nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục. Nạn lụt lớn, làm vỡ đê ở chín tỉnh Bắc Bộ, rồi hạn hán kéo dài.

Nhiều xí nghiệp còn nằm trong tay tư bản Pháp. Các cơ sở công nghiệp của ta chưa phục hồi sản xuất.

Hàng hoá khan hiếm, giá cả tăng vọt, đòi sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

- Về tài chính, ngân sách Nhà nước lúc này hầu như trống rỗng. Chính quyền cách mạng lại chưa quản lí được Ngân hàng Đông Dương. Trong lúc đó, quân Trung Hoa Dân quốc tung ra thị trường các loại tiền của Trung Quốc đã mất giá, làm cho nền tài chính nước ta thêm rối loạn.

- Về văn hoá, di sản văn hoá lạc hậu do chế độ thực dân phong kiến để lại hết sức nặng nề, hơn 90% dân số không biết chữ.

Nước ta đứng trước tình thế hiểm nghèo, khác nào "Ngàn cân treo sợi tóc".

**II. Bước đẩu xây dựng chế độ mới**

-Ngày 6 -1 - 1946, Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước.

-Ngày 2 - 3 - 1946, Quốc hội họp phiên đầu tiên: Ban hành dự thảo Hiến pháp, thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp kháng chiến.

-Bộ máv chính quyền dân chủ nhân dân ở Trung và Bắc Bộ được kiện toàn từ tỉnh đến xã đều tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân theo nguyên tắc phổ thông đầu phiêu.

-Ngày 29 - 5 - 1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt) được thành lập để tăng cường và mở rộng khối đoàn kết toàn dân.

**III. Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính**

\*Giải quyết nạn đói:

- Biện pháp cấp thời, kêu gọi tiết kiệm, "nhường cơm, xẻ áo", tổ chức "ngày đồng tâm" để có thêm gạo cứu đói.

- Biện pháp lâu dài: đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chia ruộng cho nông dân nghèo, giảm tô 25%, bỏ các thứ thuế vô lí...

\*Giải quyết nạn dốt:

- Ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập cơ quan bình dân học vụ.

- Phong trào xoá nạn mù chữ, phát triển trường học...

\*Về tài chính: - Kêu gọi sự đóng góp của nhân dân.

- Xây dựng "Quỹ độc lập", "Tuần lễ vàng".

- Ngày 31 - 1 -1946, Chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam.

**IV. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược**

-Đêm 22 rạng 23 - 9 - 1945, Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban nhân dân Nam Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

-Nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tiến hành tổng bãi công, bãi thị, bãi khoá, tập kích quân Pháp...

-Quân Pháp được tăng viện, đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ.

-Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến.

**V. Đấu tranh chống quân Tưởng và bọn phản cách mạng**

- Sách lược đấu tranh của ta đối với quân Tưởng và bọn tay sai: Hoà hoãn, tránh xung đột, giao thiệp thân thiện và lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị với quân Tưởng một cách khôn khéo, đồng thời kiên quyết trừng trị bọn tay sai. Bằng cách cho bọn tay sai của Tưởng 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử và một số ghế Bộ trưởng trong chính phủ Liên hiệp.

- Cho Tưởng một số quyền lợi trước mắt về kinh tế.

-Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng.

**VI. Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 -1946) và Tạm ước Việt - Pháp (14 - 9 -1946)**

1. Hoàn cảnh -Pháp muốn mở rộng chiến tranh nhằm thôn tính cả nước ta, chúng đàm phán với Tưởng Giới Thạch để thay thế quân Tưởng chiếm đóng miền Bắc Việt Nam. Pháp sẽ nhượng lại cho Tưởng một số quyền lợi ở Trung Quốc.

-Về phía Tưởng, chấp nhận cho Pháp đưa quân ra miền Bắc để cùng với Tưởng giải giáp phát xít Nhật. Từ đó, Hiệp ước Hoa - Pháp được kí ngày 28 - 2 -1946. Hiệp ước Hoa - Pháp đặt nhân dân ta trước hai con đường: + Hoặc là khẩn trương cầm vũ khí chống Pháp và Tưởng.

+ Hoặc là chủ động đàm phán vớii Pháp để loại trừ quân Tưởng. Tranh thủ thời gian hoà hoãn, chuẩn bị lực lượng bước vào cuộc chiến tranh với Pháp sau này.

-Trước tình hình đó, ta chọn con đường thứ hai. Ngày 6 - 3 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ta kí với Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.

2. Nội dung Hiệp định - Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia độc lập.

- Chính phủ ta cho quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng giải giáp quân Nhật.

- Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

- Ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Sơ bộ: loại trừ bớt kẻ thù, tập trung lực lượng vào kẻ thủ chính là thực dân Pháp -Ta có thêm thời gian củng cố lực lượng.

3. Tình hình sau khi kí Hiệp định Sơ bộ - Ta tranh thủ củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt: thành lập Liên Việt, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam... xây dựng và củng cố các lực lượng vũ trang.

- Pháp vẫn gây xung đột ở Nam Bộ, lập Chính phủ Nam Kì tự trị, tăng cường khiêu khích, làm thất bại cuộc đàm phán ở Phông-ten-nơ-blô (Pháp).

- Ngày 14 - 9 - 1946: Hồ Chí Minh kí với Chính phủ Pháp bản Tạm ước tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hoá ở Việt Nam để có thời gian xây dựng và củng cố lực lượng, chuẩn bị cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà ta biết chắc chắn nhất định sẽ nổ ra.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Vì sao sau Cách mạng tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc"? Khó khăn lớn nhất là gì? Vì sao? \*Tình thế khó khăn: Ngay sau khi vừa mới thành lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đứng trước muôn vàn khó khăn, tưởng chừng không thể vượt qua, đó là : - Nạn ngoại xâm: Từ vĩ tuyến 16 trở ra, 20 vạn quân Tưởng dưới danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật nhưng lại kéo bọn Việt gian tay sai (Việt Quốc, Việt Cách) âm mưu thủ tiêu chính quyền cách mạng, đặt chính quyền tay sai. Từ vĩ tuyến 16 trở vào hơn 1 vạn quân Anh cũng mang danh nghĩa quân Đồng minh giải giáp quân Nhật nhưng lại giúp thực dân Pháp quay lại xâm lược Nam Bộ.

- Hơn 6 vạn quân Nhật còn lại trên đất nước ta, trong khi chờ đợi giải giáp, một bộ phận trong bọn chúng đã giúp thực dân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng.

- Thực dân Pháp muốn khôi phục địa vị thống trị cũ, đã xâm lược nước ta ở Nam Bộ.

- Nội phản: Bọn tay sai của Tưởng, bọn phản cách mạng ở miền Nam, bọn phản động trong các giáo phái ra sức chống phá cách mạng.

- Những khó khăn do chế độ cũ để lại: nạn đói, nạn dốt (90% dân số mù chữ), các tệ nạn xã hội.

- Khó khăn do chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, lực lượng non yếu, ngân sách trống rỗng, chưa kiểm soát được ngân hàng Đông Dương.

\*Khó khăn lớn nhất là nạn ngoại xâm. Vì chúng đe dọa đến nền độc lập của dân tộc mà ta vừa giành được trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

**Câu 2.** Lập bảng thống kê các biện pháp giải quyết khó khăn về nạn đói, nạn dốt và tài chính theo yêu cầu dưới đây: Giải quyết khó khăn Biện pháp Kết quả Nạn đói ………………………………...… …………………………………..

………………………………...

………………………………….

Nạn dốt ………………………………...… …………………………………..

………………………………….

………………………………….

Tài chính ………………………………...… …………………………………..

………………………………...

………………………………….

Giải quyết khó khăn Biện pháp Kết quả Nạn đói -Trước mắt: Lập hũ gạo cứu đói, kêu gọi nhường cơm xẻ áo.

Thực hiện ngày đổng tâm.

-Lâu dài: Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chia ruộng đất của địa chủ cho nông dân. Thực hiện việc giảm tô, ra sắc lệnh bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác.

Nạn đói được đẩy lùi.

Nạn dốt -Ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ, kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.

-Đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục.

Các lớp bình dân học vụ được mở khắp nơi, các cấp học phát triển mạnh.

Tài chính -Chính phủ kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân vào việc xây dựng "Quỹ độc lập", "Tuần lễ vàng" và được nhân dân cả nước hưởng ứng.

-Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

Đồng bào cả nước hăng hái đóng góp tiền của, vàng bạc, tháng 11-1946 lưu hành đồng tiền Việt Nam trong cả nước. Khó khăn về tài chính dần dần được đẩy lùi.

**Câu 3**. Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính?

- Khắc phục được nạn đói đối với miền Bắc ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công là một thắng lợi lớn, có ý nghĩa nâng cao uy tín của Chính phủ Lâm thời và tạo cơ sở để giải quyết các khó khăn khác. Việc giải quyết nạn mù chữ có ý nghĩa về chính trị, giúp cho việc truyền đạt chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ đến nhân dân được nhanh chóng hơn, trực tiếp hơn, thuận lợi hơn, giúp cho nhân dân mở rộng kiến thức, đóng góp tích cực vào công việc của địa phương và đất nước.

-Những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính đã giúp nhân dân ta vượt qua được những khó khăn to lớn củng cố và tăng cường sức mạnh của chính quyền nhà nước, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Kết quả đạt được thể hiện bản chất cách mạng, tính ưu việt của chế độ mới. Đây còn là sự chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho toàn dân ta tiến tới cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

**Câu 4.** Âm mưu và hành động của Tưởng đối với nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Biện pháp đối phó của ta đối với quân Tưởng và tay sai của chúng.

\*Âm mưu và hành động của Tưởng: Với danh nghĩa quân đồng minh vào miền Bắc nước ta giải giáp quân Nhật, nhưng trên thực tế 20 vạn quân Tưởng cùng bọn phản động tay sai Việt Quốc, Việt Cách đã chống phá cách mạng, đòi ta đáp ứng nhiều yêu sách về kinh tế chính trị của chúng như đòi cho chúng một số ghế trong Quốc hội không thông qua bầu cử, gạt những đảng viên cộng sản ra khỏi Chính phủ Lâm thời.

\*Biện pháp đối phó của ta: -Biện pháp đối phó của ta đối với Tưởng : + Hoà hoãn, tránh xung đột, giao thiệp thân thiện. Thực hiện sách lược đó, ta nhường cho bọn tay sai của Tưởng (Việt Quốc, Việt Cách) 70 ghế trong Quốc hội không thông qua bầu cử và 4 ghế bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp, nhận cung cấp một phần lương thực, thực phẩm cho quân Tưởng, nhận tiêu tiền "Quan kim" và "Quốc tệ".

-Đối với bọn tay sai: Dựa vào quần chúng kiên quyết, vạch trần âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại của chúng. Những kẻ phá hoại, nêu có đủ bằng chứng thì trừng trị theo pháp luật.

-Nhân nhượng với Tưởng và tay sai của chúng chỉ là tạm thời, trong giới hạn cho phép để thực hiện chủ trương của ta: "Mềm dẻo trong sách lược, cứng rắn về nguyên tắc chiến lược".

**Câu 5.** Sách lược của Đảng và Chính phủ đối với Pháp và Tưởng trong hai thời kì trước và sau 6 - 3 - 1946 có gì khác nhau? Tại sao lại có sự khác nhau như vậy? \*Khác nhau: Đứng trước tình thế một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, Đảng và Chính phủ ta đã sử dụng sách lược mềm dẻo để phân hóa kẻ thù. Sách lược đó thế hiện sự khác nhau, đó là:

-Trước 6 - 3 - 1946, hòa với Tưởng ở miền Bắc, tập trung lực lượng đánh Pháp ở Nam Bộ.

-Sau 6 - 3 -1946, hòa với Pháp để đuổi Tưởng ra khỏi miền Bắc.

\*Sở dĩ có sự khác nhau đó vì: -Trước ngày 6 - 3 - 1946, ta nhân nhượng với Tưởng để tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù trong lúc lực lượng của ta còn non yếu.

-Sau khi ta nhân nhượng với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ thì Pháp và Tưởng kí Hiệp với nhau Hiệp ước Hoa - Pháp vào 28 - 2 - 1946, chúng đã xích lại gần nhau để chia cắt nước ta.

-Tình hình đó, đặt nhân dân ta trước hai con đường phải lựa chọn: Hoặc cùng một lúc đánh cả Pháp lẫn Tưởng; hoặc hòa với một kẻ thù để đánh một kẻ thù. Ta đã lựa chọn con đường hòa vói Pháp để dùng bàn tay của Pháp đuổi Tưởng ra khỏi miền Bắc.

**Câu 6.** Vì sao Chính phủ ta kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6 - 3 - 1946? Những thắng lợi đạt được qua việc kí kết Hiệp định Sơ bộ và nguyên nhân của những thắng lợi đó.

\*Nguyên nhân:

-Khi ta nhân nhượng với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ, nhưng sau đó Pháp và Tưởng kí Hiệp ước Hoa - Pháp ngày 28 - 2 -1946 để xích lại gần nhau, câu kết với nhau.

-Tình thế đó đặt nhân dân ta trước hai sự lựa chọn: Hoặc là cùng một lúc đánh cả Pháp lẫn Tưởng hoặc là hoà với một kẻ thù, tập trung đánh một kẻ thù. Với quân Tưởng, ta đã nhân nhượng rồi, không thể nhân nhượng nữa. Ta đã chọn giải pháp có lợi nhất cho cách mạng, đó là hòa với Pháp bằng cách kí Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946).

\*Những thắng lợi: -Pháp phải công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.

-Pháp chấp nhận ngừng bắn ở Nam Bộ, tạo điều kiện thuận lợi để ta có thời gian hòa bình củng cố lại lực lượng.

-Ta dùng bàn tay Pháp gạt 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc.

-Ngăn chặn được cuộc chiến tranh có nguy cơ bùng nổ trên phạm vi cả nước.

\* Nguyên nhân của thắng lợi đó: - Toàn dân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm giữ vững thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945.

- Nhờ sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối cách mạng vô cùng sáng suốt: cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, phân hóa cô lập kẻ thù, đã đưa nước nhà vượt qua thời khắc nguy hiểm, củng cố bảo vệ chính quyền cách mạng, tạo điều kiện để chuẩn bị toàn quốc kháng chiến.

**Chuyên đề 5: VIỆT NAM TỪ CUỐI 1946 ĐẾN NĂM 1954**

**A. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1950)**

**I. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ (19 -12 -1946)**

**1. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ**

\* Thực dân Pháp bội ước: - Sau Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 -1946 và Tạm ước 14 - 9 - 1946, Pháp khiêu khích ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn.

- Tại Hà Nội, thực dân Pháp liên tiếp gây xung đột vũ trang, ngày 18 - 12 - 1946, Pháp gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho quân đội Pháp.

\* Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ: - Trước âm mưu và hành động của thực dân Pháp, nhân dân ta chỉ còn một con đường cầm vũ khí đứng lên chống thực dân Pháp để cứu Tổ quốc.

- Ban thường vụ Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc chiến toàn quốc kháng chiến. Tối ngày 19 - 12 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ.

2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của ta - Các văn kiện thể hiện đường lối kháng chiến: + Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Chỉ thị kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

+ Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh.

- Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược: kháng chiến toàn dân toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

**II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16**

- Cuộc chiến đấu quyết liệt đã diễn ra ở hầu hết các thị xã, thành phố từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc.

+ Miền Bắc: Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh.

+ Miền Trung: Huế, Đà Nẵng.

- Tiêu biểu cho cả nước là cuộc chiến đấu oanh liệt suốt 60 ngày đêm ở thủ đô Hà Nội để bảo vệ các cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước.

- Giữa tháng 2 - 1947, cuộc chiến đấu trong các khu đô thị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong các thành phố, lực lượng ta rút lên chiến khu an toàn. Cuộc chiến đấu tạm thời kết thúc để chuyển sang một giai đoạn chiến đấu mới.

\* Ý nghĩa: - Loại khỏi vòng chiến đấu nhiều lực lượng của địch, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh...

- Đảm bảo cho cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ rút về căn cứ địa cách mạng an toàn.

**III. Tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến tranh lâu dài**

\* Công cuộc chuẩn bị kháng chiến lâu dài: - Vận chuyển máy móc, lương thực, thực phẩm, thuốc men từ những vùng địch có thể đánh chiếm về các khu an toàn.

- Thực hiện chủ trương "phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được" (Hồ Chí Minh).

- Di chuyển cơ quan Đảng và Nhà nước về chiến khu Việt Bắc, căn cứ địa thần thánh của cuộc kháng chiến.

- Về chính trị: Chính phủ quyết định chia nước ta thành 12 khu vực hành chính.

- Về quân sự: Tất cả mọi công dân từ 18 - 45 tuổi đều tham gia vào các lực lượng vũ trang của trung ương và địa phương.

- Về kinh tế: Phát triển sản xuất để bảo đảm cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng cho nhân dân và quân đội.

- Về giáo dục: Phong trào Bình dân học vụ tiếp tục phát triển.

**IV. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947**

**1. Thực dân Pháp tấn công căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc**

- Âm mưu của địch: + Pháp lúng túng trong chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh.

+ Chính trị: Thành lập chính phủ bù nhìn trung ương.

+ Quân sự: Mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc để tiêu diệt quân chủ lực của ta, phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, khoá chặt biên giới Việt - Trung.

**2. Quân dân ta chiến đấu bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc**

- Pháp tấn công lên Việt Bắc: Ngày 7 - 10 - 1947, Pháp cho quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, đồng thời cho hai cánh quân theo đường số 4 và sông Lô bao vây Việt Bắc.

- Khi vừa tiến công Việt Bắc, Đảng ta đã có chỉ thị "Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp”.

- Trên khắp các mặt trận, quân dân ta đã anh dũng chiến đấu, từng bước đẩy lùi cuộc tiến công của địch.

- Bẻ gãy hai gọng kìm của địch: Đường thủy ở Đoan Hùng (25 - 10 - 1947) và đường bộ ở đèo Bông Lau (30 - 10 - 1947). Ngày 19 - 12 - 1947, đại bộ phận Pháp rút khỏi Việt Bắc.

 Kết quả: - Sau hơn hai tháng, cuộc chiến đấu giữa ta và địch đã kết thúc bằng cuộc rút chạy của đại bộ phận quân Pháp khỏi Việt Bắc ngày 19 - 12 - 1947.

- Quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6000 địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến, ca nô, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

- Pháp tuy vẫn còn chiếm đóng một số vị trí trên đường số 3, số 4; nhưng không thực hiện được ý đồ "đánh nhanh, thắng nhanh”  Ý nghĩa: - Với chiến thắng Việt Bắc, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược chuyển sang giai đoạn mới.

- Buộc Pháp phải thay đổi chiến lược chiến tranh ở Đông Dương, từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh lâu dài".

**V. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện**

** Âm mưu mới của địch:**

- Sau thất bại ở Việt Bắc, chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch bị phá sản, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài.

- Chúng thực hiện chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" với nội dung chủ yếu: tăng cường hoạt động mị dân lôi kéo Bảo Đại để xúc tiến việc thành lập chính phủ bù nhìn trung ương. Phá hoại khối đoàn kết toàn dân (lập các xứ tự trị ở Đông Bắc, Tây Bắc, Hoà Bình, Tây Nguyên): tăng cường bình định nhằm giữ vững, củng cố vùng tạm chiến, tăng cường bắt binh lính xây dựng ngụy quân - Về phía ta: Thực hiện phương châm "đánh lâu dài" - Đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

+ Về quân sự: Ta chủ trương động viên nhân dân thực hiện vũ trang toàn dân, phát triển chiến tranh du kích.

+ Về chính trị, ngoại giao: Năm 1948, tại Nam Bộ tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

Tháng 6 - 1949, Việt Minh và Hội Liên Việt quyết định thống nhất hai tổ chức từ cơ sở đến trung ương.

Ngày 14 - 1 - 1950, Chính phủ nhiều nước chính thức đặt quan hệ ngoại giao với ta.

+ Về kinh tế: Ta chủ trương phá hoại kinh tế địch. Đẩy mạnh xây dựng và bảo vệ kinh tế dân chủ nhân dân.

+ Văn hoá giáo dục: Tháng 7 - 1950, Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông. Hướng dẫn giáo dục phục vụ nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.

**B. BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1950 – 1953)**

**I. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950**

**1. Hoàn cảnh lịch sử mới**

\* Về phía ta:

- Ngày 01 - 10 - 1949, cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời.

- Ngày 18 - 1 - 1950, Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và ngày 30 - 1 - 1950, Chính phủ Liên Xô lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

\* Về phía địch: - Ngày 13 - 5 - 1949, với sự đồng ý của Mĩ, Chính phủ Pháp đề ra kế hoạch Rơ-ve. Với kế hoạch Rơ- ve, Mĩ từng bước can thiệp sau và "dính líu" trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

- Kế hoạch Rơ-ve nhằm thực hiện âm mưu:

+ Khoá chặt biên giới Việt - Trung bằng cách lập hệ thống phòng thủ trên Đường số 4

+ Chuẩn bị kế hoạch có quy mô nhằm tiến công căn cứ địa Việt Bắc lần thứ hai.

2. Quân ta tiến công địch ở biên giới phía Bắc

\* Chủ trương, kế hoạch của ta: Tháng 6-1950, Trung ương Đảng và Chính phủ ta quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm ba mục đích: - Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.

- Khai thông biên giới để mở rộng đường liên lạc của ta đối với các nước xã hội chủ nghĩa.

- Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

\* Diễn biến chiến dịch: - Ngày 16 - 9 - 1950, quân ta mở cuộc tấn công Đông Khê, mở đầu chiến dịch. Ngày 18-9, quân ta tiêu diệt Đông Khê, uy hiếp Thất Khê, thị xã Cao Bằng bị cô lập, hệ thống phòng ngự của địch trên Đường số 4 bị lung lay.

- Địch buộc rút khỏi Cao Bằng, cho quân từ Thất Khê lên đón, yểm trợ cho cuộc rút lui.

- Ta đoán được ý định của địch nên bố trí quân mai phục chặn địch trên Đường số 4 làm cho hai cánh quân Cao Bằng và Thất Khê bị thiệt hại nặng, không liên lạc được với nhau.

- Ngày 22 - 10 - 1950, chiến dịch Biên giới kết thúc, quân Pháp phải rút lui khỏi Đường số 4

- Tại các chiến trường khác, quân ta hoạt động mạnh, buộc Pháp phải rút lui khỏi thị xã Hoà Bình, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh ở Bình - Trị - Thiên, Liên khu V và Nam Bộ.

\* Kết quả: - Giải phóng vùng biên giới Việt - Trung dài 750km từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân.

- Hành lang Đông - Tây bị chọc thủng ở Hoà Bình.

- Kế hoạch Rơ-ve của Pháp bị phá sản.

\* Ý nghĩa:

- Quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ) về tay ta. Lực lượng kháng chiến đã trưởng thành về mọi mặt.

- Với chiến thắng Biên giới, con đường nối nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa được khai thông.

**II. Âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp**

- Sau thất bại trong chiến dịch Biên giới, Pháp lâm vào thế bị động, càng suy yếu. So sánh lực lượng giữa ta và Pháp đã thay đổi có lợi cho ta. Nhưng không chịu thất bại, Pháp âm mưu đẩy mạnh chiến tranh, giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất, vì vậy phải dựa nhiều hơn vào Mĩ.

- Lợi dụng sự suy yếu của thực dân Pháp và để thực hiện âm mưu can thiệp sâu vào Đông Dương, đế quốc Mĩ tăng cường viện trợ cho Pháp đẩy mạnh chiến tranh, qua đó làm cho Pháp lệ thuộc vào mình, từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

- Sự cấu kết giữa Pháp và Mĩ gây thêm khó khăn cho cuộc kháng chiến của ta, "kế hoạch Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi" (tháng 12 - 1950) là kết quả của sự cấu kết đó, nhằm đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh xâm lược Đông Dương.

**III. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2 -1951)**

1. Hoàn cảnh Để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi, từ ngày 11 đến 19 - 2 - 1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Vinh Quang - Chiêm Hoá (Tuyên Quang).

2. Nội dung của Đại hội

- Thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày.

- Thảo luận và thông qua Báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" do đồng chí Trường Chinh trình bày.

- Thảo luận và quyết định nhiều chính sách cơ bản trên mọi lĩnh vực, củng cố chính quyền, xây dựng quân đội, củng cố mặt trận...

- Đổi tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam (hai nước Lào, Cam-pu-chia xây dựng đảng cách mạng riêng cho thích hợp...).

- Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng và Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

3. Ý nghĩa lịch sử của Đại hội - Đánh dấu bước trưởng thành của Đảng.

- Mối quan hệ Đảng – quần chúng được tăng cường.

- Thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi ngày càng to lớn.

**IV. Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt**

- Về chính trị: Sau Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng, tiến hành đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh - Liên Việt, thành Liên Việt (11 - 3 - 1951) để tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân. Ngày 1 - 5 - 1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất chọn được 7 anh hùng.

- Về kinh tế: Cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm được phát động từ năm 1952, phát triển mạnh, lôi cuốn mọi ngành mọi giới tham gia. Phong trào chống thiên tai, dịch hoạ để bảo vệ sản xuất cũng phát triển. Năm 1953, phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất.

- Văn hoá - giáo dục - y tế: Đến năm 1954, số học sinh các cấp đã tăng lên, đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng dịch, thực hiện đời sống mới.

**V. Giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường**

- Chủ trương và hành động của ta: giữ vững và phát triển thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính. Ở các chiến trường khác, phát triển chiến tranh du kích để phối hợp, làm thất bại âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt". Thực hiện chủ trương trên ta đã liên tiếp mở các chiến dịch: Trung du (Trần Hưng Đạo), từ 25 - 12 - 1950 đến 17 - 1 - 1951, Đường 18 (Hoàng Hoa Thám) từ 20 - 3 đến 7 - 4 -1951. Hà Nam Ninh (Quang Trung) từ 28 - 5 đến 20 - 6 - 1951.

- Các chiến trường phối hợp những hoạt động mạnh, chống âm mưu bình định của địch. Kết quả ta đã giải phóng thêm đất đai tiêu diệt và tiêu hao nhiều sinh lực địch.

- Năm 1952, ta mở chiến dịch đánh địch ở Tây Bắc.

- Đầu 1953, phối hợp với lực lượng kháng chiến Lào ta mở chiến dịch Thượng Lào.

Những thắng lợi về quân sự của ta liên tiếp sau thắng lợi Biên giới thu - đông 1950, chứng tỏ ta giữ vững quyền chủ động đánh địch trên các chiến trường.

**C. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC KẾT THÚC (1953 – 1954)**

**I. Kế hoạch Na-va của Pháp – Mĩ**

- Sau gần 8 năm tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp chỉ chuốc lấy những thất bại với những tổn thất lớn về lực lượng quân sự và tiêu hao lớn về tài chính.

- Đến năm 1953, quân Pháp bị loại khỏi vòng chiến đấu hơn 39000 tên và tiêu tốn trên 2000 tỉ phrăng. Vùng chiếm đóng của chúng bị thu hẹp. Trên chiến trường, quân Pháp ngày càng lâm vào thế bị động phòng ngự, thiếu hẳn lực lượng cơ động chiến lược mạnh để đối phó với các cuộc tấn công mới của ta, chúng gặp phải mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung. Tinh thần chiến đấu của quân đội Pháp ngày càng suy sụp, kinh tế, xã hội nước Pháp cũng gặp nhiều khó khăn.

- Để cứu vãn tình thế đó, ngày 7 - 5 - 1953, được sự giúp đỡ của Mĩ, Na-va vạch kế hoạch quân sự hi vọng kết thúc chiến tranh ở Đông Dương trong vòng 18 tháng.

- Kế hoạch của Na-va tiến hành theo hai bước: + Bước một: trong Thu - Đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự trên chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược để bình định miền Trung và miền Nam Đông Dương.

+ Bước hai: từ Thu - Đông 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, giành thắng lợi quân sự quyết định, "kết thúc chiến tranh".

**II. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954**

**1. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 – 1954**

- Phương hướng chiến lược của ta: quyết tâm giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận - chính diện và sau lưng địch. Giữ vững thế chủ động buộc địch phải phân tán lực lượng ở những điểm xung yếu.

- Phương châm: tích cực chủ động và linh hoạt, đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh cho kì thắng, không chắc chắn thì kiên quyết không đánh.

- Trong đông - xuân 1953 - 1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch ở hầu khắp chiến trường Đông Dương.

+ Ngày 10 - 12 - 1953, một bộ phận chủ lực ta tiến công thị xã Lai Châu, giải phóng toàn bộ Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ). Na-va phải tăng cường lực lượng lên Điện Biên Phủ. Ta biến Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân thứ hai của địch.

+ Đầu tháng 12 -1953, liên quân Lào - Việt mở cuộc tiến công địch ở Trung Lào giải phóng một phần thị xã Thà Khẹt; bao vây uy hiếp căn cứ Xê-nô. Xê-nô trở thành nơi tập trung quân thứ ba của địch.

+ Cuối tháng 1 - 1945, liên quân Lào - Việt tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu, toàn tỉnh Phong-Xalì. Biến Luông Pha-băng và Mường Sài thành nơi tập trung quân thứ tư của địch.

+ Đầu tháng 2 - 1954, quân ta tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên; bao vây, uy hiếp Plây Cu. Plây Cu trở thành nơi tập trung quân thứ năm của địch.

- Phối hợp với mặt trận chính khi quân chủ lực địch bị giam chân và phân tán nhiều nơi, tại các vùng sau lưng địch, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh Thắng lợi trong Đông - Xuân 1953 - 1954 đã làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va và chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho quân dân ta mở rộng tiến công quyết định Điện Biên Phủ.

**2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)**

a. Âm mưu của địch

- Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn nằm ở phía tây rừng núi Tây Bắc, gần biên giới với Lào có vị trí chiến lược then chốt ở Đông Dương và cả ở Đông Nam Á, nên Pháp cố nắm giữ.

- Na-va tập trung mọi cố gắng để xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương.

- Địch bố trí thành ba phân khu: phân khu Bắc gồm các cứ điểm Độc Lập, Bản Kéo; Phân khu Trung tâm ở ngay giữa Mường Thanh, nơi đặt cơ quan chỉ huy, có trận địa pháo, kho hậu cần, sân bay, tập trung 2/3 lực lượng; phân khu Nam có cứ điểm Hồng Cúm, trận địa pháo, sân bay. Tổng cộng cả ba phân khu có 49 cứ điểm.

b. Chủ trương của ta - Đầu tháng 12 - 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp thông qua Kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Mục tiêu của chiến dịch là tiêu diệt địch ở đây, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện cho Lào giải phóng Bắc Lào.

- Đầu tháng 3 - 1954, công tác chuẩn bị mọi mặt đã hoàn tất. Ngày 13 - 3 - 1954, quân ta nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

c. Diễn biến của chiến dịch: Được chia làm ba đợt: - Đợt 1, từ ngày 13 đến ngày 17 - 3 - 1954; quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 2000 địch.

- Đợt 2, từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954: quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông khu Trung tâm Mường Thanh như E 1 , D 1 , C 1 , A... Ta chiếm phần lớn các cứ điểm của địch tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt, khống chế địch. Sau đợt này, Mĩ khẩn cấp viện trợ cho Pháp và đe dọa ném bom nguyên tử Điện Biên Phủ; ta kịp thời khắc phục khó khăn về tiếp tế, nâng cao quyết tâm giành thắng lợi.

- Đợt 3, từ ngày 1 - 5 đến ngày 7 - 5 - 1945: quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam, lần lượt tiêu diệt các điểm đề kháng còn lại của địch. Chiều 7-5, quân ta đánh vào sở chỉ huy địch. 17 giờ 30 ngày 7 - 5 - 1954, tướng Đờ Caxtơri cùng toàn bộ Ban tham mưu bị bắt. Lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" của quân đội ta phất phới tung bay trên nóc hầm tướng Đờ Ca-xtơ-ri. Tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt.

- Các chiến trường toàn quốc đã phối hợp chặt chẽ nhằm phân tán, tiêu hao, kìm chân địch, tạo điều kiện cho Điện Biên Phủ giành thắng lợi d. Kết quả: - Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã toàn thắng. Quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 128 200 địch, thu 19000 súng các loại, phá 162 máy bay, 81 đại bác, giải phóng nhiều vùng rộng lớn trong cả nước.

- Riêng mặt trận Điện Biên Phủ, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16200 địch trong đó có 1 thiếu tướng, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

e. ý nghĩa: - Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va.

- Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

**III. Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương (1954)**

**1. Hoàn cảnh lịch sử**

- Đông - Xuân 1953 - 1954 khi kế hoạch Na-va sắp thất bại, Pháp buộc phải nhận lời đề nghị của Liên Xô, triệu tập hội nghị quốc tế ở Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) để bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Đông Dương.

- Ngày 8 - 5 - 1954, Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc và bắt đầu thảo luận về vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương.

- Ngày 21 - 7 -1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

**2. Nội dung cơ bản của Hiệp định**

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương.

- Hai bên tham chiến cùng ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

- Hai bên tham chiến thực hiện di chuyển, tập kết quân đội ở hai vùng, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự tạm thời.

- Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước sẽ tổ chức vào tháng 7 - 1956 dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế.

**3. Ý nghĩa của Hiệp định**

- Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương.

- Pháp buộc phải rút hết quân đội về nước, Mĩ thất bại trong âm mưu mở rộng và quốc tế hoá chiến tranh xâm lược Đông Dương.

- Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

**IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)**

**1. Ý nghĩa lịch sử**

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta.

- Bảo vệ được thành quả của Cách mạng tháng Tám.

- Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo cơ sở để nhân dân ta giải phóng miền Nam.

- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược và âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc.

- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là các nước ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh. Một dân tộc dù đất không rộng, người không đông nếu quyết tâm chiến đấu vì độc lập, tự do, có đường lối quân sự, chính trị đúng đắn, được sự ủng hộ của quốc tế, thì hoàn toàn có khả năng giành thắng lợi.

**2. Nguyên nhân thắng lợi**

- Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với đường lối đúng đắn: giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Được tiến hành trong điều kiện có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng vũ trang ba thứ quân, có hậu phương vững chắc.

- Có tinh thần đoàn kết giữa ba nước Đông Dương và sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc và Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 -1946) và Tạm ước (14 - 9 - 1946) với ta, thực dân Pháp bội ước như thế nào? Đảng ta đã có chủ trương gì để đối phó với Pháp?

\* Thực dân Pháp bội ước: Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước 14 - 9 - 1946, thực dân Pháp vẫn tìm cách phá hoại những điều đã cam kết:

- Tiến công các cơ sở cách mạng, vùng tự do, căn cứ địa của ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

- Ngày 20 - 10 - 1946, đánh chiếm một số vị trí quan trọng ở thành phố Hải Phòng, nổ súng vào quân ta ở thị xã Lạng Sơn.

- Tại Hà Nội, từ đầu tháng 12 - 1946, gây xung đột vũ trang, đốt nhà Thông tin ở phố Tràng Tiền, đánh chiếm cơ quan Bộ Tài chính, gây xung đột đổ máu ở cầu Long Biên, tàn sát nhiều đồng bào ta ở phố Hàng Bún.

- Ngày 18 - 2 - 1946, gửi hai tối hậu thư buộc ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng, nếu ta không chấp nhận thì ngày 20 - 12 - 1946, chúng sẽ hành động.

\* Chủ trương của Đảng ta:

- Trước âm mưu và hành động trắng trợn của Pháp, Đảng ta quyết định phát động nhân dân đứng lên chống Pháp để bảo vệ độc lập dân tộc và chính quyền vừa giành được.

- Cuộc họp Ban thường vụ Trung ương Đảng ngày 18 và 19 - 12 - 1946 ở Hà Đông đã quyến định phát động toàn quốc kháng chiến chống Pháp.

- Đêm 19 - 12 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

**Câu 2.** Hoàn cảnh lịch sử, nội dung của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

\* Hoàn cảnh lịch sử:

- Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 và Tạm ước 14 - 9 - 1946, ta thi hành nghiêm chỉnh những điều đã kí kết. Thực dân Pháp ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước bằng các hành động khiêu khích gây chiến tranh, nghiêm trọng nhất là ngày 18 - 12 - 1946, chúng gởi tối hậu thư liên tiếp hai lần buộc ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

- Nhân dân ta muốn hòa bình đã nhân nhượng với thực dân Pháp, nhưng do những hành động gây chiến của Pháp, chúng ta chỉ còn con đường cầm vũ khí đứng lên chiến đấu bảo vệ độc lập tự do. Ngày 19 - 12 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

\* Nội dung cơ bản của Lời kêu gọi kháng chiến: - Vạch rõ nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh là do thực dân Pháp. Cuộc kháng chiến của ta là chính nghĩa.

- Nhân dân ta quyết tâm chiến đấu để bảo vệ độc lập tự do.

- Tính chất, nội dung của cuộc kháng chiến chống Pháp là toàn dân, toàn diện.

- Khẳng định niềm tin tất thắng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

**Câu 3.** Đảng ta đã thực hiện đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp như thế nào? Vì sao ta thực hiện kháng chiến lâu dài?

\* Đường lối kháng chiến của Đảng ta là toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ của quốc tế.

- Kháng chiến toàn dân: toàn dân tham gia chiến đấu, chủ yếu là lực lượng vũ trang của ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và quân du kích).

- Kháng chiến toàn diện: diễn ra trên các mặt trận (quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa, ngoại giao) nhưng chủ yếu và quyết định là trên mặt trận quân sự.

- Kháng chiến trường kì: kháng chiến lâu dài, vừa đánh giặc vừa xây dựng phát triển lực lượng.

- Tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế: Dựa vào sức người, sức của của chúng ta, không trông chờ ỷ lại vào bên ngoài, nhưng tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

\* Vì sao ta thực hiện kháng chiến lâu dài: - Địch thực hiện âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh. Để phá sản âm mưu đó, ta phải đánh lâu dài.

- So sánh lực lượng giữa ta và địch lúc đầu chênh lệch: địch mạnh hơn ta cả về quân sự lẫn kinh tế.

- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta là cuộc chuyển hóa lực lượng làm cho địch yếu dần, ta càng đánh càng mạnh.

**Câu 4.** Mục đích tổ chức chiến đấu ở các đô thị của ta là gì? Cuộc chiến đấu ở Hà Nội đã diễn ra như thế nào ?

\* Mục đích chiến đấu ở các đô thị: - Tiêu hao sinh lực địch - Giam chân địch trong thành Phố.

- Đảm bảo cho cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ rút về căn cứ cách mạng an toàn.

\* Cuộc chiến đấu ở Hà Nội: Hà Nội là nơi mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc. Sau gần hai tháng (từ 19 - 12 - 1946 đến 17 - 2 - 1947) chiến đấu quyết liệt giữa ta và địch ở các khu trung tâm và các phố chính, quân dân Hà Nội đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh; giam chân địch ở thành phố để hậu phương có điều kiện huy động lực lượng kháng chiến, di chuyển kho tàng, công xưởng về chiến khu, bảo vệ an toàn cho Trung ương Đảng, Chính phủ trở lại căn cứ địa Việt Bắc, lãnh đạo kháng chiến lâu dài.

**Câu 5.** Thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc như thế nào? Và chúng đã bị thất bại ra sao?

\* Thực dân Pháp tấn công Việt Bắc: Thực dân Pháp huy động 12000 quân, hầu hết máy bay có ở Đông Dương, chia thành ba cánh mở cuộc tiến công Việt Bắc.

- Ngày 7 - 10 - 1947. Chúng cho quân nhảy dù xuống chiếm Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn.

- Cùng ngày 7 - 10, quân bộ từ Lạng Sơn theo Đường số 4 đánh lên Cao Bằng, rồi một bộ phận theo đường số 3 đánh xuống Bắc Cạn, tạo thành gọng kìm bao vây phía đông và phía bắc căn cứ địa Việt Bắc.

- Ngày 9 - 10 - 1947, binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy đánh ngược sông Hồng, sông Lô, sông Gâm lên thị xã Tuyên Quang, Chiêm Hóa, Đài Chị - Tuyên Quang, bao vây phía tây căn cứ địa Việt Bắc.

\* Chúng đã bị thất bại: - Trước sự tấn công của quân Pháp trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947, ngay từ đầu, quân dân ta đã anh dũng chiến đấu, chủ động phản công địch trên khắp các mặt trận, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bẻ gãy từng mũi tiến quân của chúng.

- Tại Bắc Cạn, nơi địch cho quân nhảy dù chiếm đóng, quân dân ta vừa tiến hành bao vây, chia cắt, cô lập chúng, vừa bí mật khẩn trương di chuyển các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, các công xưởng, kho tàng từ nơi địch uy hiếp, chiếm đóng đến nơi an toàn.

- Phối hợp chiến đấu ở Việt Bắc, trên các chiến trường toàn quốc, quân dân ta đã hoạt động mạnh, góp phần kiềm chế quân địch.

Sau 75 ngày đêm liên tục chiến đấu, chiến dịch đã kết thúc với sự rút chạy của đại bộ phận quân Pháp khỏi Việt Bắc - nơi đây đã trở thành "mồ chôn giặc Pháp". Âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp bị thất bại. Cơ quan đầu não kháng chiến được an toàn. Trong chiến đấu, bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành.

**Câu 6.** Thực dân Pháp đã có những đối sách gì sau chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947? Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của ta được đẩy mạnh như thế nào ?

\* Đối sách của Pháp:

- Thất bại trong việc thực hiện âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" ở Việt Bắc, Pháp buộc phải chuyển hướng chiến lược sang đánh lâu dài, tăng cường thực hiện chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" nhằm chống lại cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện của ta.

- Biện pháp chủ yếu của chúng là củng cố và phát triển lực lượng ngụy quân, các vùng chiếm đóng; rải quân, đóng đồn bốt ở nhiều nơi, tiến hành nhiều cuộc hành quân càn quét, bắt người, cướp của phục vụ cho chiến tranh.

\* Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của ta: Thực hiện phương châm chiến lược "đánh lâu dài" phá âm mưu mới của địch, Đảng và Chính phủ ta chủ trương tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân, tăng cường lực lượng vũ trang nhân dân, đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

- Về quân sự: thực hiện vũ trang toàn dân, phát triển chiến tranh du kích.

- Về chính trị - ngoại giao : Thống nhất Mặt trận Việt Minh với Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt. Đầu năm 1949, tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến - hành chính các cấp.

Ngày 14 - 1 - 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với bất cứ nước nào tôn trọng độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Từ đó (1 - 1950) Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Về kinh tế: ra sức phá hoại kinh tế địch, đẩy mạnh xây dựng và bảo vệ nền kinh tế dân chủ có khả năng tự cấp, tự túc.

- Về văn hóa, giáo dục: tháng 7 - 1950, thực hiện cải cách giáo dục, thay hệ thống giáo dục 12 năm bằng hệ thống giáo dục 9 năm.

**Câu 7.** Bước vào thu - đông 1950, tình hình thế giới và Đông Dương đã ảnh hưởng đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta như thế nào? Sau chiến thắng Việt Bắc, nhất là sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Trung Quốc (1-10 -1949), nước ta được Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ công nhận và đặt quan hệ ngoại giao, điều này tạo điều kiện cho cách mạng nước ta thoát khỏi thế bao vây, đã nối liền cách mạng nước ta với cách mạng Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ khác.

- Đối với Pháp và Mĩ, đây là mối lo sợ nhất từ khi Trung Quốc và các nước đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam buộc Pháp phải dựa nhiều hơn vào Mĩ, Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

**Câu 8.** Vì sao trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, ta chọn Đông Khê mở màn cho chiến dịch? Diễn biến của trận đánh đó?

\* Nguyên nhân:

- Đông Khê là vị trí chiến lược quan trọng trên đường số 4

- Đánh Đông Khê nhằm cắt đứt hệ thống phòng ngự của địch ra làm đôi.

\* Diễn biến của trận đánh: - Mờ sáng ngày 16 - 9 - 1950, quân ta nổ súng tấn công vào cứ điểm ở Đông Khê, mở màn cho chiến dịch.

- Sau 54 giờ chiến đấu, sáng ngày 18 - 9, bộ đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê, đẩy quân địch vào thế nguy khốn: Thất Khê bị uy hiếp, thị xã Cao Bằng bị cô lập; thế phòng thủ đường số 4 bị lung lay.

- Đến ngày 20 - 10 -1950, địch phải rút khỏi các vị trí phòng ngự trên đường số 4.

**Câu 9.** So sánh chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, theo các tiêu chí sau: Tiêu chí so sánh Chiến dịch Việt Bắc Chiến dịch Biên giới 1) Chủ động tấn công địch …………..…………………… …………… …………..…………………… …………… 2) Quân địch bị loại khỏi vùng chiến …………..…………………… …………… …………..…………………… …………… 3) Giải phóng đất đai …………..………..……… ..…………………… ……………………………… …………..…………………… …………… 4) Ý nghĩa quan trọng nhất của thắng lợi …………..………..……… ..…………………… ……………………………… …………..………..……… ..…………………… ………… …………………… - Tiêu chí so sánh Chiến dịch Việt Bắc Chiến dịch Biên giới 1) Chủ động tấn công địch Ta đánh bại cuộc tấn công lên Việt Bắc của địch.

- Ta chủ động tiến công địch.

2) Quân địch bị loại khỏi vùng chiến 6000 tên địch. - 8.300 địch ở biên giới Việt - Trung.

- 12.000 địch trong cả nước.

3) Giải phóng đất đai Ta bảo vệ được Việt Bắc. Giải phóng biên giới Việt - Trung dài 750km.

4) Ý nghĩa quan trọng nhất của thắng lợi - Bảo vệ được Việt Bắc, căn cứ đầu não của kháng chiến.

- Làm phá sản âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của địch.

- Khai thông biên giới Việt - Trung.

- Giành thế chủ động về chiến lược trên chiến trường chính.

**Câu 10.** Lập bảng thống kê những thắng lợi quan trọng của quân dân ta từ tháng 12 năm 1946 đến chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 theo yêu cầu sau: Thời gian Những thắng lợi Ý nghĩa ……..………………….. …………...………………….. …………...…………………..

…………..

………………….. …………………..

……..………………….. …………...………………….. …………...…………………..

…………..

………………….. …………………..

……..………………….. …………...………………….. …………...…………………..

…………..

………………….. …………………..

Thời gian Những thắng lợi Ý nghĩa 1) Từ 19 -12 -1946 đến 2 -1947 Cuộc chiến đấu ở thủ đô Hà Nội và các đô thị khác từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc.

- Tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố.

- Bảo đảm cho cơ quan đầu não kháng chiến của Đảng và Chính phủ rút về Việt Bắc an toàn.

- Đánh bại âm mưu "đánh úp " của địch.

- Chặn đứng âm mưu mở rộng chiến tranh của địch, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

2) Từ 7-10-1947 đến 19 - 12 -1947 Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.

- Đánh bại cuộc hành quân của 12 000 tên địch tấn công lên Việt Bắc.

- Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6 000 tên địch, bắn rơi 16 máy bay.

- Bảo vệ được căn cứ địa Việt Bắc.

- Làm thất bại âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

- Khẳng định sự đúng đắn của đường lối kháng chiến lâu dài của Đảng ta.

- Đưa cuộc kháng chiến tiến lên một bước phát triển mới.

3) Từ 16-9 đến 22-12-1950 Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

- Ta chủ động mở chiến dịch nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

- Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8 000 tên địch, giải phóng hơn 7500 km đường biên giới Việt - Trung và chọc thủng hành lang Đông - Tây.

- Con đường nối nước ta với các nước XHCN được khai thông.

- Quân đội ta đã trưởng thành, giành được thế chủ động trên trường chính (Bắc Đông Dương).

- Mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

**Câu 11**. Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II. Nêu những quyết định mới của Đại hội so với thời kì trước.

\* Nội dung của Đại hội:

- Thảo luận và thông qua Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày.

- Thảo luận và thông qua Báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" do đồng chí Trường Chinh trình bày.

- Thảo luận và quyết định nhiều chính sách cơ bản trên mọi lĩnh vực, củng cố chính quyền, xây dựng quân đội, củng cố mặt trận...

- Đổi tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam (hai nước Lào, Cam -pu-chia xây dựng đảng cách mạng riêng cho thích hợp...).

- Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng và Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

\* Ý nghĩa: - Đánh dấu bước trưởng thành của Đảng.

- Mối quan hệ Đảng - quần chúng được tăng cường.

- Thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi ngày càng to lớn.

\* Quyết định mới của Đại hội: - Đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.

- Đưa Đảng ra hoạt động công khai.

- Mỗi nước ở Đông Dương phải có một đảng riêng của mình.

**Câu 12.** Công tác hậu phương trong kháng chiến chống Pháp từ năm 1951 đến năm 1953 được quan tâm xây dựng như thế nào? Tác dụng của hậu phương đối với cuộc kháng chiến?

\* Công tác xây dựng hậu phương :

- Về chính trị: Sau Đại hội toàn quốc lần thứ hai của Đảng, tiến hành đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh - Liên Việt, thành Liên Việt (11 - 3 - 1951) để tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân. Ngày 1 - 5 - 1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất chọn được 7 anh hùng.

- Về kinh tế: Cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm được phát động từ năm 1952, phát triển mạnh, lôi cuốn mọi ngành mọi giới tham gia. Phong trào chống thiên tai, dịch hoạ để bảo vệ sản xuất cũng phát triển. Năm 1953, phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất.

- Văn hoá - giáo dục - y tế: Đến năm 1954, số học sinh các cấp đã tăng lên, đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng dịch, thực hiện đời sống mới.

\* Tác dụng của hậu phương - Cung cấp đầy đủ, kịp thời sức người và sức của để đảm bảo cho cuộc kháng chiến giành thắng lợi cuối cùng.

Hậu phương là nhân tố thường xuyên quyết định đến thắng lợi của chiến trường trực tiếp góp phần vào thắng lợi trên mặt trận quân sự trong những năm 1951 - 1953; Chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

- Đáp ứng nhu cầu bức thiết của cuộc kháng chiến, đẩy mạnh sự nghiệp quốc phòng, tạo tiền đề (chính quyền, cơ sở kinh tế, văn hóa xã hội) để tiến lên chủ nghĩa xã hội sau này.

**Câu 13.** Tình hình chiến sự ở Việt Nam sau tám năm thực dân Pháp trở lại xâm lược diễn ra như thế nào?

\* Về phía Pháp:

- Sau gần 8 năm tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp chỉ chuốc lấy những thất bại với những tổn thất lớn về lực lượng quân sự và tiêu hao lớn về tài chính.

- Đến năm 1953, quân Pháp bị loại khỏi vòng chiến đấu hơn 39000 tên và tiêu tốn trên 2000 tỉ phrăng.

Vùng chiếm đóng của chúng bị thu hẹp. Trên chiến trường, quân Pháp ngày càng lâm vào thế bị động phòng ngự, thiếu hẳn lực lượng cơ động chiến lược mạnh để đối phó với các cuộc tấn công mới của ta, chúng gặp phải mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung. Tinh thần chiến đấu của quân đội Pháp ngày càng suy sụp, kinh tế, xã hội nước Pháp cũng gặp nhiều khó khăn.

\* Về phía ta: - Trải qua tám năm kháng chiến và kiến quốc, lực lượng kháng chiến của nhân dân ta lớn mạnh đáng kể. Ta liên tiếp giành và giữ thế chủ động trên chiến trường chính - Bắc Bộ. Hậu phương của ta ngày càng vững mạnh. Bộ đội ta ngày càng trưởng thành.

- Các lực lượng hòa bình, dân chủ tiến bộ ngày càng ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.

**Câu 14.** Nội dung cơ bản của kế hoạch Na-va là gì? Để thực hiện kế hoạch Na-va thực dân Pháp đã chuẩn bị như thế nào?

\* Nội dung cơ bản: Kế hoạch Na-va được thực hiện theo hai bước: - Bước một: Trong thu-đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược trên chiến trường miền Bắc, tránh giao chiến với quân chủ lực của ta, thực hiện tiến công chiến lược để "bình định" miền Trung và miền Nam Đông Dương.

- Bước hai: Từ thu-đông năm 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện chiến công chiến lược, giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng và "kết thúc chiến tranh" trong danh dự.

Đây là kế hoạch chiến lược có quy mô rộng lớn, thể hiện sự cố gắng lớn nhất và cuối cùng của thực dân Pháp, có sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn của Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

\* Để thực hiện kế hoạch Na-va: Để thực hiện kế hoạch Na-va thực dân Pháp đã tăng thêm ở Đông Dương 12 tiểu đoàn bộ binh (rút từ Pháp, Bắc Phi, Hàn Quốc sang), đồng thời xin Mĩ tăng thêm viện trợ quân sự (gấp hai lần so với trước, chiếm tới 73% chi phí chiến tranh ở Đông Dương); tập trung ở Đồng bằng Bắc Bộ một lực lượng cơ động mạnh gồm 44 tiểu đoàn (trong tổng số 84 tiểu đoàn trên toàn Đông Dương), tăng cường ngụy quân, tiến hành nhiều cuộc càn quét, bình định vùng chiếm đóng, mở rộng hoạt động thổ phỉ biệt kích ở vùng rừng núi biên giới... nhằm phá kế hoạch tiến công của ta.

**Câu 15.** Trước âm mưu và hành động của Pháp, ta có chủ trương và kế hoạch gì?

Trước những thay đổi trong cục diện chiến tranh ở Đông Dương và trên cơ sở nhận định âm mưu mới của Pháp - Mĩ trong kế hoạch Na-va, tháng 9 - 1953, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và đề ra kế hoạch tác chiến Đông -Xuân.

- Những năm 1953 - 1954 với quyết tâm giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận - chính diện và sau lưng địch, phối hợp hoạt động trên phạm vi cả nước và toàn Đông Dương.

- Phương hướng chiến lược của ta là "Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, tạo cho ta những điều kiện thuận lợi để tiêu diệt thêm sinh lực của chúng".

- Phương châm chiến lược của ta là "tịch cực, chủ động, cơ động, linh hoạt"; "đánh ăn chắc", "đánh chắc thắng".

Câu 16. Kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản như thế nào? - Đông Xuân 1953 - 1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch trên nhiều hướng, ở hầu khắp các chiến trường Đông Dương - Đầu tháng 12 - 1953 , bộ đội chủ lực của ta ở Tây Bắc bao vây Điện Biên Phủ và giải phóng Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ). Na-va phải điều 6 tiểu đoàn ở Đồng bằng Bắc Bộ lên tăng cường cho Điện Biên Phủ, biến nơi đây thành điểm tập trung quân thứ hai của địch.

- Cũng đầu tháng 12 - 1953, liên quân Việt - Lào tiến công địch ở Trung Lào, giải phóng tỉnh Thà Khẹt, bao vây, uy hiếp Sê-nô, Na-va phải điều quân tăng cường cho Sê-nô – điểm tập trung quân thứ ba của địch.

- Đầu tháng 2 - 1954, quân ta tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên giải phóng tỉnh Kon Tum, uy hiếp Plây Cu, Na-va lại phải điều quân tăng cường cho Plây Cu – điểm tập trung quân thứ tư của địch.

- Cuối tháng 1 - 1954, quân ta phối hợp với bộ đội, Pa-thét Lào tiến công địch ở Thượng Lào giải phóng tỉnh Phong-sa-lì. Lo sợ Luông Pha-băng bị uy hiếp, Na-va vội vã điều quân tăng cường cho Luông Pha-băng – điểm tập trung quân thứ năm của địch.

Như vậy, các cuộc tiến công quân sự của ta đã tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một số vùng đất đai, buộc địch phải phân tán khối quân cơ động chiến lược ở Đồng bằng Bắc Bộ, làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va.

**Câu 17.** Vì sao thực dân Pháp chọn Điện Biên Phủ để xây dựng thành tập đoàn cứ điểm quân sự mạnh nhất Đông Dương? Chúng đã làm gì để xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương? \* Vì sao: Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn ở phía tây vùng rừng núi Tây Bắc, có lòng chảo Mường Thanh dài gần 20 km, rộng từ 6-8 km; cách Hà Nội khoảng 300 km, cách Luông Pha-băng khoảng 20 km đường chim bay. Thung lũng này nằm gần biên giới Việt- Lào, trên một đầu mối giao thông quan trọng.

- Bước vào Đông - Xuân 1953 - 1954, khi bắt đầu triển khai kế hoạch Na-va, phát hiện hướng tấn công chủ yếu của quân ta lên Tây Bắc Việt Nam và Thượng Lào, thực dân Pháp đã điều số lượng lớn quân đội lên hướng đó với quyết tâm chiếm bằng được Điện Biên Phủ. Theo đánh giá của Na -va và nhiều nhà quân sự Pháp - Mĩ, Điện Biên Phủ là "một vị trí chiến lược quan trọng chẳng những đối với chiến trường Đông Dương mà còn với Đông Nam Á"; nó được ví như "cái chìa khoá" bảo vệ Thượng Lào, từ đó có thể đánh chiếm lại vùng Tây Bắc và tiêu diệt quân chủ lực của ta ở đây \* Chúng đã làm gì: Được Mĩ giúp sức, Pháp đã xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh chưa từng có ở Đông Dương với 49 cứ điểm, được chia thành ba phân khu: - Phân khu trung tâm có Sở chỉ huy và sân bay Mường Thanh.

- Phân khu Bắc có cứ điểm Độc Lập, Bản Kéo và Him Lam.

- Phân khu Nam có trận địa pháo và sân bay Hồng Cúm.

Mỗi cụm cứ điểm là một hệ thống hoả lực nhiều tầng, có chiến hào ngang dọc, có hàng rào dây thép gai, bãi mìn dày đặc với lưới dây điện sát mặt đất. Một số cứ điểm có cả hầm ngầm cố thủ. Lực lượng địch ở đây lúc cao nhất lên tới 16 200 tên. Chúng coi Điện Biên Phủ là "pháo đài bất khả xâm phạm" và chấp nhận cuộc chiến đấu với ta tại Điện Biên Phủ.

**Câu 18.** Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn như thế nào?

- Những thắng lợi của ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954 đã làm cho kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản, tức là Na-va không thể tập trung lực lượng ở Đồng bằng Bắc Bộ mà phải phân tán lực lượng để đối phó với ta ở những vị trí xung yếu.

- Sau đó, Na-va cho tập trung lực lượng ở Điện Biên Phủ, xây dựng Điện Biên Phủ thành hệ thống phòng ngự kiên cố, và chính Na-va cũng như các tướng tá của Pháp, Mĩ đều chủ quan cho rằng, Điện Biên Phủ là "một pháo đài không không thể công phá".

- Trước tình hình đó, Đảng ta chủ trương: phải đánh địch ở Điện Biên Phủ. Đầu tháng 12 - 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

- Đầu tháng 3 - 1954, công tác chuẩn bị mọi mặt đã hoàn tất. Ngày 13 - 3 - 1954, quân ta nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

- Cuộc tấn công Điện Biên Phủ của quân ta trải qua ba đợt: + Đợt 1, từ ngày 13 đến ngày 17 - 3 - 1954: quân ta tiến công tiêu diệt các cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 2000 tên địch.

+ Đợt 2, từ ngày 30 - 3 đến ngày 26 - 4 - 1954: quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông khu Trung tâm Mường Thanh như E 1 , D 1 , C 1 , A 1 ... Ta chiếm phần lớn các cứ điểm của địch tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt, không chế địch. Sau đợt này, Mĩ khẩn cấp viện trợ cho Pháp và đe dọa ném bom nguyên tử Điện Biên Phủ; ta kịp thời khắc phục khó khăn về tiếp tế nâng cao quyết tâm giành thắng lợi.

+ Đợt 3, từ ngày 1 - 5 đến ngày 7 - 5 - 1945: quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Nam, lần lượt tiêu diệt các điểm đề kháng còn lại của địch. Chiều 7-5, quân ta đánh vào Sở chi huy địch. 17 giờ 30 ngày 7 - 5 - 1954, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Ban tham mưu bị bắt.

Lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" của quân ta phất phới tung bay trên nóc hầm tướng Đờ Ca-xtơ-ri. Tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt.

- Các chiến trường toàn quốc đã phối hợp chặt chẽ nhằm phân tán, tiêu hao, kìm chân địch, tạo điều kiện cho Điện Biên Phủ giành thắng lợi - Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va.

**Câu 19.** Hội nghị Giơ-ne-vơ diễn ra trong hoàn cảnh nào? Nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne- vơ bao gồm những vấn đề gì?

\* Hoàn cảnh: - Bước vào Đông - Xuân 1953-1954, đồng thời với cuộc tiến công địch trên mặt trận quân sự, ta mở cuộc tấn công chúng trên mặt trận ngoại giao.

- Thiện chí hòa bình của nhân dân ta được thể hiện rõ qua lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "...nếu Chính phủ Pháp...muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó". Tuyên bố của Hồ Chí Minh mở ra khả năng giải quyết bằng con đường hòa bình cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Chủ trương mở mặt trận ngoại giao của ta được đưa ra giữa lúc thực dân Pháp đang đẩy mạnh việc thực hiện kế hoạch Na-va, nhân dân Pháp đấu tranh đòi giải quyết bằng thương lượng cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

- Tháng 1-1954, Hội nghị ngoại trưởng bốn nước (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp) họp tại Béc-lin đã thỏa thuận về việc triệu tập một hội nghị quốc tế ở Giơ-ne-vơ để giải quyết vấn đề Triều Tiên và lập lại hòa bình ở Đông Dương từ ngày 8-5-1954

\* Nội dung cơ bản của Hiệp định:

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

- Hai bên tham chiến (lực lượng kháng chiến ở Đông Dương và quân xâm lược Pháp) cùng ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

- Thực hiện cuộc di chuyển, tập kết quân đội ở hai vùng: Quân đội Cách mạng Việt Nam và quân đội Pháp tập kết ở hai miền Bắc và Nam, lấy vĩ tuyến 17 Quảng Trị làm ranh giới quân sự tạm thời.

- Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, tổ chức vào tháng 7 - 1956 dưới sự kiểm soát của Ủy ban Quốc tế.

**Câu 20.** Tại sao lại khẳng định chiến thắng Điện Biên Phủ đã quyết định việc chấm dứt chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương? - Pháp, Mĩ đưa ra "Kế hoạch Na-va" nhằm xoay chuyển cục diện chiến tranh, trong vòng 18 tháng giành thắng lợi quyết định "kết cục chiến tranh". Để thực hiện kế hoạch Na-va, Mĩ đã tăng thêm viện trợ cho Pháp, Pháp tăng thêm 12 tiểu đoàn, tập trung ở đồng bằng 44 tiểu đoàn (trong tổng số 84 tiểu đoàn ở Đông Dương), thúc ngụy quân bắt thêm lính.

- Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953 - 1954 của ta đã buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Điểm then chốt của kế hoạch Na-va là tập trung quân cơ động chiến lược, nhưng khối quân cơ động mà địch tập trung ở Đồng bằng Bắc Bộ đã buộc phải phân tán để đối phó với các cuộc tiến công của ta, có nghĩa là kế hoạch Na-va đã bước đầu bị phá sản.

- Trong tình thế kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản, Pháp, Mĩ tập trung xây dựng Điện Biên Phủ thành "Pháo đài bất khả xâm phạm", chấp nhận cuộc quyết chiến với ta ở đây.

- Ta quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện cho Lào giải phóng Bắc Lào. Sau 56 ngày đêm chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.

- Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan kế hoạch Na-va và ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi.

- Chiến thắng Điện Biên Phủ đã góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, tác động mạnh đến tình hình thế giới, làm "chấn động địa cầu", cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.

- Chiến thắng Điện Biên Phủ góp phần quyết định việc kí Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Các nước tham dự Hội nghị buộc phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước đông Dương, Pháp buộc phải rút quân trở về nước, Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hóa chiến tranh xâm lược Đông Dương, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Chuyên đề 6: VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975**

**A. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1965).**

**I. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương**

- Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương được kí kết, đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia của thực dân Pháp có đế quốc Mĩ giúp sức.

- Về phía ta: thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về ngừng bắn, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực, tiến tới tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất đất nước.

+ Ngày 10 - 10 - 1954, quân ta tiến vào tiếp quản Hà Nội trong không khí tưng bừng của ngày hội giải phóng.

+ Ngày 1 - 1 - 1955, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Thủ đô.

+ Ngày 16 - 5 - 1955, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.

- Về phía Pháp: thực dân Pháp chỉ thực hiện điều khoản ngừng bắn, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực - tức rút hết quân khỏi miền Bắc - sau thời hạn quy định 300 ngày (đến 22 - 5 - 1955) và sau đó rút hết quân khỏi miền Nam sau thời hạn quy định 2 năm (đến 5 -1956). Nhưng Pháp không thực hiện các điều khoản còn lại, trong đó có việc tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử hai miền Nam - Bắc Việt Nam.

- Về phía Mĩ: ngay sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 được kí kết, Mĩ thay Pháp dựng chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ.

**II. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954 - 1960)**

**1. Hoàn thành cải cách ruộng đất**

- Trong hơn 2 năm (1954 - 1956), miền Bắc tiến hành liên tiếp 4 đợt cải cách ruộng đất. Tính chung toàn bộ 5 đợt (kể cả đợt 1 trong kháng chiến), cách mạng đã lấy từ địa chủ hơn 81 vạn hecta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 2 triệu nông cụ đem chia cho nông dân nghèo, thực hiện triệt để khẩu hiệu "người cày có ruộng".

- Trong cải cách ruộng đất, chúng ta phạm một số sai lầm, sai lầm đó được Đảng, Chính phủ phát hiện và kịp thời sửa chữa. Công tác sửa sai được tiến hành trong cả năm 1957.

**2. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh**

- Nông nghiệp:

+ Khai phá ruộng hoang, sửa chữa hệ thống đê điều, sắm nông cụ...

+ Cuối năm 1957, sản lượng lương thực đạt mức trước chiến tranh.

- Công nghiệp: Khôi phục các nhà máy, xí nghiệp, xây dựng thêm một số nhà máy, xí nghiệp mới.

- Thủ công nghiệp: Có nhiều mặt hàng tiêu dùng được sản xuất.

- Thương nghiệp: + Mở nhiều cửa hàng mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán để cung cấp hàng hoá cho nhân dân, giao lưu hàng hoá giữa các địa phương.

+ Miền Bắc có quan hệ buôn bán với 27 nước.

- Giao thông vận tải: Sửa chữa xây dựng mới gần 700km đường sắt, hàng nghìn km đường bộ...

**3. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế- văn hoá (1958-1960)**

a. Cải tạo xã hội chủ nghĩa: - Trong 3 năm (1958-1960), Đảng và Chính phủ đề ra chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh, khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.

- Kết quả cải tạo là xoá bỏ chế độ người bóc lột người, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là trong điều kiện chiến tranh.

b.Phát triển kinh tế và văn hóa: - Trong phát triển kinh tế, trọng tâm là kinh tế quốc doanh, miền Bắc đạt được một số thành tựu đáng kể. Từ 97 xí nghiệp trong năm 1957, đến năm 1960 đã có 172 xí nghiệp do trung ương quản lí và trên 500 xí nghiệp do địa phương quản lí.

- Những tiến bộ về mặt kinh tế đã tạo điều kiện cho sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế phát triển. Hệ thống giáo dục phổ thông được hoàn chỉnh và mở rộng với số học sinh năm 1960 tăng 80% (so với năm 1957). Cơ sở y tế năm 1960 tăng hơn 11 lần so với năm 1955. Đời sống văn hoá, trình độ hiểu biết của các tầng lớp nhân dân được nâng lên.

**III. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới "Đồng khởi" (1954 - 1960)**

**1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 - 1959)**

- Tháng 8 -1954, "phong trào hoà bình" ỏ Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Tháng 11 - 1954, Mĩ - Diệm tiến hành khủng bố đàn áp, nhưng phong trào vẫn tiếp tục dâng cao, lan rộng ra các thành phố Huế, Đà Nẵng...và các vùng nông thôn. Phong trào lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, dân tộc ít người.

- Từ 1958 - 1959: mục tiêu thay đổi từ chính trị hoà bình chuyển sang dùng bạo lực.

**2. Phong trào "Đồng khởi" (1959 -1960)**

a. Nguyên nhân bùng nổ:

- Trong những năm 1957 - 1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn. Ngô Đình Diệm đề ra Luật 10/59 (tháng 5 - 1959) thẳng tay giết hại bất cứ người yêu nước nào hoặc bất cứ ai có biểu hiện chống lại chúng, làm cho hàng vạn cán bộ, đảng viên bị giết hại, hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đày. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam đòi hỏi có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách.

- Tháng 1 - 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm, và nhấn mạnh: ngoài con đường bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác.

- Được Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng, phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương lan rộng khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.

b. Diễn biến: - Có Nghị quyết của Đảng soi sáng, phong trào nổi dậy của quần chúng từ lẻ tẻ ở từng địa phương như: Cuộc nổi dậy Bắc Ái (2 - 1959), Trà Bồng (8 -1959) ở Quảng Ngãi đã lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng bằng cuộc "Đồng khởi" với cuộc nổi dậy tiêu biểu ở Bến Tre (17-1 - 1960).

- Từ Bến Tre, phong trào "Đồng khởi" như nước vỡ bờ lan khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở miền Trung Trung Bộ.

c. Kết quả và ý nghĩa: - Ta đã làm chủ được 600 xã ở Nam Bộ, 900 thôn ở Trung Trung Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.

- Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" dẫn đến sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20 - 12 - 1960.

- Chấm dứt thời kì ổn định tạm thời chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.

**IV. Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961 - 1965)**

**1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960)**

- Từ ngày 5 đến 12 - 9 - 1960: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Hà Nội.

- Đại hội xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng từng miền: miền Bắc: cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

- Mục tiêu, nhiệm vụ chung của cách mạng hai miền là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hoà bình thống nhất đất nước và mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.

- Đối với miền Bắc, Đại hội đề ra đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong thời kì quá độ; Xác định phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch 5 năm (1961 - 1955) 2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965) - Từ năm 1961 - 1965: kế hoạch 5 năm lần thứ nhất nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật cho xã hội chủ nghĩa.

+ Công nghiệp nặng: xây dựng khu gang thép Thái Nguyên, nhà máy nhiệt điện Uông Bí, thuỷ điện Thác Bà...

+ Công nghiệp nhẹ: khu công nghiệp Việt Trì, Dệt 8-3, khu công nghiệp Thượng Đình (Hà Nội).

+ Nông nghiệp: xây dựng nông trường, lâm trường, công trình thuỷ lợi, áp dụng khoa học - kĩ thuật, năng suất nông nghiệp cao.

+ Thương nghiệp quốc doanh được nhà nước ưu tiên phát triển.

+ Giao thông vận tải: đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển phát triển.

+ Văn hoá giáo dục, y tế phát triển.

\* Về giáo dục: 1960 - 1961 đến 1964 - 1965, số học sinh phổ thông tăng từ 1,9 triệu lên 2,7 triệu, số sinh viên đại học tăng từ 17.000 lên 27.000 \* Y tế: ngành y tế mở rộng mạng lưới đến tận huyện, xã.

+ Miền Bắc làm nghĩa vụ hậu phương cho miền Nam vận chuyển một khối lượng lớn đạn dược, vũ khí, thuốc men vào chiến trường.

+ Tháng 3 - 1964: Hội nghị Chính trị đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy. Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới".

+ Ngày 7 - 2 -1965: Mĩ chính thức gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, miền Bắc phải chuyển hướng.

Xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với điều kiện thời chiến.

V.Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ (1961 - 1965) 1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam - Sau thất bại trong phong trào "Đồng Khởi" (1959 - 1960), Mĩ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Từ năm 1961 đến năm 1965, Mĩ thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam.

- "Chiến tranh đặc biệt" là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chi huy của hệ thống “cố vấn” Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

- Phương thức tiến hành: + Tăng quân đội Sài Gòn từ 170.000 người đến năm 1961 đến 560.000 người năm 1964.

+ Lập "Ấp chiến lược": Dồn 10 triệu dân vào 16.000 ấp chiến lược (trong tổng số 17.000 ấp toàn miền Nam).

+ Mĩ và chính quyền Sài Gòn tiến hành hoạt động phá hoại miền Bắc, phong toả biên giới, vùng biển để ngăn chặn đường tiếp tế cho miền Nam.

- Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

+ Trong những năm 1961 - 1962, quân giải phóng đã đẩy lùi nhiều cuộc chiến công, đồng thời với tiến công tiêu diệt nhiều đồn bốt lẻ của địch.

+ Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 2 - 1 - 1963 đã đánh bại cuộc hành quân càn quét của hơn 2.000 binh lính quân đội Sài Gòn có cố vấn Mĩ chỉ huy, được pháo binh, máy bay, xe tăng, xe bọc thép yểm trợ. Sau trận Ấp Bắc, phong trào "thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công" dấy lên khắp miền Nam.

+ Sau chiến thắng Ấp Bắc, quân giải phóng nhanh chóng trưởng thành và tiến lên đánh những trận có quy mô lớn.

+ Trong Đông - Xuân 1964 - 1965, quân ta mở chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ với trận đánh mở màn vào ấp Bình Giã ngày 2 - 12 – 1964

Trong trận này, ta đã loại khỏi vòng chiến trên 1.700 tên địch, phá huỷ hàng chục máy bay và xe bọc thép, đánh thắng chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" của địch; chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" bị phá sản về cơ bản.

+ Thừa thắng sau chiến thắng Bình Giã, quân giải phóng và nhân dân miền Nam đẩy mạnh tiến công Xuân - Hè 1965 và giành nhiều thắng lợi trong các chiến dịch An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước).

+ Phong trào đấu tranh chính trị: ở đô thị cùng với phong trào phá “ấp chiến lược” ở nông thôn và những đòn tiến công liên tiếp của các lực lượng vũ trang cách mạng đã đẩy nhanh quá trình suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm

**B. CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC (1965 – 1968).**

**I. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (1965 - 1968)**

**1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam**

- Sau thất bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- "Chiến tranh cục bộ" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

- Để thực hiện "Chiến tranh cục bộ", vừa mới vào miền Nam, Mĩ đã cho quân mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của Quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi). Tiếp đó, Mĩ mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (đông - xuân) 1965 - 1966 và 1966 - 1967 bằng hàng loat cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào vùng "đất thánh Việt Cộng".

**2. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ” của Mĩ**

- Mở đầu là thắng lợi ở Núi Thành (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi).

- Ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18 - 8 - 1965, Mĩ huy động 9.000 quân và nhiều xe tăng, máy bay, tàu chiến, mở cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường nhằm tiêu diệt một đơn vị chủ lực của ta. Sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép và hạ 13 máy bay.

- Bước vào mùa khô thứ nhất (Đông - Xuân 1965 - 1966), quân ta đã chặn đánh địch trên mọi hướng, chủ động tiến công địch trên khắp mọi nơi. Quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 104.000 địch, bắn rơi 1.430 máy bay.

- Bước vào mùa khô thứ hai (Đông - Xuân 1966 - 1967), quân ta mở hàng loạt trận phản công đánh bại các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch. Loại khỏi vòng chiến đấu 151.000 tên địch, bắn rơi 1.231 máy bay.

- Ở nông thôn, đấu tranh phá từng mảng ấp chiến lưọc, thành thị nổi lên đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ. Vùng giải phóng mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao.

**3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968**

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng ngày 31 -1 - 1968.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy diễn ra ba đợt: 30 - 1 đến 25 - 2; tháng 5 và 6; tháng 8 và 9 -1968.

- Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công vào các vị trí đầu não của địch, như Toà đại sứ Mĩ, Dinh "Độc lập", Bộ Tổng tham mưu quân Sài Gòn, Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất.

\* Kết quả: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã đánh đòn bất ngờ, làm cho địch choáng váng. Nhưng do lực lượng địch còn đông (hơn nửa triệu lính Mĩ và đồng minh, gần 1 triệu quân đội Sài Gòn), cơ sở ở thành thị mạnh, nên chúng đã nhanh chóng tổ chức lại lực lượng phản công khiến quân ta gặp không ít khó khăn và tổn thất. Quân cách mạng vào chiếm giữ thành phố trong đợt 1 bị đẩy ra ngoài.

\* Ý nghĩa:

- Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Chiến tranh cục bộ").

- Mĩ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu đến bàn đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của quân dân ta.

**II. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất (1965- 1968)**

**1. Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc**

- Ngày 5 - 8 - 1964, sau khi dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ", Mĩ cho máy bay bắn phá một số nơi ở miền Bắc.

- Ngày 7 - 2 - 1965: Mĩ ném bom Đồng Hới (Quảng Bình), đảo Cồn Cỏ (Vĩnh Linh - Quảng Trị)... lấy cớ trả đũa việc quân Giải phóng miền Nam tiến công doanh trại Mĩ ở Plây Cu.

**2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại vừa sản xuất**

- Miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến.

- Toàn dân thực hiện quân sự hoá (đào đắp công sự, triệt để sơ tán...) - Trong sản xuất, xây dựng kinh tế, ta chủ trương đẩy mạnh kinh tế địa phương, bao gồm nông, công nghiệp, giao thông vận tải, trong đó chú trọng phát triển nông nghiệp là mặt trận ta có nhiều tiềm năng.

- Trong hơn 4 năm (5 - 8 - 1964 đến 1 - 11 - 1968), quân dân miền Bắc đã bắn rơi, phá huỷ 3243 máy bay, trong đó 6B52, 3F111, diệt và bắt sống hàng nghìn giặc lái, bắn cháy và bị thương 143 tàu chiến, tàu biệt kích của địch. Bị thiệt hại nặng ở cả hai miền, đến 1 - 11 - 1968, Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom bắn phá miền Bắc.

**3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn**

- Miền Bắc luôn hướng về miền Nam, chi viện sức người, sức của... qua đường Hồ Chí Minh trên bộ, trên biển.

- Tính chung sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào miền Nam sau 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kì trước. (Miền Bắc đưa vào miền Nam hơn 300.000 cán bộ, bộ đội vào miền Nam tham gia chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hoá tại các vùng giải phóng, hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược...).

**III. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ (1969-1973)**

**1. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ**

- Thất bại trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mĩ chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".

- Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh” được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực, không quân Mĩ, và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.

- Để thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", Mĩ cho rút dần quân Mĩ và quân đồng minh khỏi chiến tranh để giảm xương máu. Tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn nhằm thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt". Mĩ dùng lực lượng quân đội Sài Gòn để thực hiện "Đông Dương hoá chiến tranh".

**2. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ**

- Ngày 6 - 6 - 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được thành lập.

Vừa ra đời, Chính phủ cách mạng lâm thời đã được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

- Trong hai năm 1970 - 1971, nhân dân ta cùng với nhân dân hai nước Cam-pu-chia và Lào giành những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận quân sự và chính trị.

- Từ ngày 30 - 4 đến ngày 30 - 6 - 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Cam-pu-chia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn đất đai với 4,5 triệu dân.

- Từ ngày 12-2 đến ngày 23 - 3 - 1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã tập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn -719" của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên địch, buộc quân Mĩ và quân đội Sài Gòn rút khỏi đường 9 - Nam Lào, giữ hành lang chiến lược cách mạng Đông Dương.

- Ở khắp các thành thị, phong trào của các tầng lớp nhân dân nổ ra liên tục. Đặc biệt ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, phong trào học sinh, sinh viên nổ ra rầm rộ đã thu hút đông đảo giới trẻ tham gia.

- Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị, khắp nơi có phong trào của quần chúng nổi dậy chống "bình định", phá "ấp chiến lược" của địch. Đến đầu năm 1971, cách mạng giành quyền làm chủ thêm 3.600 ấp với 3 triệu dân.

**3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972**

- Phát huy thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao trong hai năm 1970 - 1971, quân ta mở đợt tiến công chiến lược bắt đầu 30 - 3 - 1972. Mở đầu, quân ta đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển ra khắp chiến trường miền Nam và kéo dài trong năm 1972.

- Ý nghĩa: Tạo bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, giáng đòn mạnh vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) và quốc sách "bình định" (xương sông) của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh).

**IV. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1969-1973)**

**1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá**

- Nhân dân miền Bắc sôi nổi phong trào thi đua học tập, công tác, lao động sản xuất, nhằm khôi phục và phát triển kinh tế văn hoá.

+ Trong nông nghiệp, có nhiều hợp tác xã áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật, thâm canh tăng vụ.

+ Trong công nghiệp, nhiều cơ sở công nghiệp trung ương và địa phương bị tàn phá được hồi phục nhanh chóng.

+ Hệ thống giao thông vận tải bị phá hoại nặng nề được khẩn trương khôi phục. Văn hoá, giáo dục, y tế phát triển đáng kể. Đời sống nhân dân được ổn định.

**2. Miền Bắc vừa chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương**

- Từ ngày 6 - 4 - 1972, một tuần sau khi quân ta ở miền Nam bắt đầu cuộc tiến công chiến lược, Mĩ cho không quân và hải quân đánh phá một số nơi tại khu IV cũ. Ngày 16 - 4 - 1972, Nich-xơn tuyên bố cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Đến ngày 9 - 5 - 1972, Ních-Xơn lại tuyên bố tăng cường, mở rộng quy mô đánh phá và phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

- Cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Nich-xơn đã vượt xa cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Giôn-xơn cả về quy mô, tốc độ, cường độ đánh phá.

- Nhờ sự chuẩn bị trước, quân dân ta ở miền Bắc đã giành thế chủ động, kịp thời chống trả địch và thắng lợi giòn giã ngay từ trận đầu. Ta vừa chiến đấu, vừa sản xuất vừa làm nghĩa vụ hậu phương.

- Không đạt được mục tiêu mong muốn, cuối 1972, Mĩ tăng cường hơn nữa hoạt động chiến tranh chống phá miền Bắc. Ngày 14 - 12 - 1972, chính quyền Nich-xơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến đấu B52 lớn chưa từng có vào Thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng, với mưu toan cho nhân dân ta những thiệt hại về người và của đến mức không chịu đựng được phải khuất phục.

- Cuộc tập kích 24 trên 24 giờ trong ngày, bắt đầu từ chiều tối 8 - 12 - 1972 đến hết 29 - 12 - 1972.

Trong 12 ngày đêm, Mĩ đã rải xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số mục tiêu phía Bắc vĩ tuyến 20 một khối lượng bom đạn 10 vạn tấn (riêng Hà Nội 4 vạn tấn) với sức công phá bằng 5 quả bom nguyên tử ném xuống Nhật Bản năm 1945.

- Quân dân ta ở miền Bắc làm nên trận thắng "Điện Biên Phủ trên không" buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pa-ri tháng 1 - 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

**V. Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam**

- Cuộc thương lượng chính thức tại Pa-ri, họp ngày 13 - 3 - 1968.

- Lập trường của 4 bên mà thực chất là hai ba bên rất xa nhau, mâu thuẫn nhau, khiến cho cuộc đấu tranh gay gắt diễn ra trên bàn thương lượng, nhưng Mĩ đã thất bại trong cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 và buộc phải trở lại kí dự thảo Hiệp định Pa-ri do ta đưa ra.

- Ngày 27 - 1 - 1973, Hiệp định chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí chính thức.

- Nội dung Hiệp định: + Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

+ Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh về nước để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nưóc ngoài.

+ Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiếm soát và ba lực lượng chính trị (lực lượng cách mạng, lực lượng hoà bình trung lập và lực lượng chính quyền Sài Gòn).

+ Hoa Kì cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương tiến tới thiết lập quan hệ bình thường và cùng có lợi giữa hai nước.

- Ý nghĩa:

+ Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc.

+ Với Hiệp định Pa-ri, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

**C. HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1973-1975)**

**I. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, ra sức chi viện cho miền Nam**

- Sau Hiệp định Pa-ri 1973, miền Bắc có thêm điều kiện thuận lợi để khắc phục hậu quả chiến tranh, chi viện sức người sức của cho tiền tuyến.

- Cuối tháng 6 -1973, miền Bắc căn bản hoàn toàn tháo gỡ thuỷ lôi, bom mìn trên biển, trên sông, bảo đảm việc đi lại bình thường. Sau 2 năm (1973 - 1974), về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thuỷ nông, mạng lưới giao thông, công trình văn hoá, giáo dục, y tế.

- Cuối 1974, sản xuất công, nông nghiệp vượt mức năm 1964 và 1971. Đời sống nhân dân được ổn định.

- Miền Bắc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hậu phương: Đưa vào miền Nam gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, 26 vạn tấn vũ khí, đạn dược, thuốc men, lương thực, thực phẩm, quân trang....

**II. Đấu tranh chống "bình định – lấn chiếm" tạo thế và lực, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam**

- Ngày 29 - 2 - 1973, quân Mĩ rút khỏi nước ta nhưng để lại 2 vạn cố vấn Mĩ.

- Chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pa-ri bằng chiến lược "tràn ngập lãnh thổ" và "bình định – lấn chiếm".

- Ta thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định. Do địch phá hoại trắng trợn, có hệ thống, ta buộc phải cầm súng chiến đấu, bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được, tiếp tục đưa sự nghiệp chống Mĩ cứu nước đến thắng lợi.

- Ngày 7 - 3 - 1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 nêu rõ nhiệm vụ cách mạng miền Nam là: Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.

- Cuối 1974, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân vào hướng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long (từ 12 - 12 - 1974 đến 6 - 1 - 1975), giải phóng thị xã và toàn tỉnh Phước Long với 50.000 dân.

- Trong lúc đó, tại các vùng giải phóng, đồng thời với cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống và tăng nguồn dự trữ chiến lược.

**III. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước**

**1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam**

- Trên cơ sở dự đoán thời cơ, cuối 1974 đầu 1975 Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch 2 năm, nhưng lại nhấn mạnh "cả năm 1975 là thời cơ" và chỉ rõ "Nêu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975" bằng "cuộc Tổng công kích - tổng khởi nghĩa".

**2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975**

a.Chiến dịch Tây Nguyên (từ 3 - 4 đến 24 - 3) - Tây Nguyên là địa bàn chiến lược hết sức quan trọng, cả ta và địch đều cố nắm giữ. Nhưng do nhận định sai hướng tiến công của quân dân ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở.

- Thực hiện kế hoạch, ta tập trung chủ lực mạnh với vũ khí kĩ thuật hiện đại, mở chiến dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên.

+ Ngày 10 - 3 - 1975, ta tấn công Buôn Ma Thuột và nhanh chóng giải phóng thị xã này.

+ Ngày 14 - 3 - 1975, địch rút khỏi Tây Nguyên về giữ vùng Duyên hải miền Trung.

+ Ngày 24 - 3 - 1975, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.

- Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ 21 - 3 đến 29 - 3)

- Ngày 21 - 3, quân ta đánh thẳng vào căn cứ địch, chặn các đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vây chúng trong thành phố Huế. Đúng 10 giờ 30 ngày 25 - 3, quân ta tiến vào cố đô Huế, đến hôm sau (26 - 3) thì giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên.

- Sáng 29 - 3, quân ta từ ba phía Bắc, Tây, Nam tiến thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chiều thì chiếm toàn bộ Đà Nẵng.

- Trong cùng thời gian trên, từ cuối tháng 3 đến tháng 4, nhân dân các tỉnh còn lại ở ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh ở Nam Bộ, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương và quân chủ lực, đã nổi dậy giành quyền làm chủ.

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 - 4 đến 30 - 4)

- Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn, quân ta tiến công Xuân Lộc và Phan Rang - những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông.

- 17 giờ ngày 26 - 4, quân ta được lệnh tổng nổ súng mở đầu chiến dịch, 5 cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

- 10 giờ 45 phút ngày 30 - 4, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn, Dương Văn Minh (vừa lên chức Tổng thống Chính phủ Sài Gòn ngày 28 - 4) đã phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

- Đầu năm 1975, khi thời cơ đến nhanh, hết sức thuận lợi, Bộ Chính trị kịp thời quyết định thực hiện cuộc Tổng tiến công (tổng công kích) và nổi dậy.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy diễn ra gần 2 tháng (từ 4 - 3 đến 2 - 5 - 1975), bằng ba chiến dịch tấn công lớn của lực lượng vũ trang có lực lượng quần chúng nổi dậy phối hợp.

**IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954-1975)**

**1. Ý nghĩa lịch sử**

\* Đối với dân tộc: - Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất đất nước.

- Mở ra kĩ nguyên mới cho lịch sử dân tộc - kĩ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên của chủ nghĩa xã hội.

\* Đối với thế giới: Tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc.

**2. Nguyên nhân thắng lợi**

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đường lối tiến hành đồng thời cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam.

- Nhân dân hai miền đoàn kết yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

- Nhờ có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Nhờ có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương.

- Nhờ có sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Câu 1.** Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954. Vì sao sau năm 1954, đất nước ta bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau?

\* Tình hình:

- Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương được kí kết, đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia của thực dân Pháp có đế quốc Mĩ giúp sức.

- Về phía ta: thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về ngừng bắn, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực, tiến tới tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất đất nước.

- Về phía Pháp: thực dân Pháp chỉ thực hiện điều khoản ngừng bắn, tập kết chuyển quân và chuyên giao khu vực - tức rút hết quân khỏi miền Bắc - sau thời hạn quy định 300 ngày (đến 22 - 5 - 1955) và sau đó rút hết quân khỏi miền Nam sau thời hạn quy định 2 năm (đến 5 - 1956). Nhưng Pháp không thực hiện các điều khoản còn lại, trong đó có việc tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử hai miền Nam - Bắc Việt Nam.

- Về phía Mĩ: ngay sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 được kí kết, Mĩ thay Pháp dựng chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ.

\* Vì sao: Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương, nước ta bị chia cắt làm hai miền Nam - Bắc là do: - Pháp không thi hành nghiêm chỉnh và đầy đủ những quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Việt Nam.

- Mĩ và chính quyền Sài Gòn phá Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Việt Nam, âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ.

**Câu 2.** Nhiệm vụ cách mạng của hai miền nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 là gì? Kết quả và ý nghĩa của cải cách ruộng đất ở miền Bắc nước ta (1953 - 1957).

\* Nhiệm vụ:

- Ở miền Bắc, sau khi hoàn thành nhiệm vụ chống đế quốc, phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chống phong kiến, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Miền Nam có nhiệm vụ đấu tranh đòi thi hành đầy đủ Hiệp định Giơ-ne-vơ; đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống; chống sự khủng bố, đàn áp của địch.

Nhiệm vụ chung của nhân dân hai miền là ra sức xây dựng miền Bắc vững mạnh, đấu tranh đòi hòa bình, độc lập và dân chủ trong cả nước, tiến tới tổ chức Tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước.

\* Kết quả: Cách mạng lấy từ tay địa chủ 81 vạn héc ta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu công cụ chia cho 2 triệu hộ nông dân. Thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng", đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến, đưa nông dân lên địa vị làm chủ ở nông thôn \* Ý nghĩa : - Bộ mặt miền Bắc thay đổi, giai cấp địa chủ phong kiến không còn, khối công nông liên minh được củng cố.

- Góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

**Câu 3.** Miền Bắc đã đạt được những thành tựu gì trong việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 - 1957)? Ý nghĩa của những thành tựu trong công cuộc khôi phục kinh tế ở miền Bắc.

\* Những thành tựu:

- Nông nghiệp: khai khẩn ruộng đất bỏ hoang cày cấy hết diện tích, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm công cụ, sửa chữa đê điều. Đến cuối năm 1957, sản lượng nông nghiệp vượt quá mức trước chiến tranh, giải quyết cơ bản nạn đói kinh niên ở miền Bắc.

- Công nghiệp: khôi phục và mở rộng các cơ sở công nghiệp... xây dựng thêm nhiều nhà máy mới...

Đến cuối năm 1957, miền Bắc có 95 xí nghiệp do nhà nước quản lí.

- Thủ công nghiệp: sản xuất thêm nhiều mặt hàng tiêu dùng, đảm bảo nhu cầu tối thiểu của đời sống, giải quyết việc làm cho người lao động. Đến cuối năm 1957, số thợ thủ công tăng gấp đôi so với trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Thương nghịêp: mở rộng hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán, cung cấp càng ngày nhiều mặt hàng cho nhân dân, giao lưu hàng hóa giữa các địa phương phát triển, hoạt động ngoại thương dần dần tập trung vào tay nhà nước. Đến cuối năm 1957, miền Bắc đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

- Giao thông vận tải: khôi phục 700 km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn km đường ôtô, xây dựng lại và mở rộng các cảng... khai thông đường hàng không dân dụng quốc tế.

\* Ý nghĩa của những thành tựu: Nền kinh tế phục hồi, có điều kiện phát triển, giải quyết những vấn đề xã hội, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân; củng cố miền Bắc, cổ vũ cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

**Câu 4.** Vì sao Đảng và Nhà nước ta chủ trương cải tạo quan hệ sản xuất trong những năm 1958 - 1960? Những thành tựu đạt được.

\* Vì sao:

- Sau ba năm (1954 - 1957) hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, nền kinh tế miền Bắc tuy có nhiều thay đổi nhưng về cơ bản vẫn là kinh tế nông nghiệp phân tán lạc hậu, lao động thủ công, năng suất thấp. Sự chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất vẫn còn phổ biến, kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, tiểu thương chiếm tỉ lệ lớn.

- Để khắc phục tình trạng đó, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển, Đảng và Nhà nước ta chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể, phát triển thành phần kinh tế quốc doanh làm lực lượng lãnh đạo toàn bộ kinh tế quốc dân.

\* Những thành tựu: - Về kinh tế: xây dựng nhiều nhà máy, xí nghiệp, nông trường... Đến cuối năm 1960, có 172 cơ sở công nghiệp do trung ương quản lý, 500 cơ sở do địa phương quản lí.

- Về văn hóa: + Căn bản xóa xong nạn mù chữ ở miền xuôi cho những người dưới 50 tuổi.

+ Hệ thống giáo dục phổ thông mở rộng với số học sinh tăng 80% so với năm 1957, có 9 trường đại học với hơn 11.000 sinh viên.

+ Cơ sở y tế tăng 11 lần so với 1955.

**Câu 5.** Vì sao nhân dân miền Nam phải tiếp tục đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ? Những nét chính về diễn biến của phong trào.

\* Vì sao:

- Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết, Mĩ dựng nên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm để thực hiện dã tâm xâm lược nước ta. Thông qua chính quyền và quân đội tay sai, Mĩ muốn biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự để tiến công ra miền Bắc, ngăn chặn làn sóng cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở khu vực Đông Nam Á.

- Để thực hiện ý đồ này, Mĩ đã viện trợ trực tiếp cho chính quyền ngụy, liên tiếp đưa cố vấn quân sự và vũ khí vào miền Nam, giúp Diệm xây dựng đội quân lớn, trang bị vũ khí tối tân; ráo riết tổ chức những chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng", tàn sát dã man những người kháng chiến cũ; đưa hàng hóa Mĩ, Nhật vào tràn miền Nam, nhằm tạo ra phồn vinh giả tạo, xa hoa, trụy lạc...

- Mĩ - Diệm còn tuyên bố "không có Hiệp thương tổng tuyển cử", tự động bầu cử quốc hội riêng rẽ và ban hành hiến pháp riêng, xóa bỏ Hiệp định Giơ- ne-vơ.

- Hành động tàn bạo và trắng trợn của Mĩ - Diệm đã gây nên làn sóng căm phẫn trong các tầng lớp nhân dân miền Nam, là nguyên nhân dẫn đến các phong trào đấu tranh quyết liệt thời kì này.

\* Những nét chính về diễn biến: - Mở đầu là "Phong trào hòa bình" ra đời ở Sài Gòn - Chợ Lớn của trí thức và các tầng lớp nhân dân vào tháng 8 - 1954

- "Phong trào hòa bình" bị địch đàn áp, nhưng phong trào vì mục tiêu hòa bình của các tầng lớp nhân dân tiếp tục đang cao, từ các thành phố Huế, Đà Nẵng... đến các vùng nông thôn. Hình thành mặt trận chống Mĩ - Diệm bao gồm các tầng lớp nhân dân các đảng phái, giáo phái, dân tộc ít người.

- Từ năm 1958 - 1959, khi chính quyền Diệm lộ rõ bộ mặt phản động, phong trào đấu tranh còn nhằm chống khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", đòi tự do, dân sinh, dân chủ, gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng. Hình thức đấu tranh cũng thay đổi từ đấu tranh chính trị hòa bình chuyển sang dùng bạo lực, tiến hành đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

**Câu 6.** Phong trào nào ở miền Nam làm thất bại âm mưu của Mĩ trong việc thực hiện chiến tranh điển hình? Những điều kiện bùng nổ và tác dụng của phong trào đó đối với cách mạng miền Nam.

\* Đó là phong trào "Đồng khởi 1959 -1960".

\* Điều kiện bùng nổ:

- Trong những năm 1957 - 1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn. Ngô Đình Diệm đề ra Luật 10/59 (tháng 5 - 1959) thẳng tay giết hại bất cứ người yêu nước nào hoặc bất cứ ai có biểu hiện chống lại chúng, làm cho hàng vạn cán bộ, đảng viên bị giết hại, hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đày. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam đòi hỏi có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách.

- Tháng 1 - 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm, và nhấn mạnh: ngoài con đường bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác.

- Được Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng, phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương lan rộng khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.

\* Tác dụng: - Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" dẫn đến sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20 - 12 - 1960.

- Chấm dứt thời kì ổn định tạm thời chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.

**Câu 7.** Miền Bắc đạt được những thành tựu gì trong thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm (1961 - 1965)? - Trong kinh tế, ngành công nghiệp được ưu tiên đầu tư xây dựng.

- Trong nông nghiệp, sau khi đưa đại bộ phận nông dân vào các hợp tác xã nông nghiệp, từ năm 1961, các địa phương thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao.

- Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh thị trường, góp phần phát triển kinh tế. Củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

- Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường liên tỉnh, liên huyện, đường sông, đường hàng không được củng cố. Việc đi lại trong nước và giao thông quốc tế thuận lợi hơn.

- Hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển mạnh.

- Hệ thống y tế, chăm lo sức khoẻ được đầu tư phát triển. Những loại dịch bệnh ở miền Bắc cơ bản được xoá bỏ.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm đã làm thay đổi bộ mặt miền Bắc.

**Câu 8.** Vì sao Đảng ta tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III. Nội dung cơ bản của Đại hội.

\* Vì sao:

- Giữa lúc cách mạng ở hai miền Nam - Bắc có những bước tiến quan trọng, Đảng Lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III.

- Đại hội họp từ ngày 5 đến 10 - 9 - 1960 ở Hà Nội. Tham dự đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết.

\* Nội dung: - Đại hội chỉ rõ vị trí, vai trò của cách mạng từng miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.

- Đại hội nghe thảo luận Báo cáo Chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ nhất (1961 - 1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

- Đại hội bầu Ban chấp hành Trung ương mới của Đảng. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn giữ chức Bí thư thứ nhất của Đảng.

**Câu 9.** Trình bày âm mưu và thủ đoạn của Mĩ khi tiến hành "Chiến tranh đặc biệt" (1961 - 1965) ở miền Nam. Quân dân miền Nam đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ như thế nào?

\* Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ**:**

- Sau thất bại trong phong trào "Đồng Khởi" (1959 - 1960), Mĩ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Từ năm 1961 đến năm 1965, Mĩ thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam.

- "Chiến tranh đặc biệt" là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

- Để tiến hành "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đã tăng quân đội Sài Gòn từ 170.000 người đến năm 1961 đến 560.000 người năm 1964. Lập "Ấp chiến lược": Dồn 10 triệu dân vào 16.000 ấp chiến lược (trong tổng số 17.000 ấp toàn miền Nam). Mĩ và chính quyền Sài Gòn tiến hành hoạt động phá hoại miền Bắc, phong toả biên giới, vùng biển để ngăn chặn đường tiếp tế cho miền Nam.

\* Quân dân miền Nam chiến đấu: - Trong những năm 1961 - 1962, quân giải phóng đã đẩy lùi nhiều cuộc chiến công, đồng thời với tiến công tiêu diệt nhiều đồn bốt lẻ của địch.

- Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 2 - 1 - 1963 đã đánh bại cuộc hành quân càn quét của hơn 2.000 binh lính quân đội Sài Gòn có cố vấn Mĩ chỉ huy, được pháo binh, máy bay, xe tăng, xe bọc thép yểm trợ.

Sau trận Ấp Bắc, phong trào "thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công" dấy lên khắp miền Nam.

- Sau chiến thắng Ấp Bắc, quân giải phóng nhanh chóng trưởng thành và tiến lên đánh những trận có quy mô lớn.

- Trong Đông - Xuân 1964 - 1965, quân ta mở chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ với trận đánh mở màn vào ấp Bình Giã ngày 2 - 12 - 1964. Trong trận này, ta đã loại khòi vòng chiến trên 1.700 tên địch, phá huỷ hàng chục máy bay và xe bọc thép, đánh thắng chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" của địch; chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" bị phá sản về cơ bản.

- Thừa thắng sau chiến thắng Bình Giã, quân giải phóng và nhân dân miền Nam đẩy mạnh tiến công Xuân - Hè 1965 và giành nhiều thắng lợi trong các chiến dịch An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước).

- Phong trào đấu tranh chính trị: ở đô thị cùng với phong trào phá "ấp chiến lược" ở nông thôn và những đòn tiến công liên tiếp của các lực lượng vũ trang cách mạng đã đẩy nhanh quá trình suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm.

**Câu 10.** Những âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong việc tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam. Thắng lợi mở đầu của quân dân miền Nam việc đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

\* Những âm mưu và thủ đoạn:

- Sau thất bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ” và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- "Chiến tranh cục bộ" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

- Để thực hiện "Chiến tranh cục bộ", vừa mới vào miền Nam, Mĩ đã cho quân mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi). Tiếp đó, Mĩ mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (Đông - Xuân) 1965 - 1966 và 1966 - 1967 bằng hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào vùng "đất thánh Việt Cộng".

\* Thắng lợi mở đầu của quân dân miền Nam: - Đó là chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi): vào ngày 18 - 8 - 1965, Mĩ huy động 9.000 quân và nhiều xe tăng, máy bay, tàu chiến, mở cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường nhằm tiêu diệt một đơn vị chủ lực của ta.

Sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép và hạ 13 máy bay.

**Câu 11.** Vì sao ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968. Ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công này.

\* Vì sao:

- Bước vào mùa xuân 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô.

- Năm 1968, ta lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống (1968), ta chủ trương mở một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là đô thị.

\* Ý nghĩa: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy có ý nghĩa hết sức to lớn: - Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Chiến tranh cục bộ").

- Mĩ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu đến bàn đàm phán ở Pa ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của quân dân ta.

**Câu 12.** Mĩ tiến hành đánh phá miền Bắc lần thứ nhất nhằm âm mưu gì? Chúng đã bị thất bại như thế nào?

\* Âm mưu:

- Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

- Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

- Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

\* Chúng bị thất bại: - Khi Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, miền Bắc đã chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, thực hiện quân sự hoá toàn dân. Miền Bắc vừa sẵn sằng chống lại hành động đánh phá của Mĩ vừa lao động sản xuất.

- Trong chiến đấu, miền Bắc đã bắn rơi và phá huỷ 3.243 máy bay Mĩ; bắn cháy và chìm 143 tàu chiến Mĩ. Ngày 1 - 11 - 1968, Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

**Câu 13.** Miền Bắc đạt được những thành tích gì trong việc thực hiện nhiệm vụ vừa chiến đấu vừa sản xuất?

- Trong chiến đấu cả nước đã dấy lên một phong trào thi đua với các khẩu hiệu "Nhằm thẳng quân thù mà bắn" trong lực lượng vũ trang. "Chắc tay búa, tay súng" trong công nhân. Các phong trào "ba sẵn sàng" của thanh niên, "ba đảm đang" của phụ nữ.

- Hơn 4 năm chống chiến tranh phá hoại (từ ngày 5 - 8 - 1964 đến ngày 1-11 - 1968), miền Bắc đã bắn rơi 3.243 máy bay, diệt và bắt hàng nghìn giặc lái, bắn cháy, bắn chìm 143 tàu chiến và tàu diệt kích.

Ngày 1 - 11 -1968, Mĩ tuyên bố ngừng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Trong sản xuất: + Nông nghiệp, diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động tăng lên, nhiều hợp tác xã, địa phương đạt "Ba mục tiêu" (5 tấn thóc, 2 đầu lợn, 1 lao động trên 1 ha diện tích gieo trồng trong 1 năm).

Năm 1965, miền Bắc có 7 huyện, 640 hợp tác xã đạt mục tiêu 5 tấn thóc trên 1 hec ta trong hai vụ, đến năm 1967 có 30 huyện và 2485 hợp tác xã.

+ Công nghiệp, đáp ứng được nhu cầu thiết yếu nhất của chiến đấu và đời sống. Công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng đều phát triển. Mỗi tỉnh trở thành một đơn vị kinh tế tương đối hoàn chỉnh.

+ Giao thông vận tải thông suốt đảm bảo yêu cầu phục vụ chiến đấu, sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

**Câu 14.** Thế nào là "Việt Nam hoá chiến tranh"? Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".

\* Việt Nam hoá chiến tranh: Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là một loại hình chiến tranh thực dân mới của Mĩ được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực và không quân Mĩ, và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

\* Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ: - Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực và không quân Mĩ, và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.

- Để thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", Mĩ đã: + Rút dần quân Mĩ và quân đồng minh khỏi chiến tranh để giảm xương máu.

+ Tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn nhằm thực hiện âm mưu "Dùng người Việt đánh người Việt".

- Mĩ dùng lực lượng quân đội Sài Gòn để thực hiện "Đông Dương hoá chiến tranh".

- Mĩ còn dùng thủ đoạn ngoại giao xảo quyệt như thoả thuận với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước đó đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

**Câu 15.** Nêu những thắng lợi trên mặt trận quân sự trong cuộc chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ.

- Từ ngày 30 - 4 đến ngày 30 - 6 - 1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Cam-pu- chia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn đất đai với 4,5 triệu dân.

- Từ ngày 12 - 2 đến ngày 23 - 3 - 1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã đập tan cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn -719” của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên địch, buộc quân Mĩ và quân đội Sài Gòn rút khỏi đường 9 - Nam Lào, giữ hành lang chiến lược cách mạng Đông Dương.

- Năm 1972, quân dân miền Nam mở cuộc tiến công chiến lược bắt đầu 30 - 3 - 1972. Mở đầu, quân ta đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển ra khắp chiến trường miền Nam và kéo dài trong năm 1972.

- Cuộc tiến công đã giáng đòn mạnh vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) và quốc sách "bình định" (xương sông) của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh).

**Câu 16.** Trận "Điện Biên Phủ trên không" đã diễn ra như thế nào từ ngày 18 đến ngày 29 - 12 - 1972. Nêu kết quả và ý nghĩa.

\* Trận "Điện Biên Phủ trên không":

- Ngày 6 - 4 - 1972, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi thuộc khu IV cũ. Ngày 16 - 4 - 1972, Nich-xơn tuyên bố chính thức gây ra cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai); đến ngày 9 - 5 - 1972, tuyên bố phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

- Nhờ được chuẩn bị trước và với tư thế luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, miền Bắc đã có thế chủ động, kịp thời chống trả địch ngay từ trận đầu.

Ngày 14 -12 -1972, gần 2 tháng sau khi tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, để hỗ trợ cho mưu đồ chính trị - ngoại giao mới, Nich-xơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng bắt đầu từ chiều tối 18 đến hết ngày 29 -12 -1972.

Quân dân ta ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích không quân của Mĩ, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không".

\* Nêu kết quả và ý nghĩa:

- Kết quả: Ta đã bắn rơi 81 máy bay (trong đó 34 máy bay B52, 5 máy bay Fill), bắt sống 43 phi công Mĩ. Tính chung, trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai (từ 6 - 4 - 1972 đến 15 - 1 - 1973), miền Bắc bắn rơi 735 máy bay Mĩ (trong đó có 61 máy bay B52, 10 máy bay Fill), bắn chìm 125 tàu chiến, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm phi công Mĩ.

- Ý nghĩa: "Điện Biên Phủ trên không” là trận thắng quyết định của ta, đã buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc (15 - 1 - 1973) và Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27- 1 - 1973).

**Câu 17**. Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được kí kết trong bối cảnh lịch sử như thế nào? Nêu nội dung và ý nghĩa của Hiệp định.

\* Hoàn cảnh:

- Quan điểm của ta: đòi Mĩ rút hết quân của mình và quân đồng minh khỏi miền Nam và đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

- Phía Mĩ có quan điểm ngược lại, nhất là vấn đề rút quân, đòi quân đội miền Bắc cũng rút khỏi miền Nam, và từ chối kí dự thảo Hiệp định do phía Việt Nam đưa ra (10 - 1972) để mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 và Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 với ý đồ buộc phía Việt Nam kí dự thảo Hiệp định do Mĩ đưa ra.

- Nhưng Mĩ đã thất bại, Việt Nam đã đập tan cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 của Mĩ, làm nên trận "Trận Điện Biên Phủ trên không”, sau đó buộc Mĩ trở lại kí dự thảo Hiệp định Pa-ri do ta đưa ra trước đó.

- Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí tắt ngày 23 - 1 - 1973 giữa đại diện hai chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kì, và kí chính thức ngày 27 - 1 - 1973 giữa bốn Bộ trưởng đại diện cho các chính phủ tham dự hội nghị tại Pa-ri. Hiệp định Pa-ri bắt đầu có hiện lực từ ngày kí chính thức.

Hiệp định Pa-ri kí chính thức ngày 27 -1 -1973 giữa bốn Bộ trưởng đại diện cho các chính phủ tham dự hội nghị tại Pa-ri.

\* Nội dung Hiệp định:

- Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh về nước để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị (lực lượng cách mạng, lực lượng hoà bình trung lập và lực lượng chính quyền Sài Gòn).

- Hoa Kì cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, tiến tới thiết lập quan hệ bình thường và cùng có lợi giữa hai nước.

\* Ý nghĩa: - Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc.

- Với Hiệp định Pa-ri, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

**Câu 18.** Sau Hiệp định Pa-ri 1973 về Việt Nam, miền Bắc thực hiện những nhiệm vụ gì? Ý nghĩa của những nhiệm vụ đó.

\* Những nhiệm vụ:

- Sau Hiệp định Pa-ri, miền Bắc thực hiện nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa, ra sức chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

- Cuối tháng 6 -1973, miền Bắc căn bản hoàn toàn tháo gỡ thuỷ lôi, bom mìn trên biển, trên sông, bảo đảm việc đi lại bình thường. Sau 2 năm (1973 - 1974) về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thuỷ nông, mạng lưới giao thông, công trình văn hoá, giáo dục, y tế.

- Cuối 1974, sản xuất công, nông nghiệp vượt mức năm 1964 và 1971. Đời sống nhân dân được ổn định.

- Miền Bắc tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hậu phương: Đưa vào miền Nam gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, 26 vạn tấn vũ khí, đạn dược, thuốc men, lương thực, thực phẩm, quân trang....

\* Ý nghĩa: - Kịp thời phục vụ cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975.

- Chuẩn bị mọi điều kiện thuận lợi cho việc tiếp quản vùng giải phóng sau khi chiến tranh kết thúc.

- Tiếp tục thể hiện vai trò của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

**Câu 19.** Sau Hiệp định Pa-ri, Mĩ và chính quyền Sài Gòn thực hiện âm mưu gì? Thế và lực của ta và địch thay đổi như thế nào?

\* Âm mưu: - Mĩ rút quân nhưng vẫn để lại 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

- Quân đội Sài Gòn huy động toàn bộ lực lượng tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ" (tức chiến dịch nhằm chiếm giữ toàn bộ miền Nam), liên tiếp mở những cuộc hành quân "bình định - lấn chiếm" vùng giải phóng.

\* Thế và lực: - Về phía ta: + Miền Bắc có điều kiện hòa bình để đẩy mạnh sản xuất, tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng, tăng cường chi viện sức người sức của cho miền Nam: Trong hai năm 1973 - 1974, miền Bắc đã đưa vào miền Nam gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, kĩ thuật, trong hai tháng đầu năm 1975, đưa vào miền Nam 5,7 vạn bộ đội. Miền Bắc cũng đưa vào chiến trường hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang quân dụng, xăng dầu, thuốc men, lương thực, thực phẩm.

+ Ở miền Nam, vùng giải phóng được mở rộng, nhân dân ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, tăng nguồn dự trữ chiến lược. Sự thay đổi trong lực lượng có lợi cho cách mạng miền Nam.

- Về phía địch, sau Hiệp định Pa-ri, quân Mĩ và quân đồng minh từ chỗ có hơn nửa triệu (năm 1969) rút dần về nước, hai tháng sau (ngày 29 - 3 -1973) chỉ giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự. Sau khi Mĩ rút quân về nước, viện trợ của Mĩ cho chính quyền Sài Gòn giảm dần. Chính quyền Sài Gòn mất chỗ dựa, ngày càng suy yếu.

**Câu 20.** Kế hoạch giải phóng miền Nam được Đảng đề ra trong hoàn cảnh lịch sử nào? Tính đúng đắn của kế hoạch thể hiện như thế nào?

\* Hoàn cảnh: - Sau Hiệp định Pa-ri về Việt Nam năm 1973, Mĩ và quân đồng minh đã rút hết về nước, làm cho chính quyền, quân đội Sài Gòn mất chỗ dựa, viện trợ của Mĩ về quân sự, kinh tế, tài chính cho chính quyền Sài Gòn giảm một nữa.

- Về phía ta, trong điều kiện hòa bình, miền Bắc đẩy mạnh sản xuất, xây dựng, làm tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng, tạo điều kiện chi viện sức người sức của cho miền Nam. Ở miền Nam, vùng giải phóng của ta được mở rộng, sản xuất đẩy mạnh, đã tăng nguồn lực tại chỗ.

\* Tính đúng đắn của kế hoạch: - Kế hoạch đề ra trên cơ sở nhận định đúng tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng. Ta có thể tranh thủ thời cơ đánh nhanh, để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa...

- Kế hoạch thể hiện sự linh hoạt trước những thắng lợi nhanh chóng của cách mạng miền Nam: kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đề ra là hai năm (1975 -1976), nhưng nếu thời cơ đến thì giải phóng sớm trong năm 1975.

**Câu 21.** Vì sao trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 ta chọn Tây Nguyên mở đầu cho chiến dịch? Tóm tắt diễn biến và ý nghĩa của chiến dịch.

\* Vì sao:

- Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược rất quan trọng ở miền Nam, cả ta và địch đều muốn chiến giữ.

- Do địch chủ quan, nghĩ rằng ta không đánh Tây Nguyên nên bố trí lực lượng phòng ngự ở đây mỏng và có nhiều sơ hở. Biết được yếu điểm đó của địch, ta quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên để mở đầu cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975.

\* Tóm tắt diễn biến : Ngày 4 - 3, ta đánh nghi binh ở Plây Cu, Kom Tum. Ngày 10 - 3 - 1975, với lực lượng mạnh hơn địch, quân ta tiến công Buôn Ma Thuột và giành thắng lợi nhanh chóng (11 - 3 -1975).

Ngày 12 - 3 - 1975 địch phản công tái chiếm Buôn Ma Thuột nhưng thất bại. Hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn.

Ngày 14 - 3 - 1975 địch bắt đầu rút lui khỏi Tây Nguyên, trên đường rút chạy, chúng bị quân ta truy kích tiêu diệt.

Đến ngày 24 - 3 - 1975, chiến dịch kết thúc, Tây Nguyên rộng lớn với hơn 60 vạn dân được giải phóng.

\* Ý nghĩa : Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi, đã chuyển cuộc kháng chiến của ta từ tiến công chiến lược, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên miền Nam.

**Câu 22**. Những nét chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân ta từ ngày 21 - 3 đến ngày 30 - 4 - 1975 để đánh sập ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn.

- Ngày 21 - 3, quân ta đánh thẳng vào căn cứ địch ở Quảng Trị, chặn các đường rút chạy của chúng hình thành thế bao vây địch trong thành phố Huế. 10 giờ 30 phút ngày 25 - 3, quân ta tiến vào cố đô Huế, đến ngày 26 - 3 - 1975, giải phóng thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên.

- Ngày 24 và 25 - 3 - 1975, quân ta giải phóng Tam Kì, Quảng Ngãi, Chu Lai, tạo thêm một hướng uy hiếp Đà Nẵng từ phía Nam.

- Sáng ngày 29 - 3 - 1975, quân ta từ ba phía Bắc, Tây, Nam tiến thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chiều thì chiếm được thành phố Đà Nẵng.

- Ngày 9 - 4 - 1975, quân ta tấn công Xuân Lộc - một căn cứ phòng thủ trọng yếu bảo vệ Sài Gòn từ phía đông. Ngày 16 - 4, quân ta phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang.

- Ngày 21 - 4 - 1975, quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy.

- Ngày 26 - 4 - 1975, quân ta nổ súng mở đầu chiến dịch. Năm cánh quân của ta cùng lúc vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chính quyền Sài Gòn.

- 10 giờ 45 phút, ngày 30 - 4, xe tăng của ta tiến thẳng vào "Dinh Độc Lập", bắt sông ngụy quyền trung ương. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện, ll giờ 30 phút cùng ngày, cờ cách mạng tung bay trên nóc Phủ Tổng thống Ngụy, báo hiệu chiến dịch toàn thắng.

**Câu 23**. Trình bày những yếu tố tạo nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta. Tác động của thắng lợi đó đối với lịch sử thế giới như thế nào?

\* Những yếu tố:

- Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đường lối tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

- Nhân dân ta ở hai miền đoàn kết nhất trí, giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

- Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương.

- Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

\* Tác động: - Thắng lợi của nhân dân ta, thất bại của đế quốc Mĩ đã tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

- Thắng lợi của nhân dân ta đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.